

SA DI LUẬT GIẢI

QUYỂN THƯỢNG

(THIÊN SA DI YẾU LƯỢC)

SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ

QUYỂN THƯỢNG

Bồ tát giới đệ tử, Vân Thê tự, Sa môn Châu Hoằng, Tập Bồ đề tâm, Ty kheo Đảnh Hồ Sơn, Sa môn Hoằng Tấn chú.

KIM THỬ "yếu lược" nhất thư, nãi Vân Thê Đại sư, ư "Sa di thập giới" kinh đẳng, tập xuất, kỳ nghĩa thiết yếu nhi văn giản lược, dĩ tiện sơ cơ Sa di tập học, du quan chương quả.

Ấn Sa di hữu tam phẩm :

Nhất-tùng thất tuế, chí thập tam tuế, danh "khu ô Sa di", vị kỳ niên ấu vị kham biệt vụ, duy linh vị tăng thủ hộ cốt mạch, cặp ư thực trụ, tọa thiền đẳng xứ, khu khiển ô điều, dĩ đại phiến lao, kiêm sanh phước thiện, vô trí tọa tiêu tín thí, hư độ quang âm dã,

Nhị-tùng thập tứ tuế, chí thập cửu tuế, danh "ứng pháp Sa di", vị kỳ niên chánh giữ nhị pháp tương ứng : Nhất năng sự sư, chấp lao phục dịch. Nhị năng tập học thiền tụng, cố dã.

BỘ SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ

QUYỂN THƯỢNG

*Đệ tử (1) thọ giới (2) Bồ tát (3) chùa (4) Vân Khê
(5) Sa môn : tên Châu Hoàng (6) biên chánh văn.
Thầy Tỳ kheo (7) phát tâm Bồ đề (8) ở non Đảnh
Hồ, Sa môn : tên Hoàng Tấn (9) chú giải.*

NAY một bộ "yếu lược" đây, chính Ngài "Vân Khê" đại sư, rút ra trong kinh "Sa di thập giới" và các kinh khác, nghĩa rất thiết yếu và văn dón gọn, vừa dễ, kẻ sơ cơ "Sa di" học tập, rõ ràng như xem trái để trong bàn tay.

Xét "Sa di" có 3 bậc :

1.- Từ 7 tuổi đến 13 tuổi, gọi là "Sa di đuổi quạ". Nghĩa là : Tuổi còn nhỏ chưa biết làm việc chi khác, chỉ khiến vì chúng tăng gìn giữ lúa bắp và làm việc nơi nhà nấu ăn, dọn dẹp chỗ ngồi thiền v.v... và đuổi chim quạ để thể chút nhọc (*cho quý thầy trên*), thêm sanh phước lành, chớ để ngồi không hao của tín thí, luống qua ngày đêm vậy.

2.- Từ 14 tuổi đến 19 tuổi gọi là "Sa di ứng pháp". Nghĩa là : Tuổi cỡ này hai pháp làm dạng :

I.- Có thể thờ Thầy làm được việc khó nhọc.

II.- Là hay tu tập thiền tụng cố vậy.

Tam-tùng nhị thập tuế; chí thất thập tuế, danh "Danh tự Sa di", vị kỳ niên mãn nhị thập, ứng thọ "cụ giới", hoặc căn tánh ám độn, hoặc xuất gia niên vấn, bất năng đốn trì chư giới, tuy niên đăng Tỳ kheo, vị thị Sa di, cố danh "Danh tự Sa di".

Phẩm số tuy tam, nhi cụ bảm thập giới, tổng danh vi "nhất pháp đồng Sa di". Nhược thế tu phát, bất thọ thập giới, danh "Hình đồng Sa di". Kỳ hình tương tuy đồng, do vô giới nhiếp, phi ngũ chúng số, kim dẫn hình đồng, nhi thủ pháp đồng dã.

Phạm ngữ "Sa di", thử vân "Tức từ", vị tức ác, hành từ, tức thế nhiễm, nhi từ tế chúng sanh dã. Diệc vân "cần sách", diệc vân "cầu tịch".

"Phạm ngữ" giả, Vị "Thiên Trúc" nhưn âm, dữ "Phạm thiên" ngữ vô dị, cố danh "Phạm ngữ".

Lương do thế giới sơ thành, vị hữu nhưn cư địa quang thượng triệt, "Sắc giới Phạm thiên" chi chúng, tầm quang há quán tân địa, thực kỳ địa vị, thất "thiên quang minh thần túc" bất năng thượng thăng. Toại vi nhưn tổ, thế cư "Thiên trúc". Tự hậu nhưn tùy địa chuyển âm các thành dị, duy Thiên trúc tồn yên; cố kỳ ngữ thị Phạm ngữ, thơ thị Phạm thơ, biệt quốc sở vô dã.

3.- Từ 20 tuổi đến 70 tuổi gọi là "Sa di danh tự". Nghĩa là : Tuổi đủ 20, đáng lẽ thọ giới "cụ túc" nhưng vì căn tánh ám độn, hoặc lớn tuổi mới xuất gia, không thể giữ nổi các giới, tuy tuổi đáng bực Tỳ kheo, nhưng địa vị chỉ Sa di thôi, cho nên gọi là "Sa di danh tự".

Phẩm số của Sa di tuy ba bậc : Nhưng bậc nào cũng vưng chịu 10 giới, cho nên chung gọi là : "đồng một pháp Sa di". Bằng cạo râu tóc, mà không thọ 10 giới, thì gọi là "hình đồng Sa di". Nghĩa là : Hình tướng tuy đồng nhưng không giữ giới, cho nên không được liệt vào trong số năm chúng xuất gia ⁽¹⁰⁾. Nay lựa bỏ ông Sa di Hình đồng, mà chỉ nói ông Pháp đồng thôi. (đủ Thập sư làm pháp Yết ma truyền giới).

Tiếng Phạm gọi rằng "Sa di". Hán dịch "Tức từ". Nghĩa là dứt ác làm lành, dứt nhiễm của đời mà lòng lành giúp chúng sanh vậy. Cũng có nghĩa "Cân sách" (*siêng năng*), cũng như nghĩa "Cầu tịch" (*dứt hết phiền não*).

"Phạm ngữ" là tiếng nói của người "Thiên Trúc" cũng như tiếng nói của Trời "Phạm thiên" không khác, cho nên gọi là tiếng "Phạm ngữ".

Bởi do thế giới lúc mới thành, chưa có người ở, tia sáng của đất chiếu lên, rồi những chúng sanh "Phạm thiên", về cõi Trời "Sắc giới" theo tia sáng xuống xem đất mới, nếm thử vị đất, đắm ưa, liền mất thần túc "Thiên quang minh", không bay lên được, bèn ở lại làm nòi giống của loài người. Ở đời làm Tổ nước Thiên Trúc. Từ đó về sau, người theo trái đất xoay chuyển nên tiếng nói mỗi xứ khác nhau, duy có nước "Thiên Trúc", còn giữ nguyên tiếng "Phạm thiên", cho nên tiếng nói nước kia, còn gọi là tiếng Phạm, chứ kia gọi là chữ Phạm, các nước khác không có vậy.

Thử vân giả, vị dĩ thử phương Đông Huê "Tức từ", chi ngôn, phiên bỉ Thiên trúc "Sa di" chi hiệu : Nghĩa xuất "Gia xá truyện". Ngôn tức ác hành từ giả, thị thích minh tức từ nhị tự, du khủng sơ học vị tri tức hà ác, hành hà từ; cố phục dĩ tức thể nhiễm, nhi từ tế chúng sanh, tường chi.

Cái do phàm phu, từng vô thỉ lai, vi vô minh sở phú chơn tánh, khởi chư vọng tưởng, phàn duyên trần cảnh, tình nhiễm thế gian ngũ dục, dĩ thân, khẩu, ý, tạo chư quá thất, đọa lạc tam đồ, luân hồi lục thú vô hữu xuất kỳ.

Như Lai mãn thử, chế dĩ thập giới, linh chỉ tức thân, khẩu, ý chi quá ác, nhi chứng tịch diệt Niết bàn chi thánh đạo. Nhiên ác tuy chỉ tức, nhi vô từ mãn chi tâm, bất năng tu hành lục độ, châu tế tứ sanh, toại đọa thiên tiểu, vị đắc xưng thiện, hưởng năng thành đẳng chánh giác, ngộ đại Bồ đề. Thị cố sử hành từ tế, dĩ viên vạn hạnh, trực thú bửu sở, bất trệ Hóa thành.

Cố Chỉ Quán vân : Dương tri "sanh tử Niết bàn", cu phục thị ác, lục độ Bồ tát, từ bi kiêm tế thử nãi xưng thiện, tức từ chi nghĩa, tư chi vị dư. Diệc vân cần sách diệc vân cầu tịch giả. Phạm ngữ "Niết bàn", thử vân "viên tịch", dĩ trí đức cu bị danh "viên", hoặc tập chướng tận danh "tịch". Vị Sa di thỉ tâm xuất gia, bảm thọ thập giới, cần tu sách lệ, vị đoạn trừ phiền não hoặc tập, nhi cầu chứng Niết bàn chi diệu quả, cố dã.

Luật nghi giả ? Thập giới luật chư oai nghi dã ?

Chữ "*Thử vân*" ấy, nghĩa là : lời nói "*Tức từ*" của phương "Đông Hoa" đây, dịch cái hiệu "Sa di" nước "Thiên trúc" kia. Nghĩa này rút trong bộ "Truyện Gia xá". Câu : "ngôn tức ác hành từ" ấy; là giải rõ hai chữ "*Tức từ*". Thế mà sợ kẻ sơ cơ, chưa biết dứt cái ác chi, làm cái lành gì; cho nên lại giải rõ rằng : "dứt cái nhiễm của đời, mà làm hạnh lành giúp ích chúng sanh vậy".

Luận rằng : "Bởi chúng phàm phu, từ vô thủy đến nay, bị màn vô minh che chơn tánh nên khởi các vọng tưởng duyên theo cảnh lục trần, tình nhiễm vui ngũ dục ⁽¹¹⁾ thế gian, do thân, khẩu, ý, tạo nhiều tội lỗi, đọa lạc nơi ba đường ⁽¹²⁾, luân hồi trong sáu thú ⁽¹³⁾, không có thời kỳ ra khỏi.

Thế nên đức Như Lai thương xót, lập 10 điều giới luật, khiến cho chúng sanh, dứt các tội ác của thân, khẩu, ý; mà chứng đặng đạo quả "*Niết bàn tịch tịnh*". Song ác tuy dứt hết nhưng không tâm từ mẫn và không thể thực hành pháp lục độ ⁽¹⁴⁾, khắp giúp bốn loài ⁽¹⁵⁾, bèn đọa vào chấp không của Tiểu thừa ⁽¹⁶⁾ chưa đặng gọi là "*thiện*", huống đặng thành ngôi chánh đẳng chánh giác, chứng quả Đại Bồ đề ⁽¹⁷⁾ ư ? Thế nên Phật dạy : "Tuy dứt hết các ác, nhưng phải làm các việc từ thiện, để giúp ích chúng sanh, thì mới tròn đủ muôn hạnh, và mới mau về chốn Bửu sở ⁽¹⁸⁾ chẳng sa mắc nơi Hóa thành" ⁽¹⁹⁾.

Cho nên trong bộ "Chỉ quán" nói : Phải biết, lánh đường sanh tử, đến cõi "*Niết bàn của Tiểu thừa*" đều là "*ác*" (*tự lợi*). Bực Đại thừa Bồ tát tu "lục độ" lòng từ bi giúp mình và giúp cả chúng sanh, thế mới xưng là "*thiện*" (*lợi tha*). Hai chữ "*Tức từ*" là nghĩa như thế. Câu "Diệc vân cần sách, diệc vân cầu tịch" ấy, tiếng Phạm kêu là Niết Bàn. Tàu gọi là "viên tịch". Vì gồm đủ cả trí và đức gọi là "*viên*", hết cái chướng quen làm gọi là "*tịch*". Bởi thầy Sa di, bắt đầu phát tâm xuất gia, vưng chịu 10 giới, cố gắng tu dứt trừ tâm phiền não, chướng quen làm, mà cầu chứng quả màu Niết bàn, cố vậy.

Luật nghi là gì ? Là 10 điều giới luật và các oai nghi vậy.

Thử tụng bất sát, chí đệ thập bất tróc kim ngân bửu vật, danh vi "thập giới luật", hậu liệt nhị thập tứ sự danh chư "oai nghi".

THƯỢNG THIÊN GIỚI LUẬT MÔN

Nguyên tập thử "Yếu lược" văn phân thượng hạ lưỡng thiên. Kim sơ thích thượng thiên giới luật môn.

"Thiên" tức "đản thiên", hựu thiên biến dã, vị hiển lý phô sự, minh nhi biến chi dã.

"Giới" thị "cấm giới", luật tức pháp luật, giới luật danh đồng, nghĩa hữu thiếu biệt. Phòng phi chỉ ác, viết "giới" xử, đoán khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, viết "luật". "Môn" dĩ năng thông vi nghĩa, vị bất sát đẳng thập pháp, đồng xuất nhưt giới luật môn, thị tam thừa Thánh chúng sở lý, như thông chí Niết bàn chi thành. Cố tri thử thập giới, thiệt, vi xuất thế chi giai thê, Niết bàn chi do hộ dã.

Phật chế xuất gia giả, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu, phương nãi thính giáo tham thiền.

Thử minh Giới, Định, Huệ, tam vô lậu học, chi thứ đệ, Cầu việt kỳ thứ, tắc định, huệ vô sở tụng sanh hỉ.

"Phật" giả, thị "Thích Ca Như Lai", đại giác chi xưng dã : Như Lai giảng đản "Trung thiên", Ca tỳ la vệ quốc, "Tịnh Phạn" vương gia : đương thử "Châu". Chiêu vương, nhị thập tứ niên, giáp dân chi tuế, tứ ngoạt bất nhật, bình đán thời sanh. Chí niên thập cửu, việt thành xuất gia, tam thập thành đạo. Diệt độ đương thử "Châu" Mục vương, ngũ thập tam niên nhâm thân chi tuế, ư kỳ trung gian, thuyết pháp tứ thập cửu niên, giáo hóa tam thừa thánh chúng chế

Trước từ giới bắt sát đến giới thứ 10 là chẳng cầm những món vàng, bạc, ngọc, báu v.v... gọi là 10 điều giới luật, sau kể 24 việc gọi là các "oai nghi".

THIÊN TRƯỚC NÓI VỀ CỬA "GIỚI LUẬT".

Nguyên Ngài Vân Thê biên tập bộ "Yếu lược" này, bốn văn phân trước sau hai thiên. Nay đầu giải thiên trước về cửa "Giới luật".

Chữ "Thiên" tức là "Đán thiên" lại chữ Thiên là biến khắp vậy. Nghĩa là : bày sự rõ lý, rành rẽ khắp đủ vậy.

Chữ "Giới" là "Giới cấm". Chữ "luật" tức "pháp luật". Cái tên chữ giới và luật tuy đồng, nhưng nghĩa có khác một chút. Như phòng lỗi ngăn ác gọi "Giới" xử đoán tội nhẹ, tội nặng, phép khai, phép ngăn, phép trì và phép phạm gọi rằng "luật". Chữ "Môn" là cửa thông thương, nghĩa là từ pháp bắt sát sanh cả 10 pháp đồng ra một cửa "giới luật". Giới luật là bậc tam thừa ⁽²⁰⁾ các Thánh đồng noi mà thẳng đến thành Niết bàn vậy. Cho nên biết rằng 10 giới luật đây thật là thêm thang khỏi đời, ngõ đến cõi Niết bàn vậy.

Phật dạy người xuất gia, năm hạ về trước rông chuyên giới luật, năm hạ về sau, mới cho nghe kinh giáo và học phép tham thiền.

Bài này giải rõ Giới, Định, Huệ, 3 món học, không sai thứ lớp vậy. Nếu bỏ thứ lớp của sự học Giới, thì Định, Huệ không từ đâu sanh ra đặng.

Chữ "Phật" chính là Phật Thích Ca Như Lai, gọi là bậc "Đại giác". Đức Phật Như Lai giảng sanh cõi "Tỳ-ni thiên", nơi nước Ca Tỳ La Vệ, nhà vua "Tỳ-ni Phạm". Lúc đó, nhằm đời nhà Châu, vua Chiêu Vương, năm thứ 24, là năm Giáp dần, ngày mùng 8, tháng tư, khi sanh Ngài rồi, thì trời vừa sáng; đến 19 tuổi, vượt thành xuất gia, 30 tuổi thành đạo. Khi diệt độ lúc đó cũng nhà "Châu" nhưng vua Mục Vương tức vị năm 53, nhằm năm Nhâm thân, nơi chốn "Ta la song thọ". Nhắc lại Ngài thuyết

chư giới luật, linh chư Tỳ kheo ngũ hạ y sư học luật, nãi chí nhất dạ bất đắc ly sư nhi trụ. Ký kỳ luật tạng thông dĩ, phương tập thiên tụng, nhược thị Sa di, tắc chung thân y chỉ, phi luận hạ số, tường như "đại luật". Tuy vân : Tỳ kheo chi sự, nhi Sa di bất khả bất tri.

Ngôn "chế" giả, vị Như Lai Pháp vương, ư pháp tự tại, cùng tận chúng sanh nghiệp tánh, cố chế chư giới luật, linh chúng đệ tử, y chỉ phụng hành, tắc sanh tử giải thoát, phi dư thánh sở kham. Như thế lễ nhạc, phi "thiên tử" bất chế, xuất thế hồng qui, phi "Phật" mạc lập. Thị tri luật, nãi Như Lai thân chế, tự dư Thanh văn, Bồ tát dẫn thuật nhi bất tác.

Cố Văn Thù dĩ hàng, bất hứa thố nhất từ, Ba ly kiết tập bất cảm diễn nhưt tự, nhưn gian, thiên thượng vô biên thánh chúng, duy đồng nhất luật hàm cộng tuân trì, thị cố đặc nghi tôn trọng.

Ngôn xuất gia giả, hữu nhị chủng : Nhất từ thân cắt ái, khí tục nhập đạo, thế phát nhiệm y, danh xuất thế tục gia. Nhị đoạn trừ vọng hoặc, chứng vô sanh quả, danh xuất tam giới gia, thị vi chơn xuất gia. Cố Tịnh Danh vân : "Phù xuất gia giả, vị vô vi pháp thị dã".

Ngôn "hạ" giả, vị xuất gia việt tục, bất dĩ thế tuế vi niên, cố ư hạ tam ngoạt sách lệ, gia công miễn tấn, hoặc giai thánh quả, hoặc tăng "tam học", dĩ công thưởng đức, cố thọ hạ danh, tức dĩ thất ngoạt thập ngũ nhật, vi lập trừ dã.

Ngôn "chuyên tinh" giả. "Chuyên", vị thuần nhất, bất tạp dư học. "Tinh", vị chúc văn liễu nghĩa, xuyên tận u vi, cố linh u ngũ hạ trung, nghiên cứu

pháp trong khoảng thời gian 49 năm ; nào giáo hóa các Thánh bậc tam thừa, nào là lập các giới, luật, dạy các thầy Tỳ kheo, năm hạ theo Thầy học luật, nhấn đến một đêm không đặng lìa Thầy ở riêng. Chừng nào tụng Luật đã thông rồi, mới dạy pháp tham thiền và học Kinh, Luận. Đó là Tỳ kheo còn thế, bằng Sa di trọn đời nương ở với Thầy, không luận là mấy hạ, rõ như trong "Đại luật". Tuy rằng : công việc của thầy Tỳ kheo, nhưng Sa di chẳng khá chẳng biết.

Nói chữ "chế luật" ấy, nghĩa là đức Như Lai, làm vị Pháp vương đối với các pháp được tự tại, biết hết nghiệp tánh chúng sanh, nên chế ra các giới luật, dạy các đệ tử Ngài, theo đó vâng làm, thời thoát khỏi đường sanh tử, không phải các Thánh chế đặng. Như việc lễ nhạc trong đời, chẳng phải vị "Thiên tử" thời chẳng chế, phép lớn xuất thế chẳng phải "Phật", thì chẳng ai lập. Thế nên biết rằng : "Luật" chính đức Như Lai Ngài chế ra còn bao nhiêu như : hàng Thanh văn, Bồ tát, chỉ thuật mà không dám làm.

Cho nên từ đức Văn Thù sắp xuống, chẳng cho để một lời, Ngài Ba Ly kiết tập, chẳng dám sai một chữ, chốn nhơn gian cõi Thiên thượng, các Thánh không ngăn, chỉ đồng một luật đều chung vưng giữ, thế nên rất phải kính trọng.

Nói "Xuất gia" có 2 nghĩa : 1.- Từ nghĩa song thân, dứt tình ân ái, bỏ tục vào đạo, cạo tóc nhuộm áo, kêu là ra nhà thế tục. 2.- Dứt trừ tâm vọng hoặc, chứng quả vô sanh, gọi là ra khỏi nhà tam giới ⁽²¹⁾ ấy mới thật là xuất gia. Cho nên kinh Tịnh Danh nói : "Luận người xuất gia, vì học pháp vô vi ⁽²²⁾ phải vậy".

Nói chữ "Hạ" ấy, nghĩa là kẻ xuất gia bỏ tục, không lấy năm đời làm tuổi, chỉ ở trong ba tháng hạ siêng năng gia công, tu hành thắng tấn, được lên quả Thánh, hoặc thêm pháp "tam học", lấy công trọng đức, nên chịu cái tên "hạ lập", tức lấy ngày rằm tháng 7, là cái ngày mãn năm của các Thầy Tỳ kheo vậy (cũng gọi ngày tết).

Nói chữ "chuyên tinh" ấy. Chữ "chuyên" nghĩa là chuyên nhất, không xen việc học khác. Chữ "tinh" nghĩa là thấy chữ biết nghĩa, tỏ thấu lý nhiệm màu. Cho nên Phật

"tỳ ni" thiện nhàn khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng.

Đại Luật vân : Túng đắc tam minh, lục thông, ngũ hạ vị mẫn, du tu, y chỉ sư trụ, ngũ hạ tuy mẫn, bất tri khai, giá, tánh, chế, chi cấm, hườn tu tận thọ y tha. Thị dĩ Tuyên luật sư, thập tịch tựu thính tỳ ni. Huệ Hư pháp sư, chung thân văn luật, ngã bối hà nhơn triếp nghĩ hườn học ly sư, ký cùng luật tạng, ngũ hạ phục châu, phương hứa "thính giáo tập thiên".

"Thính" vị tùng tha thọ nghiệp. "Giáo" vị "Nhu Lai" nhất đọi sở thuyết chi pháp, phân vi thập nhị bộ kinh. Cái do chúng sanh, bệnh ký bất nhất. nhi pháp được thí hữu đa phương. Cố giáo bộ loại, khai vi thập nhị phần :

- Nhất "Khế kinh" : Tức chư kinh trung, trường hàng trực thuyết giả, thị dã.
- Nhị "Trùng tụng" : Phạm chư kinh, trùng tuyên trường hàng trung nghĩa, thị dã.
- Tam "Thọ ký" : Vị Như Lai vị chư đệ tử đẳng thọ tác Phật ký, thị dã.
- Tứ "Già đà" : Tức chư kinh trung kệ tụng, thị dã.
- Ngũ "Tự thuyết" : Vị vô nhơn vấn Phật, Như Lai quán chúng sanh cơ, nhi tự tuyên thuyết, thị dã.
- Lục "Nhơn duyên" : Tức chư kinh luật trung nhơn nhơn duyên khởi sự, Phật vị thuyết pháp, thị dã.
- Thất "Bổn sanh" : Vị Phật thuyết chư Bồ tát, bổn sở tu hành, tăng vi chi sự, thị dã.

dạy ở trong năm hạ nghiên cứu "tạng luật tỳ ni" thông thạo pháp khai, pháp giá, pháp trì, pháp phạm ⁽²³⁾, danh, chủng, tánh và tướng ⁽²⁴⁾.

Trong "Đại luật" nói : Dù tu chứng bực tam minh ⁽²⁵⁾ lục thông ⁽²⁶⁾ nhưng năm hạ chưa đủ, cũng phải nương ở với Thầy mà học luật, hay là năm hạ tuy đủ, song chưa biết phép cấm của giới khai, giới giá, tánh và tướng (*chế*), cũng phải trọn đời ở với Thầy. Thế nên Ngài Tuyên luật sư đến nghe tạng luật tỳ ni tới mười hội. Ngài Huệ Hư pháp sư, nghe luật trọn đời, chúng ta là người bực nào, liền toan thôi học lia Thầy, chừng nào tạng luật đã thông, năm hạ trọn đủ, mới cho nghe "kinh giáo" và học phép "tham thiên".

Chữ "Thính" nghĩa là theo Thầy học đạo. Chữ "Giáo" nghĩa là giáo pháp của đức "Như Lai" Ngài nói trong một đời, phân làm 12 bộ kinh. Bởi vì chúng sanh tâm bịnh, đã chẳng phải một, nên phép thuốc của Phật ra có nhiều phương. Thế nên, trong kinh giáo phân ra từng bộ, từng loại, làm 12 phần, để đối trị nghiệp tánh của chúng sanh :

1.- Phần "Khế kinh" : Tức nói ngay những văn trường hàng, trong các kinh ấy, phải vậy.

2.- Phần "Trùng tụng" : Tức là phần trùng tuyên những nghĩa trong văn trường hàng các kinh, phải vậy.

3.- Phần "Thọ ký" : Nghĩa là đức Như Lai vì các hàng đệ tử v.v... thọ ký làm Phật, phải vậy.

4.- Phần "Già đà" : Tức là lời kệ lời tụng, trong các kinh, phải vậy.

5.- Phần "Tự thuyết" : Nghĩa là không ai dám hỏi Phật, nhưng đức Như Lai xem cơ người đời mà tỏ nói, phải vậy.

6.- Phần "Nhơn duyên" : Tức là trong các kinh luật, vì duyên người thưa hỏi, Phật vì đó thuyết pháp cho nghe, phải vậy.

7.- Phần "Bổn sanh" : Nghĩa là đức Phật nói cội gốc tu hành của các Bồ tát, những cái việc từng làm như thế nào, mới phải phận sự của các ông Bồ tát, phải vậy.

- Bát "Bốn sự" : Vị Phật thuyết chư Thanh văn đệ tử, tiên thế đẳng sự, thị dã.
- Cửu "Phương đẳng" : Diệc danh Phương Quảng, vị chư Đại thừa kinh điển kỳ nghĩa quảng đại lượng đẳng hư không, thị dã.
- Thập "Hi hữu" : Vị chư kinh trung, Phật thuyết thâm hi hữu công đức chi pháp, thị dã.
- Thập nhất "Thí dụ" : Phật vị độn căn chúng sanh thuyết pháp, giả thí dụ ngôn từ, nhi hiểu thị chi, thị dã.
- Thập nhị "Luận nghĩa" : Vị đáp chư vấn giả quảng giải kỳ nghĩa, thị dã.

Ngôn "Thiên" giả, môn hữu vô lượng, yếu nhi ngôn chi, duy nhị : Nhất "Tu quán". Nhị "Trực chỉ". Kim ngôn "tham" giả, thị "Trực chỉ" thiên, tức trực chỉ như tâm kiến tánh thành Phật dã.

Tư Trì vân : Thập tụng luật, chế Tỳ kheo, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh "luật bộ", nhược đạt trì, phạm, biện Tỳ kheo sự, nhiên hậu, nãi học tập kinh luận. Kim việt thứ nhi học, hành ký thất tự, nhập đạo vô do ? Đại Thánh ha trách, chung phỉ đồ nhĩ.

Kim thời tài triêm giới phẩm, tiện nãi thính giáo tham thiên, vi tăng hạnh nghi, nhật vô sở hiểu, hướng phục khinh lăng giới kiem, hủy tử tỳ ni, biếm học luật vi Tiểu thừa, hốt trì giới vi chấp tướng, vị cùng thánh chỉ thổ giải chơn thừa. Thả giới tất khả khinh, như hà đẳng đàn nhi thọ ? Luật tất khả hủy, như hà tước phát nhiệm y ? Thị tác khinh giới, toàn thị tự khinh, hủy luật, huân thành tự hủy, vọng tình dị tập, chí đạo nan văn, bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất, thỉnh tường thánh huấn, năng vô tùng hồ !

8.- Phần "Bổn sự" : Nghĩa là đức Phật nói các đệ tử về Thanh văn, thuật những việc đời trước cho nghe, phải vậy.

9.- Phần "Phương đẳng" : Cũng gọi là phần "Phương Quảng", nghĩa là các kinh điển đại thừa nghĩa nó rộng lớn lượng như hư không, phải vậy.

10.- Phần "Hi hữu" : Nghĩa là trong các kinh, Phật dạy : các việc công đức rất ít có, phải vậy.

11.- Phần "Thí dụ" : Nghĩa là đức Phật vì những người tối đốt mà thuyết pháp, mượn lời nói thí dụ, để tỏ bày chơn lý, phải vậy.

12.- Phần "Luận nghĩa" : Nghĩa là đức Phật trả lời những câu người hỏi, rộng giải các nghĩa, phải vậy.

Nói chữ "Thiền" ấy, pháp môn tu thiền có vô lượng, nói tóm lại chỉ có hai : 1.- Thiền "Tu Quán". 2.- Thiền "Trực Chỉ". Nay nói chữ "tham" ấy, là pháp thiền trực chỉ, là chỉ ngay tâm người thấy tánh thành Phật vậy.

Bộ "Tư Trì" nói : Trong Thập Tụng luật Phật dạy thầy Tỳ kheo năm hạ về trước rông chuyên bộ luật, nếu thông phép trì và phạm, biết đủ việc Tỳ kheo rồi vậy sau mới học tập kinh luận. Nay học vượt bậc, chỗ làm đã lỗi thứ lớp, không do đâu vào đạo ? Đức Thế Tôn quả trách, trọn không phải học trò của Ngài.

Thế mà đời bây giờ, những người mới thọ giới lại cho nghe kinh và học phép tham thiền, không đoái hoài đến "bộ luật" hạnh nghi làm ông Thầy, hoàn toàn không hiểu, huống lại còn khinh để giới pháp, chê bai tạng tỳ ni, biếm người học luật cho là tiểu thừa, khinh bậc trì giới là chấp tướng, chưa thông ý chỉ Phật, quấy luận lý chơn thừa.

Thử hỏi giới ắt khá khinh, người sao tới giới đàn mà thọ ? Luật ắt khá hủy, vì sao người cạo tóc nhuộm áo ? Như vậy thì té ra khinh giới, toàn là khinh mình, hủy luật trở thành hủy mình. Ôi ! Tình vọng dễ quen, chỗ chí đạo khó nghe, những bậc tốt chứng siêu quần, trong muôn người không có một, xin rõ lời Phật dạy, dám chẳng theo ư !

Thị cố Sa di thế lạc, tiên thọ thập giới, thứ tác đặng đàn thọ "cụ". Kim danh vi Sa di, nhi bốn sở thọ giới, ngu giả mang hồ bất tri, cường giả hốt nhi bất học, tiện nghi lập đặng, vớng ý cao viễn, diệc khả khái hỉ!

"Thị cố" giả, thừa thượng khởi hạ chi từ, vị tam vô lậu học, dĩ luật nghi vi thủ, xuất gia ngũ chúng, thập giới vi tiên, cố kỳ thủ lạc tu phát, tức linh bảm thọ, do phạm hạnh vô khuy, thứ nãi phương hứa đặng đàn thọ "cụ".

"Đàn" tức "giới tràng", thủ tràng tăng cộng bình pháp "Yết má" nhi thành, nhược phi thủ tràng, giới vô do đắc ?

"Cụ" thị "cụ túc", vị thọ "Tỳ kheo", nhị bá ngũ thập đại giới, tức tiện "Cụ túc Niết bàn" diệc nhưn; diệc danh "cận viên". "Viên" : tức "viên tịch" vị thủ đại giới, dĩ Niết bàn, tương khứ bất viễn hĩ.

"Kim danh vi Sa di, nhi bốn sở thọ giới giả", thủ vị tương bốn đắc danh, do bốn thọ thập giới kim đắc "Sa di" danh. Danh ký do bốn cố đương tập học cần trì, nhi bất học bất trì, do nhị chủng nhưn : nhất ngu, nhị cường. Ngu vô huệ mục, bất giám thị phi; cố ư chư giới tương, mang hồ bất tri. Cường vọng tà kiến, bất tuân vị thứ, cố ư Như Lai thánh chế, hốt nhi bất học.

"Tiện nghi lập đặng" giả. "Lập", thóa viết dã. "Đặng", cấp dã. Học ký vân : "Ấu giả thính nhi phát vấn, học bất lập đặng dã; nhược bất tuân vị thứ, tiện dục khóa viết nhi tấn, chánh sở vị, "triều đắc viên lư, mộ lập đại tăng chi thượng" thị dã.

Thế cho hên Phật dạy thầy Sa di, cạo tóc, trước chịu mười giới, sau mới đến giới đàn thọ giới "cụ túc". Nay được tên là Sa di, chính do gốc thọ giới, thế mà kẻ ngu mờ vậy không biết, người đại khinh mà chẳng học, bèn toan vượt bực, ý muốn cao xa, cũng đáng thương xót !

Chữ "Thị cô" ấy, là lời nương văn trước khởi văn sau, nghĩa là ba pháp học không sai, lấy luật nghi làm đầu, kẻ xuất gia vào trong số năm chúng, lấy mười điều giới làm trước cho nên thầy Sa di trước cạo râu tóc, liền cho vưng thọ mười giới, do phạm hạnh không thiếu, nên sau mới được tới giới đàn thọ giới cụ túc.

"Đàn" tức là "trường thọ giới", trường này do chúng tăng chung làm phép "Yết ma" mà thành, nếu không đến trường này, không làm sao thọ giới đặng.

"Cụ" là giới "Cụ túc", nghĩa là thọ giới "Tỳ kheo" có đủ 250 đại giới, thì mới kham đủ cái nhơn màu đạo Niết bàn, cũng kêu là chữ "Cận viên". Chữ "viên" tức là "viên tịch", nghĩa là giữ 250 đại giới đầy tu hành, cùng đạo Niết bàn cách nhau chẳng bao xa vậy.

Câu "Kim danh vi Sa di, nhi bốn sở thọ giới ấy" đây gọi rằng : Nêu gốc đặng tên, nghĩa là : do gốc thọ 10 giới, nay đặng tên thầy Sa di. Tên đã do gốc, nên chi phải tập học và giữ gìn; nhưng không học, không gìn giữ, do có hai hạng người : 1.- Người ngu. 2.- Người cuồng. Người ngu không mất huệ, không biết phải và quấy, nên đối các giới tướng, mù mờ không biết. Người cuồng quấy lòng tà chấp, không theo thứ lớp mà học, nên đối với lời dạy của đức Phật Như Lai, khinh để chẳng học.

Câu "Tiện nghi lập đặng" ấy. Chữ "Lập" là nhảy vượt. Chữ "Đặng" là thêm cấp. Sách Học Ký nói : "Người nhỏ nghe thì hiểu, không cần hỏi, là vì học không vượt bực vậy". Nếu không theo thứ lớp bèn muốn nhảy vượt mà lên, chính gọi là : "Mai được đầu tròn, chiều nhảy vượt lên bậc đại tăng" đó vậy.

Tư do cường kiến, bất thức "pháp tướng giới phẩm" chi thứ tự, cố kỳ vọng nghi khóa việt, dục tề "Tiên triết".

Như Bách Dụ kinh vân : "Tích hữu ngu nhơn, kiến tha phú gia, tam trùng lâu các, cao quảng nghiêm lệ, tức hoán mộc tượng, linh tạo tối thượng, đệ tam tầng ốc. Tượng ngôn : "Hà hữu bất tác tối hạ, năng tạo đệ nhị, bất tạo đệ nhị, năng tạo đệ tam". Ngu nhơn cố ngôn : "Ngã bất dụng hạ nhị, tất vị ngã tác thượng ốc". Thời nhơn văn tri, tiện sanh quái tiểu.

Thị như tứ bối đệ tử, bất cần tu kinh Tam Tôn, lại dọa giải đãi, dục cầu đạo quả, bất dục hạ tam quả, duy dục đắc đệ tứ "vô sanh" quả, diệc vi thời nhơn chi sở xuy tiểu, như bỉ ngu nhơn, đẳng vô hữu dị. Nhược bất y tam thừa thứ đệ, tiên học đại thừa, diệc phục như thị.

Phật Tạng kinh vân : "Bất tiên học tiểu thừa, hậu học đại thừa giả, khi Phật đệ tử" Kim bất học "Sa di" dục đắc "cụ giới", bất trì tịnh giới, dục đắc đốn ngộ, như bỉ ngu nhơn hà hữu dị tai !

"Võng ý cao viễn, diệc khả khái" giả; "võng ý", thị vô tri mạo, vị hôn mục vô tri, viết "võng ý". Vọng tề "Tiên triết" viết "cao viễn". Nguyên "cao", thị chỉ Tỳ kheo, "viễn" tức chỉ Bồ tát : "khái" thị thương thán chi từ. Hựu cao, viễn, diệc Phật tổ sở chứng chi địa. Do cường hốt học, cố thất huệ minh, do thất huệ minh, cố vô sở tri; do vô sở tri, cố bất thức : giáo, hạnh, lý, quả, tam học chi thứ đệ. Vọng khóa cao viễn, nhi đẳng Phật tổ, thành khả cảm thương. Cố vân : "Diệc khả khái hỉ !"

Đây là do người đại dột tà kiến, chẳng biết thứ lớp "pháp tướng, giới phẩm" cho nên quấy toan nhảy vượt, muốn bằng bực "Tiên triết".

Như trong Bách Dụ kinh nói : "Xưa có người ngu thấy người nhà giàu, cất nhà lâu ba tầng cao rộng nghiêm tốt, liền kêu thợ mộc, muốn làm từng nhà thứ ba cao vót. Người thợ nói : "Vì sao không làm từng dưới thấp mà làm từng thứ hai, không làm từng thứ hai, lẽ nào lại làm từng thứ ba cho đặng". Thế mà người ngu cứ nói : "Ta chẳng dùng hai từng dưới, chú cứ vì tôi làm từng trên hết". Lúc đó có người nghe biết, liền sanh chê cười.

Ví như trong bốn chúng đệ tử Phật ⁽²⁷⁾, không chịu siêng tu kính Tam bảo ⁽²⁸⁾, biếng lười giải đãi, mà muốn mong cho được đạo quả, không muốn ba quả sau, chỉ muốn cho được quả "vô sanh" thứ tư ⁽²⁹⁾ mà thôi, cũng bị người ta chê cười, khác nào như người ngu nói trên. Người học Phật cũng thế, nếu không y thứ lớp ba bực mà học, lầm học bực đại thừa trước, cũng lại như vậy.

Trong kinh Tạng Phật nói : "Trước không học tiểu thừa, sau học đại thừa, tức không phải đệ tử của Ta". Nay người xuất gia, không học luật "Sa di", mà muốn thọ giới "cụ túc", không chịu giữ tịnh giới, mà muốn cho được mau tỏ ngộ, như người ngu nói trên nào có khác ư !

Câu : "Võng ý cao viễn, diệc khả khái" ấy. Chữ "võng ý" là bộ dạng không biết, nghĩa là tối tăm không hiểu biết, gọi là : "võng ý". Quấy muốn bằng vực "Tiên triết" gọi rằng "cao viễn". Nguyên chữ "cao" là chỉ cho thầy Tỳ kheo, chữ "viễn" tức là chỉ bực Bồ tát; chữ "khái" là : lời thương than. Lại chữ cao và viễn cũng là chỗ chứng của Phật Tổ. Bởi kẻ cuồng đại khinh dễ sự học giới cho nên mất huệ sáng, vì mất huệ sáng, cho nên không biết chi; vì không biết chi, cho nên không biết kinh giáo, thực hành, hiểu lý, chứng quả, và thứ lớp ba việc học là : "Giới, Định, Huệ". Quấy đem tâm muốn nhảy vượt cho cao xa mà sánh đồng với bực Phật, bực Tổ, thật đáng thương xót, cho nên nói câu : "Diệc khả khái hĩ !" "

Nhơn thủ "thập giới" lược giải số ngữ.

Lược nhi phi quảng, cố viết số ngữ,

Sử môn học, tri sở "hướng phương".

Sơ nhập đạo giả; cố viết "môn học, do khái cường ngu, vông am giới pháp, cố ư "Sa di luật nghi" kinh trung, lục thủ thập giới, lược vi giải thích, hối bỉ vị văn, ly vô tri khổ, tử sơ nhập đạo giả, hữu sở thố tâm, cố viết "hướng phương". Luận vân : "Tam ác thiêu nhiên, đà lư trọng sở, ngạ quỷ cơ khát, bất danh vi khổ, si ám vô căn, bất thức phương hướng, nãi danh vi khổ", thị dã.

Hảo tâm xuất gia giả; thiết ý tuân hành thận vật vi phạm.

Bất vị vương lực sở bức, bất vị tà cầu huyệt mạng, bất vị tị nạn, bất vị phụ trái, bổn vị hy cầu chánh pháp dĩ tín cố, nhi nhập pháp môn, thị viết, hảo tâm xuất gia. Nhược vị thoát ly sanh tử, thọ trì cấm giới, cố năng thiết ý, tuân thủ phụng hành. "Giới," thị viết khổ hải chi phù nang, trang nghiêm pháp thân chi anh lạc, cố tu cẩn thận, vật sử hào ly, hữu sở khuy phạm dã.

Nhiên hậu, cận vi Tỳ kheo giới chi giai thê, viễn vi Bồ tát giới chi căn bổn.

"Nhiên hậu" do thượng chi hạ dã, vị "thập giới" vi "Tỳ kheo" giai thê, "Bồ tát" căn bổn.

Du tam cấp trùng lâu, cố viết giai thê như Đa la thọ đầu, cố viết "căn bổn", Sa di lân thứ Tỳ kheo danh chi viết "cận", thượng cách cụ túc, danh chi viết "viễn", sơ giai nhược hủy, thứ bộ nan đăng, căn

Nhơn đây Ngài "Vân Thê", rút trong kinh "Sa di thập giới", lược giải vài lời.

Hẹp mà không phải rộng, gọi là "sổ ngữ", (*vài lời*)

Dạy kẻ mới học, biết phương đi tới, gọi là "phương hướng".

Người mới học đạo, nên gọi là "mông học", bởi thương kẻ cuồng ngu, không hiểu giới pháp, nên ở trong kinh "Sa di luật nghi", Ngài *Vân Thê* chép ra 10 giới, giải thích rất gọn, để dạy người chưa nghe, hết khổ vô tri và khiến người mới vào đạo, có chỗ để lòng, ấy gọi rằng *phương hướng*. Trong Luận nói : "ba đường ác thiêu đốt; con Lạc đà, con Lừa, chịu khổ chuyên chở nặng nề; loài Ngạ quỷ chịu khổ đói khát, thế mà Phật nói chưa lấy gì khổ, duy có người ngu si, không nghe pháp Phật, không biết phương hướng, mới gọi là khổ phải vậy.

Người hảo tâm xuất gia, dốc chí vững làm, dè chỗ trái phạm.

Người xuất gia, chẳng bị thế lực nhà vua ép bức, chẳng vì tham cầu mạng sống, chẳng vì lánh nạn, chẳng vì thiếu nợ, vốn vì mong cầu chánh pháp, vì lòng chánh tín mà vào trong cửa Phật pháp, nên gọi hảo tâm xuất gia. Hoặc vì thoát khỏi đường sanh tử, gìn giữ giới cấm, nên mới dốc ý, tuân giữ vững làm. "*Giới*", là phao nổi qua biển khổ, chuỗi ngọc trang nghiêm pháp thân, nên phải cẩn thận, đừng để hào, lý có chỗ sai phạm vậy.

Vậy sau, gần, thì làm thêm thang giới "Tỳ kheo"; xa thì làm cội gốc cho giới "Bồ tát".

Chữ : "Nhiên hậu" (*vậy sau*), do văn trên mới có văn dưới, nghĩa là : do 10 giới "*Sa di*" là thêm thang giới "*Tỳ kheo*", cội gốc giới "*Bồ tát*".

Như lâu cao ba tầng nên gọi "*thêm thang*", (thêm là : bậc; thang là : nấc thang. Nghĩa là cứ từng bậc từng nấc, dần dần bước lên). Như gốc cây Ta la thọ, nên gọi "*cội gốc*", Sa di gần bậc Tỳ kheo nên gọi là "*cận*", còn cách

bốn nhất khuy, chi điệp hoa quả, tất giai đọa lạc. Cổ kinh vân : "Nhược phá ngũ giới trung trọng giới, hườn thọ ngũ giới, nãi chí Bồ tát giới, vô hữu thị xứ, nhược phá thập giới trung trọng giới, hườn thọ thập giới, Tỳ kheo giới, Bồ tát giới, điệp vô hữu thị xứ".

Nhơn giới sanh định nhơn, định phát huệ, thứ cơ thành tựu Thánh đạo, bất phụ xuất gia chi chí hĩ.

"Thứ cơ" thị "cận khả" chi từ, do giới tịnh cố, định tánh hiện tiền, tắc hữu vô lậu huệ phát, dĩ huệ suy cầu, đoạn chư hoặc chướng, phục bốn tịnh minh, cố viết "thành tựu Thánh đạo"; tư nãi tam học tương tự, như dẫn tam túc, cố năng thành tựu Thánh đạo, Thánh đạo giả. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, tam thừa chi Thánh quả, xuất gia bốn kỳ Thánh quả, nhi tam học tăng thượng, tắc khứ đạo bất viễn, cố xuất gia chi chí bất phụ hĩ !

Đàm Nhứt Luật sư vân : "Tam thể Phật pháp, giới vi căn bản", bốn chi bất tu, đạo viễn hồ tai !

Nhược nhạo quảng lăm, tự đương duyệt luật tạng toàn thư.

"Nhạo", dục dã ; "lăm", khán dã; "duyệt", thị kiểm duyệt; biến quan dã.

"Luật tạng toàn thư" tức "Sa di thập giới pháp, tinh oai nghi, đẳng". Kim thử "yếu lược", vị tiện sơ tán, thứ tri "trì phạm", thô tướng, dục tất vi tế hành trì, tự đương quảng duyệt toàn thư.

giới "Cụ túc" nên gọi là "viễn", song bước đầu nếu hư, bước sau khó lên, cội gốc một phen mục, nhánh, lá, hoa, trái chi khỏi héo rụng. Nên trong "Thập giới" kinh nói : "Nếu phá một giới trọng, trong 5 giới, lại thọ 5 giới; nhấn đến giới "Bồ tát", không lý nào thọ đặng. Hoặc phá một trọng giới trong 10 giới rồi thọ 10 giới lại, cho đến giới "Tỳ kheo", và giới "Bồ tát", cũng không lý nào thọ đặng".

Bởi giữ giới mới sanh định, như định mới phát huệ, ngộ hầu trọn nên quả Thánh, chẳng uổng chí người xuất gia vậy.

Chữ : "Thứ cơ", (*ngô hầu*), là ý nói "gần đặng" vì do giữ giới trong sạch, nên lộ bày tánh định, định tánh được hiện bày, thì có huệ vô lậu (*trong sạch*) phát ra, rồi lấy trí huệ sáng suốt tìm xét, đoạn được các chướng mê lầm, trở về bản tánh (*trong suốt*) cho nên nói : "trọn nên quả Thánh". Ba phép học : Giới, định, huệ đây giúp nhau, như đánh có ba chân; cho nên nói : "thành tựu quả Thánh" - Quả Thánh là gì ? - Thánh "Thanh văn", Thánh "Duyên giác" và "Bồ tát", quả Thánh trong 3 thừa. Người xuất gia vốn cầu quả Thánh, mà 3 phép học được tăng lên, thì cách đạo "Niết bàn" chẳng xa, cho nên nói "chí người xuất gia chẳng uổng vậy".

Ngài Đàm Nhứt Luật sư nói : "Ba đời Phật nói pháp, Phật nào cũng nói giới luật là cội gốc" thế mà không tu cội gốc, thì cách đạo xa lắm !

Nếu muốn xem rộng, tự phải xem toàn bộ luật tạng.

Chữ "Nhạo" là muốn; "lắm" là xem; "duyệt" là kiểm duyệt, là xem đủ.

Câu : "Luật tạng toàn thư" tức kinh "Sa di thập giới, cùng Bộ oai nghi và các bộ". Nay bộ "yếu lược" này, là vì cho dễ kẻ mới học, được biết sơ qua giới tướng "Trì" và "Phạm". Bằng muốn giữ làm, cho đủ những giới vi tế, thì phải rộng xem trọn bộ.

Hậu thập giới, xuất "Sa di thập giới" kinh Phật sắc Xá Lợi Phất, vị La Hầu La thuyết.

Hậu thập giới giả : Thử tùng "bất sát sanh", chí thập "bất tróc trì sanh tượng", thị dã. Xuất Sa di thập giới kinh giả : Hiền phi ức thuyết, cập xuất dư kinh dã. "Phật" tức "Thích Ca Như Lai". "Sắc", du "Thiên tử" chế thơ mạng lệnh, "Phật vi Pháp vương", cố chế giới luật, mạng Xá Lợi Phất, vị La Hầu La thuyết.

Phạm ngữ "Xá Lợi", thử vân "Thân", diệp vân "thu". "Phất" giả, "tử" giả, phụ thị Thiên trúc, Bà la môn, "Đề Xá" luận sư, Mẩu danh "Xá Lợi", nhi hảo hình thân, nhân minh như "thu điều" chi mục, tùng mẩu thọ xưng, cố danh "Xá Lợi Tử", đầu Phật xuất gia chứng Vô sanh quả, trí huệ đệ nhất dã.

La Hầu La, thử vân : "Phú chướng", diệp vân "Chấp nhật", thị Phật chi tử. Sanh thời, trị ngộ A tu la, dĩ thủ chướng nhật, nhơn chi vi danh. Tích Phật vi Thái tử thời, khả phụ xuất gia. Phụ viết : "Vô tuyệt ngô quốc tự, nhữ nhược hữu tử, thính nhữ xuất gia". Thái tử tức dĩ thủ chỉ Da Du Đà La phu nhơn phúc, tiện giác hữu nhâm.

Tại thai lục niên thử sanh, nhơn thử diệp danh Phú Chướng. Niên ký trưởng đại Phật tức độ linh xuất gia, sắc Xá Lợi Phất, vị thuyết thập giới, nhi Phật bất vị tác hòa thượng; Xà lê, do Tam bửu vị biệt cố, vị Như Lai thị "Phật bửu". Cố bất dữ nhơn, tác Hòa thượng. Hòa thượng thị "Tăng bửu"; thập giới thị "Pháp bửu". Cố sắc Xá Lợi Phất, vị tác Hòa

Mười giới sau đây, rút trong kinh "Sa di Thập giới". Phật dạy ông Xá Lợi Phất, vì ông La Hầu La mà nói.

Mười giới sau là : Đầu từ giới "bất sát sanh" đến giới thứ 10 là "bất tróc trì sanh tượng" phải vậy. Câu : "Nói rút trong kinh Sa di Thập giới và các kinh" là chứng rõ không phải lời bịa đặt mờ hồ. Phật, tức là "Đức Thích Ca Như Lai". Chữ "sắc", nghĩa "dạy", cũng như vị "Thiên tử" trọn quyền chế thơ mạng lệnh, tức nay "Phật làm vị Phấp Vương" đổi các pháp tự tại cho nên chế ra giới luật, dạy ông Xá Lợi Phất, vì ông La Hầu La mà nói.

Tiếng Phạn nói: "Xá Lợi", tiếng Hán gọi là "Thân", cũng gọi là "Thu", chữ "Phất" cũng như chữ "Tử", nghĩa là : "Ông Xá Lợi Phất" là con của "Bà Thu Tử", cha ông Xá Lợi Phất, tên "Đề Xá", làm chức luận sư, sanh trưởng ở xứ Thiên Trúc, nòi giống "Bà la môn". Mẹ tên "Xá Lợi", thân hình tốt đẹp, mắt sáng như mắt "Chim Thu", ông "Xá Lợi Phất" vì theo đức mẹ, nên đặt tên là "Xá Lợi Tử", tức là con bà "Xá Lợi" vậy. Ông theo Phật xuất gia, chứng đặng quả "Vô sanh", trí huệ bực nhất.

"La Hầu La", tiếng Hán dịch "Phú Chướng", cũng dịch "Chấp Nhật", là con của Phật. Lúc sanh ông, đương khi "thần A tu la", lấy tay che mặt trời, như đó đặt tên là "Chấp Nhật", Nhắc lại trước khi Phật làm vị Thái Tử, thừa đức Phụ Vương đi xuất gia. Phụ Vương nói : "Chớ tuyệt giòng nước ta, bằng Thái Tử có con, Trẫm sẽ cho xuất gia". Thái Tử liền đưa tay chỉ bụng bà "Da Du Đà La phu nhưn", được biết có nghén.

La Hầu La bị báo chướng ngăn che, ở trong thai sáu năm mới sanh, như đây nên đặt tên là "Phú Chướng". La Hầu La tuổi đã lớn khôn, Phật độ xuất gia. Ngài dạy ông Xá Lợi Phất, vì truyền 10 giới cho, nhưng Phật không làm vị Hòa thượng, Xà lê truyền giới là vì muốn ngôi Tam Bảo được phân biệt vậy. Như đức Phật Như Lai làm ngôi "Phật Bảo". Nên không làm Hòa thượng truyền giới cho

thượng sử Tam Bảo vô tương lạm dã. Chư Sa di trung xuất gia, La Hầu La tối vi kỳ thủ.

Vị Tăng Hữu kinh vân : "La Hầu La niên chí cửu tuế, xuất gia vi Sa di, Xá Lợi Phất vi Hòa thượng, Đại Mục Kiền Liên tác A Xà Lê, dữ thọ thập giới".

"Da Du Đà La", vị mãn tam niên diệt xả tục xuất gia.

NHẤT VIẾT : "BẤT SÁT SANH"

Đoạn mạng viết "sát". Hữu tình viết "sanh".

GIẢI VIẾT : "Án văn thích nghĩa danh giải". Phát ngữ tuyên từ danh "viết".

Thượng chí chư Phật, Thánh nhơn, sư, tăng, phụ, mẫu.

Chư Phật giả, thị hiện tại thập phương, nhất thiết Như Lai; nhiên Như Lai hạnh mãn quả viên. Túc chướng cửu tịch, phi nhơn, thiên, ma vương, chi sở năng hại.

Kim ngôn sát giả : Như Đề Bà Đạt Đa, thôi thạch yểm Phật, thương Phật túc chỉ, tức danh vi sát. "Thánh Nhơn" giả : Dĩ nhơn đắc thánh pháp, cố vị chi "Thánh nhơn".

Thánh nhơn hữu nhị : nhất "Thế gian Thánh nhơn", Nhị "Xuất thế gian Thánh nhơn". Nhược y tự huấn, tùng nhĩ, trình, tinh, vị kỳ tâm thông. Thiên địa, tình sướng vạn vật, du nhĩ chi thông tinh. Cổ Diệc vân : Thánh nhơn giả; dữ Thiên địa hiệp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hiệp kỳ minh, dữ tứ thời hiệp kỳ tự, dữ quỷ thần hiệp kỳ kiết hung, thử thị Thế gian Thánh nhơn, do kỳ kiến triển lục hiệp, tánh

người, vì Hòa thượng là ngôi "Tăng bảo" còn 10 giới là ngôi "Pháp bảo". Cho nên Phật dạy ông Xá Lợi Phất, làm vị Hòa thượng, truyền cho ông La Hầu La, hầu mong ngôi Tam bảo, khỏi lộn xộn vậy. Trong các ông Sa di đi xuất gia, chỉ có ông La Hầu La là trước nhất.

Kinh Vị Tăng Hữu nói : "La Hầu La năm lên 9 tuổi đi xuất gia làm Sa di, ông Xá Lợi Phất làm vị Hòa thượng, ông Mục Kiền Liên làm A xà lê truyền 10 giới cho La Hầu La".

Nhắc đến bà "Da Du Đà La", chưa đầy ba năm, cũng bỏ tục xuất gia.

ĐIỀU THỨ NHẤT : "KHÔNG SÁT SANH"

Giết chết sanh mạng, gọi rằng "sát". Loại có tình thức, gọi rằng : "sanh".

LỜI GIẢI : Xét văn thích nghĩa, gọi chữ "giải", phát ra lời nói gọi chữ "viết".

Trên đến các đức Phật, Thánh nhơn, sư, tăng, cha mẹ.

Các đức Phật, là tất cả các đức Như Lai hiện ở trong 10 phương, song đức Như Lai hạnh đủ quả tròn, không còn nghiệp chướng. Nhưng chướng nghiệp đã dứt lâu, lẽ cố nhiên người, trời, ma vương, làm gì hại được.

Song nay nói sát hại Phật, kia như ông Đề Bà Đạt Đa, xô đá đè Phật, chỉ trầy ngón chân Phật cho nên gọi là giết (sát) "Thánh nhơn" do người tu chứng đặng phép Thánh nên gọi là vị "Thánh nhơn".

Thánh nhơn có hai bậc : 1) "Thánh nhơn Thế gian". 2) "Thánh nhơn Xuất thế gian" nếu y theo chữ mà chiết tự, theo tiếng chữ "Nhĩ" chữ "Trình" nhập lại thành chữ "Thánh". Là ý nói tâm của "Thánh Nhơn", thông suốt trời, đất, rõ tinh muôn vật, cũng như lỗ tai thông tiếng. Cho nên kinh "Dịch" nói : Đức của Thánh nhơn sánh bằng Trời, Đất, sáng bằng Nhật, Nguyệt, biết thời tiết bốn mùa, cùng Quỷ thần biết sự kiết hung, tuy Thánh nhơn Thế gian thông giải như thế, nhưng eòn bị ràng buộc trong sáu

tánh sắt nhất sanh, cố bất năng hàm thổ thập hư, diệu cùng tam tế.

Xuất thế gian Thánh nhưn tắc bất văn kỳ thanh, tri cứu giới tình, thông đế lý, sướng chúng cơ, dữ pháp giới hiệp kỳ đức, dữ nhị trí hiệp kỳ minh, dữ tứ cơ hiệp kỳ tiết, dữ chúng Thánh hiệp kỳ minh hiển. Tư nãi Phật đại Thánh nhưn; trí châu pháp giới, cùng lý tận tánh chi tuyệt lượng, thượng phi Thanh văn, Duyên giác cảnh giới, hướng kỳ tha thánh hồ.

Kim ngôn "Thánh nhưn", dẫn phi thế thánh, nãi xuất thế tam thừa Thánh nhưn, dĩ thế thánh vô quả vị, cố dã.

"Sư" giả : nhưn chi mô phạm tức Hòa thượng, A xà lê dã.

"Tăng" giả : thị thọ cụ túc giới nhưn, Phụ mẫu : thị thí sanh tự thân, giả dã.

"Luật" vân : "Đương niệm sở sanh, cập sư hữu ân, tinh tấn hành đạo, dục độ phụ mẫu". Ký vân niệm ân, khởi đương sát hại : Như thượng sở sát, tức phạm nghịch tội, bất khả hối, đọa "A tỳ" đại địa ngục, thọ thiêu chữ khổ, cùng kiếp mạc tận.

Hạ chí quyền phi xuẩn động, vi tế côn trùng.

"Quyên", âm "uyên" thị phi hành chi trùng.

"Xuẩn", âm "Thuẩn", thị tiểu trùng, hữu thức tánh năng động, chi giả. "Côn" đồng côn, Thị trùng chi tổng danh, nãi chí nhãn khả kiến giả, danh viết vi tế. Trùng loại tuy đa, thử tam thân tận, nhiên kỳ cu bảm sắc tâm, đồng nhất giác nguyên sở dĩ hân sanh bố tử, thống dưỡng khổ lạc, dữ nhưn vô dị. Ký

phương⁽³⁰⁾ tánh ngăn một đời, không thể thông hiểu mười phương⁽³¹⁾ màu tốt ba đời⁽³²⁾, như đức Thánh Nhơn Xuất thế gian vậy.

Đức Thánh Nhơn Xuất thế gian, tuy không nghe tiếng nói, nhưng hiểu biết tâm niệm chúng hữu tình trong chín cõi⁽³³⁾ thấu lý chơn để rõ các cơ đức sánh bằng pháp giới; cùng hai trí⁽³⁴⁾ sáng hiệp nhau, cùng thời tiết bốn cơ⁽³⁵⁾ hiệp nhau, tối sáng cùng các Thánh hiệp nhau. Đây là chỉ đức Phật là vị Đại Thánh Nhơn trí khắp trong pháp giới, cùng lý tốt tánh tuyệt vời, cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác còn không sánh bằng, huống các Thánh Nhơn Thế gian lẽ nào bì kịp.

Ông Thánh Nhơn nói đây là lựa không phải ông Thánh Nhơn Thế gian, chính là ông Thánh Nhơn bậc Tam thừa, ngoài thế gian vậy. Bởi ông Thánh Nhơn trong thế gian, vì không phải người tu chứng quá, ra khỏi thế gian như Phật, cố vậy.

Chữ "Sư" là người có mô phạm, tức là vị Hòa thượng và vị A xà lê.

Chữ "Tăng" là người thọ giới "cụ túc", cha mẹ là người sanh mình đầu tiên.

Trong "Luật" nói : "Phải nghĩ ơn cha mẹ sanh và ơn thầy bạn, tinh tấn học hành mới hầu mong cứu độ cha mẹ". Đã nói rằng nhớ ơn, thì nỡ nào ra tay sát hại. Nếu sát hại như trên, thời phạm tội ngũ nghịch, sám hối không dặng, tội ấy phải đọa vào trong địa ngục "A tỳ" lớn, chịu cái khổ nẫu, thiêu; biết kiếp nào cho mãn.

Dưới đến loài bò, bay, máy cựa loài côn trùng nhỏ nhít.

Chữ "Quyên" âm "Uyên" là loài trùng biết bay, biết đi.

Chữ "Xuẩn" âm "Thuẩn" là loài trùng rất nhỏ, có thức tánh biết máy động. Chữ "Côn" là tên chung của loại trùng. Loài trùng tuy nhỏ nhưng con mắt người ta thấy được thì gọi là vi tế. Loại trùng vẫn nhiều, nhưng đây nói có ba loài đều gồm hết, song loài nào cũng đều đủ cả thân và tâm, đồng một tánh giác nguyên và ham sống sợ chết, đau ngứa, khổ vui, như người không khác. Song đã đồng một tánh

đồng giác nguyên, tức thị vị lai chư Phật, cu bảm sắc tâm, bỉ ngã vô biệt, hại bỉ hườn thành tự hại.

Thử trung bất ngôn, nhưn súc giả, dĩ cử kỳ thượng hạ, nhi bao quát kỳ trung hĩ, sát nhưn phạm bất khả hối tội, súc sanh tuy vân khả hối, nhi thường mạng chi khiên, du tồn. Ngôn khả hối giả, vị đối nhị sư, hoặc hữu đức nhưn, phát lộ sám hối, đoạn tương tục tâm, hậu bất cánh tác nhược phú tàng bất phát lộ, tội cấu nhứt dạ tăng, hậu đoạn tam ác đạo trung. Ngôn bất khả hối giả : tội bất khả trừ, diệt tận xuất chúng, vĩnh bất đắc xuất gia thọ giới. Hạ tam giới, chuẩn thử ưng tri.

Đán hữu mạng giả, bất đắc cố sát.

"Đán" giả, "phàm" dã. "Mạng" vị lực căn lực thức, tương tục nhi sanh, danh chi viết "mạng", thử tương tục đoạn, danh chi viết "Tử".

"Cố" vị cố tâm sát hại, hiển phi ngộ thương đẳng dã.

Hoặc tự sát

Thử tòng thân nghiệp sanh tội, vị tự thân thân hành sát hại, hoặc thủ túc đao trượng, ngổ thạch đẳng, đả linh tử, hoặc diêu trịch linh tử, hoặc dữ độc dược hoặc thối đọa khanh tỉnh thủy hỏa trung; tất danh thân nghiệp tội.

Hoặc giáo tha sát.

Thử tòng khẩu nghiệp sanh tội, vị giáo tha nhưn, linh đoạt bỉ mạng, hoặc ha mạ, hoặc khuyến dụ, linh bỉ tự tử, hoặc chú trớ linh tử; tất danh khẩu nghiệp tội.

Hoặc kiến sát tùy hĩ.

giác nguyên, thì các loài ấy có thể nói là các đức Phật đời vị lai, bởi nó với chúng ta không khác vì đồng đủ cả thân và tâm, thì giết hại chúng nó lại thành hại chúng ta.

Trong văn đây không nói loài người, loài súc, là vì nói trên dưới đã bao trùm khoảng giữa rồi, giết loài người mắc tội không sám hối đặng, còn loài súc tuy sám đặng song hãy còn tội thường mạng. Nói sám hối đặng, thì phải làm phép sám hối như thế này, cầu hai Thầy : 1) Là vị Hòa thượng, 2) Là vị A xà lê hoặc người có đức, tổ bày sám hối, quyết lòng ăn năn, sau chẳng dám làm nữa, nếu che giấu không tỏ bày tội càng ngày càng thêm, sau đọa trong ba đường ác là : Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. Nói tội không sám hối đặng là tội quá nặng, đuổi ra khỏi chúng, quyết không được xuất gia thọ giới nữa. Ba giới sau, sánh theo giới này, nên biết.

Phàm loài có tánh mạng không nên cố giết.

Chữ "Đăn", cũng như chữ "phàm". Chữ "mạng" là loài có đủ sáu căn ⁽³⁷⁾ sáu thức ⁽³⁸⁾ nối nhau mà sống, gọi là chữ "mạng" căn và thức nối nhau khi chia lìa, gọi là chữ "Tứ".

Chữ "Cố" là nghĩa quyết lòng giết hại, rõ không phải những việc hại lầm.

Hoặc mình giết.

Đây là từ thân nghiệp gây tội, nghĩa là mình thân hành làm việc sát hại, hoặc lấy tay, chân, dao, gậy, ngói, đá v.v... đánh cho nó chết, hoặc đứng xa quăng liệng nó chết, hoặc cho nó uống thuốc độc hoặc xô rớt trong hầm giếng nước lửa; tội này đều thuộc về thân nghiệp.

Hoặc xúi người giết.

Xúi người đây là từ khẩu nghiệp mà gây ra tội, nghĩa là xúi người khác bắt oan mạng nó, hoặc mắng nhiếc, hoặc khuyến khen, khiến cho nó tự tử, hoặc trừ rửa cho nó chết; tội đây đều thuộc về khẩu nghiệp.

Hoặc thấy người khác giết tùy hỉ.

Thử tụng ý nghiệp sanh tội, vị kiến tha nhưn hành sát, tự tâm tùy chi, nhi sanh hoan hỷ, tuy phi thân khẩu thân tác. Nhiên tam nghiệp chi trung, tâm vi chủ tế, cố đắc tội đồng tiền, vô hữu khinh trọng?

Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

Quảng như luật trung, văn phiền bất lục.

Luật, vị Sa di thập giới kinh, tinh đại luật đẳng. Bị tái chủng chủng sát pháp, kiết tội khinh trọng, tâm cảnh bất đồng. Văn đa, cố bất năng cu lục, thượng thuật luật văn cảnh, hạ dẫn kinh ý ?

Kinh tải đông ngoạt sanh sắc, thủ phóng trước đồng trung, noãn dĩ miên như, dưỡng dĩ nị vật, khủng kỳ cơ đống nhi tử dã ?

Đông ngoạt trùng y ôn phục, cố hí sanh cơ sắc dã. "Nị vật", thị thân trung cấu nị, khủng sát cơ đống nhi tử, cố cơ dĩ nị vật dưỡng chi, đống dĩ miên như noãn chi; thử văn, tuy xuất chư kinh, nhiên đại luật tương bị.

Phật vị lão bệnh Tỳ kheo nhi thuyết. Thời hữu lão bệnh Tỳ kheo, sắc sắc khởi, khí sắc bì cực, Phật thính thập trước miên bạch trung, nhược sắc tẩu xuất, ưng tác đồng thành, dĩ cái tác khẩu, hệ sàng khước lý, nhược hiếu nhược mộ, tu trì xuất ngoại, từ an mộc khổng, hoặc tường khích trung, nhậm kỳ tự huyệt, bất đắc tùy xứ.

Khí trịch "Bích sắc", đương an thanh thảo thượng, hoặc lương lãnh xứ, dư sắc khả ưu tùy nghi xứ sở, nhi an trí chi. Kim thời, đa hữu bất giải giáo

Tùy hi đây, là từ ý nghiệp sanh ra tội, nghĩa là thấy người khác làm việc sát hại, tâm mình tùy thuận mà sanh hoan hỉ, tuy rằng không phải thân, miệng mình làm. Song trong ba nghiệp : Thân, khẩu, ý ; ý nghiệp làm chủ tể, nên mắc tội cũng như thân, khẩu trước, nào có nặng nhẹ ư ? !

Kinh "Thập giới" nói : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Rộng như trong luật vì văn nhiều, đây không chép.

Luật là gì ? Tức là bộ Sa di thập giới và các bộ Đại luật. Trong Đại luật có chép đủ những nghiệp tội sát sanh, và kết tội sát sanh có nhẹ có nặng, vì do tâm và cảnh chẳng đồng (*tâm không cố sát là cảnh tội nhẹ, tâm cố tội nặng*). Đoạn văn này rất nhiều cho nên chép không thể hết, từ trước đến đây, thuật văn luật rồi; từ đây sắp sau chỉ dẫn ý kinh...

Trong kinh biên tháng mùa Đông, ưa sanh thứ rận, nếu áo có rận, lấy ống bắt bỏ vào, lấy bông gòn để nó ấm, cạo mồ hôi bỏ vô cho nó ăn, còn sợ đói lạnh mà chết, huống chi là giết !

Bởi mùa Đông trời lạnh, mặc nhiều áo cho ấm, nên hay sanh rận mền. Chữ "Nị Vật" là mồ hôi như trong mình. Bởi sợ loài rận đói mà chết, nên lấy mồ hôi trong mình cho nó ăn; còn lạnh thì lấy bông để cho nó ấm. Đoạn văn này, tuy rút trong các kinh; song trong đại luật rõ đủ. Phật vì ông Tỳ kheo già bệnh, mà bày câu chuyện bắt rận đây :

Hồi Phật còn tại thế, có ông Tỳ kheo già bệnh, mà rận nhiều, thường thường ngồi dậy bắt bỏ một nhọc, nên Phật bảo lấy bông và vải, bắt để trong đó, nó có bò ra phải làm ống đựng và làm cái nắp đậy miệng ống, buộc dưới chân giường, hoặc mai hoặc chiều, phải đem ra ngoài nhẹ trút trong bông cây, hoặc trong tường hờ để cho nó tự sống, chớ đừng đựng đầu quăng bỏ đó.

Còn loại "Bích sắc", phải để trên chòm cỏ xanh, hoặc chỗ mát mẻ; các loài khác cũng phải nghiệm coi, nó thích hợp nơi nào, mà an để cho nó được sống. Đời bây giờ, có nhiều

pháp, cứu trừ đồng nội khổn tử, tuy vân y giáo, nhi thù vô hộ mạng chi tâm, hựu hà dị sát sanh giả tai !

Nái chí lự thủy phú đẳng, bất súc miêu ly đẳng, giai từ bi chi đạo dã, vi loại thượng nhiên, đại giả khả tri hĩ.

"Nái chí" giả; thị cử tiên hậu, dĩ quát kỳ trung dã, tiên minh sát hại thô tướng, hậu minh hộ sanh tế hạnh, kỳ trung thô tế phi nhứt, khả dĩ ý hội, nan dĩ mai cử; cố viết : "Đại khả tri hĩ".

Như Kinh vân : Vô đắc phần thiêu sơn lâm, thương hại chúng sanh, tựu quyết hồ trì, yển tác phái độc tàn hại "thủy tánh", thị dã.

"Lự Thủy" giả : Thị chư Hiền Thánh, hộ sanh hành từ chi yếu vụ. Cố dư "luật" vân : "Nhược hành ngũ lý, vô nang bất khứ, nhược tri tự bất "lự thủy", bất hiệp ẩm dụng, ninh tự khát tử trường đồ, túc vi qui cảnh.

"Tích hữu nhị Tỳ kheo vãng cần Thế Tôn, trung đồ, khát pháp, kiến trì trùng thủy. Đại giả, hộ giới bất ẩm nhi tử. Tiểu giả, ẩm dĩ vãng kiến Thế Tôn. Phật tức ha vân : Nhữ ngu si nhơn, bỉ dĩ hộ giới cố, đắc sanh thiện thú, dĩ tiên kiến ngã. Nhữ tuy cận ngô, khứ ngô thiên lý".

Phàm dụng ẩm dụng, tu tiên quan sát, vô trùng khương dụng, hữu, tức mật quyển lự chi, nang trung chi trùng, từ khuynh tịnh khí, trì hườn thủ thủy bốn xứ, nhi khinh phóng chi, bất khả huyền khí, linh trùng muện tử.

người không biết luật dạy, để mái trong ống chết khô, tuy nói rằng y luật, mà không hết lòng hộ mạng nó, đối với kẻ sát sanh nào có khác ư ? !

Nhấn đến những việc như lược nước che đèn, và không nuôi loài mèo chồn v.v.. đều là đạo từ bi của đức Phật, loài nhỏ còn không nuôi, loài lớn khá biết.

"Nãi chí" (*Nhấn đến*) là hơn có văn trước mới nói văn sau, nói trước nói sau, đã gồm khoảng giữa rồi. Như văn trước nói : Thô tướng sát sanh ; văn sau nói phải tế hạnh hộ sanh, thì đủ hiểu khoảng giữa nào thô (*loài lớn*), nào tế (*loài nhỏ*), chẳng phải một loài, lấy ý hiểu ngầm lời nói không hết được, cho nên chánh văn nói : "Loài lớn còn không giết, loài nhỏ khá biết vậy".

Kinh "Thập giới" nói : Không nên đốt núi nở nào giết chúng sanh, moi móc hồ ao ngăn ngòi lấp rạch, đều là tư cách hại loài "thủy tánh" (*thủy tánh là loài ở dưới nước*).

Chữ "Lự thủy" (*lược nước*), "lược nước" là việc cần yếu bực "Hiền Thánh" làm lành hộ sanh. Cho nên trong các "luật" nói : "Bằng đi con đường năm dặm, không có bàn lược nước, thì không đi và biết chùa nào không "lược nước", chẳng nên uống, dùng, thà chết khát giữa đường, đủ làm gương mẫu cho kẻ sau.

"Nhắc lại thời kỳ Phật còn tại thế, có hai vị Tỳ kheo, đồng đến ra mắt đức Thế Tôn, giữa đường khát ngắt, thấy ao nước có trùng. Ông lớn giữ giới không uống mà chết. Ông nhỏ uống no rồi đến ra mắt đức Thế Tôn. Ngài quả rằng : Ngươi là người ngu si, ông kia, vì có tâm giữ giới, được sanh lên cõi lành trước thấy ta rồi. Còn ngươi tuy đứng gần ta, nhưng cách ta ngàn dặm".

Xem đây nên biết, phàm muốn uống và dùng nước trước phải coi kỹ, không trùng mới dùng; bằng có liền lấy lụa dày lọc lượt, trùng trong bàn lượt, sẽ để trong đồ sạch rồi đem nhẹ thả trong chỗ mức nước trước kia, đừng treo bỏ nó phải chết khô.

"Chánh pháp niệm" kinh vân : Kinh tức chi thủy, nhược bất tế quan, khủng sanh tế trùng, nhược bất lộc lự, bất ẩm bất dụng, thị danh tế trì "bất sát" giới.

Hựu "Nghĩ Tắc" kinh vân : Nãi chí thảo mộc thượng đồ dàng ngư phần trung, như thị thọ dụng thời cứu hộ ư "hàm thức". Hoặc bỉ sàng tòa nội, điền địa phần thổ trung, nhất nhất tử tế quan, thị danh xuất gia hạnh. Nhược nhưn dĩ quyền bổng thổ thạch, cập chuyên ngọa đá trịch cầm thú, đẳng, diệc đắc phạm giới tội.

"Phú đẳng" giả : Vị dụng sa la quyển chỉ đẳng, phú cái, dĩ hộ chư trùng nga dã. "Súc" vị súc dưỡng miêu dữ ly, giai thị bộ thử chi thú, từ bi chi đạo thị Bồ tát lợi sanh chi đại đạo. Dĩ "từ" nang dữ lạc, cố bất linh cơ đồng đẳng. "Bi" năng bạt khổ, cố lự thủy phú đẳng, bất súc miêu, ly, đẳng. "Vi loại thượng nhiên" giả, vị sắc, trùng nga đẳng, du thượng ái hộ như thị, tắc kỳ phi cầm tẩu thú đại giả, bất sát khả tri hĩ.

Kim nhưn bất năng như thị hành từ; phục gia thương hại khả hồ ? !

Vị ký bất năng hành lự thủy phú đẳng chi từ hạnh, nhi cánh gia thương hại bỉ mạng khả hồ; "khả hồ" : thị phản trưng chi từ.

Cố Kinh vân : "Thi ân tế pháp, sử kỳ đắc an". Nhược kiến sát giả, đương khởi từ tâm.

Thử "yếu lược" trung, phạm ngôn "kinh vân", "luật vân", đa xuất "Sa di Thập giới" pháp, bất phục nhưt nhưt phiền thích. Nhược chú trung, vân "Đại luật" giả : tức "Tỳ kheo" luật dã.

Kinh "Chánh pháp niệm" nói : "Những nước để cách đêm sợ có sanh vi trùng, nếu không coi kỹ. Bằng không lọc lược kỹ, chớ nên uống và dùng; thế mới gọi là giữ giới" "Bất sát" rất chính.

Kinh "Nghị Tắc" cũng nói : Nhấn đến trên cỏ cây, trong thứ phần trâu tô đàn (39) khi cần dùng đến, phải cứu hộ loài "hàm thức". Hoặc trong giường ngồi kia, hoặc trong phân đất vườn, ruộng, mỗi khi xem coi kỹ lưỡng thì mới xứng đáng hạnh xuất gia trì luật. Nếu ta ra tay, cầm đất đá cùng ngói gạch, đôi chọi các vật đánh quăng cầm thú cũng mắc tội phạm giới.

"Phú dăng" (*che đèn*) nghĩa là khi thắp đèn phải dùng những thứ the, nhiễu, giấy, lụa che kín cái đèn, đừng để những trùng bướm ngã vào. Chữ "Súc" nghĩa nuôi, nuôi mèo, chồn là loài thú bắt chuột; đạo lớn lợi sanh của ông "Bồ tát" lấy đạo "từ bi" làm đầu. "Từ" là làm cho chúng sanh được vui, nên không để chúng nó đói rét v.v... - "Bi" là nghĩa cứu khổ chúng sanh, vì cứu khổ nên lọc nước, che đèn và không nuôi loài mèo chồn bắt chuột v.v... - Câu nói "loài nhỏ còn thế" nghĩa là loài nhỏ, hơi còn thương hộ như thế, huống chi loài lớn, như chim bay, thú chạy, không giết hại, nên biết.

Hạnh làm lành như thế, thế mà người đời bây giờ không làm được, lại thêm giết hại sao nên ?

Tiếng nói "sao nên" là lời gạn lại, như nói làm hạnh lành "lược nước, che đèn đã làm không được, mà lại thêm giết hại mạng nó sao nên".

Kinh "Thập giới" có câu : "Thi ân tế phạp sử kỳ đắc an" nghĩa là ra ơn giúp ngặt, khiến nóặng yên. Bằng thấy kẻ khác giết hại, phải đem lòng lành thương.

Trong bộ "yếu lược" đây, phạm chỗ nào hai chữ "kinh vân", "luật vân" phần nhiều là rút trong bộ kinh "Sa di Thập giới" không phiên mỗi mỗi giải nhiều. Hoặc trong lời chú giải nói hai chữ "Đại luật" tức chỉ Luật của "Tỳ kheo" vậy.

Nhất thiết, chúng sanh ư tài, pháp nhị chủng đa sở cần pháp, nhược kiến vô tài chúng sanh, khuyết ư y thực, đương tùy tự lực, dĩ y thực nhi lợi tế chi. Nhược vô pháp chúng sanh, khởi ư xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đọa, tán loạn, ngu si, vị thuyết, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, nhi tế độ chi, dĩ tài thí năng linh thân an, pháp thí năng linh tâm an. Cổ vân : "Sử kỳ đắc an".

"Tập Bữu Tạng" kinh vân : "Tích hữu nhưt "La Hán", súc nhưt Sa di, trì kỳ khước hậu thất nhưt, mạng tất đương chung, tức sử qui gia, lộ trung, kiến chúng nghị tử, tùy thủy phiêu lưu, mạng tương dục tuyện. Sa di sanh "Tử bi" tâm, tức thoát y thịnh thổ yển thủy, nhi thủ nghị tử, trí cao táo xứ. Thất nhật hườn qui sư sở, sư thậm quái chi, tức nhập định, dĩ thiên nhân quan, trì bỉ vô dư phước đắc huyệt, dĩ cứu nghị tử nhưn duyên cố, thất nhật bất tử, đắc duyên thọ mạng.

Trượng phu luận kệ vân : "Bi tâm thí nhất nhưn, công đức như đại địa, vị kỳ thí nhất thế, đắc báo như giải tử; cứu nhất ách nạn nhưn, thắng dư nhưt thể thí, chúng tinh tuy hữu quang, bất như nhưt nguyệt minh". Đương khởi từ tâm giả : vị "kiến tha như sát sanh, ưng dĩ tài vật, cứu thực kỳ mạng".

Nhược tự vô tài, khả vị khát hóa, khát hóa diệt vô, khả vị sát giả, phương tiện thuyết pháp khuyến dụ, linh sanh hoan hỷ, nhi thích phóng chi. Nhược kỳ bất tín, đương sanh từ tâm, miễn bỉ hành sát giả, tội đọa tam đồ, kỳ bị sát giả, khổ thống vô địa. Oán nghiệp ký kết ư kim sanh, tắc thù báo thế thế bất dĩ. "Nguyện đắc Bồ đề, độ linh giải thoát"; Cổ kinh vân : "Thệ ngô đắc đạo, quốc vô sát giả" !

Nói tóm lại, nếu thấy tất cả chúng sanh, thiếu thốn tài lẫn pháp, hai món nên bố thí giúp đỡ; như thấy người đời, không tài (*của*) thiếu sự ăn mặc thì ta tùy sức cho cơm ăn áo mặc giúp đỡ. Như thấy người đời không pháp, mắc phải tâm tham lam, phá giới, buồn giận, biếng lười, lẳng mạn, ngu si v.v... ta vì đó nói pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, cứu chữa tâm bệnh cho họ. Tài thí, có thể làm no ấm cho thân; Pháp thí, có thể làm yên ổn cho tâm. Cho nên có câu : "Sử kỳ đắc an", trên chánh văn đã nói.

Kinh "Tạp Bửu Tạng" dạy : "Xưa có một vị La hãn nuôi một thầy Sa di, biết Di 7 ngày nữa là mạng chung, cho Di về nhà, Di đi giữa đường thấy bầy kiến bị trôi theo dòng nước, mạng hầu muốn thác. Sa di sanh tâm "Từ bi" cởi áo dựng đất đắp nước, vớt kiến lên để chỗ cao ráo. Bảy ngày mán, trở về Thầy, Thầy lấy làm lạ, liền nhập định, dùng pháp thiên nhãn xem, biết Di không phước chi được sống, chỉ nhờ ơn duyên cứu bầy kiến kia thôi, bảy ngày đã không chết, mạng lại sống dai.

Lời kệ trong luận "Trượng Phu" nói : "Lòng "Bi" cứu một người, công đức lớn như cõi Đại địa, bằng ích kỷ đầu cứu tất cả, đặng phước báo như hột cải. Lại cứu một người ách nạn, hơn cứu tất cả người thường, như : các ngôi sao tuy có ánh sáng, song đầu cho bằng ánh sáng của một mặt trăng". Câu "Đương khởi từ tâm" (*phải đem lòng lành thương*) nghĩa là : "Thấy người khác sát sanh, phải đem của cải mua chuộc mạng nó".

Bằng mình không tiền, phải vì giáo hóa xin lại, bằng giáo hóa xin lại cũng không được, phải vì người sát, tìm cách thuyết pháp khuyến dụ, khiến cho họ sanh tâm hoan hỉ, mà mở thả nó. Bằng thật người kia là người bất tín, thì mình phải sanh lòng "từ" thương người sát sanh, sau này dọa trong ba đường ác và thương con vật bị sát, nhức đau không chỗ nói. Ôi ! Nghiệp báo oan gia, đã kết chặt đời này, sự báo thù trả vay, vay trả biết đời nào cho hết !! Quán xét như thế rồi ta phát nguyện rằng : "Nguyện ta tu hành đặc đạo Bồ đề, nguyện độ các loài, đều đặng giải thoát". Cho nên

Như "Độ Cầu" kinh vân : "Tích hữu Sa môn kiến nhất đồ nhi, bảo nhất cầu tử, trì qui dục sát. Sa môn ngữ viết, sát sanh chi tội, thậm vi bất thiện, nguyện trì ngã bát trung thực, mạo thử cầu tử, linh mạng đắc huyệt, hoạch phước vô lượng".

Nãi chí ân cần hiểu dụ, đồ nhi bất khả tùy ngôn, Sa môn tức dĩ phạm tự cầu tử, dĩ thủ ma loát chú nguyện, khắp nhi cáo viết : "Khanh hà tội sở trí, đắc thị cầu thân, bất đắc tự tại, vị tha sát thực. Nguyện nhử thể thể, tội diệt phước sanh, ly cầu tử thân, đắc sanh vi nhơn, trị ngộ Tam bảo "Cầu tử đắc thực, thiện tâm tức sanh, dùng dước hoan hỉ, tự tri qui y. Đồ nhi tương qui sát thực, cầu tử mạng chung, sanh đại trưởng giả gia". Thời Sa môn khát thực, đáo trưởng giả môn; kỳ tử kiến chi, hoan hỉ lễ túc cúng dĩ bá vị, tức tùy xuất gia, thăm giải kinh nghĩa, tiện đắc "tam muội", trí bất thoái chuyển, khai hóa nhất thế, phát Bồ đề tâm. Súc sanh thượng nãi đắc đạo, hưởng nhơn ninh bất hoạch quả !"

Y khả bất giới dư !

"Y" thị khái thán chi tinh. Dư, thị ngữ mạt chi từ, diệt thị thán từ. Vị sát sanh chi tội, khổ báo vô lượng, cùng kiếp thọ ương, thành khả cảm thương, tác bất khả vi thâm giới !

Như "Luân Chuyển Ngũ Đạo" kinh vân : "Vĩ nhơn hí sát giả, hậu sanh tác thủy thượng phù du chỉ trùng, triều sanh mộ tử".

trong kinh có câu : "Thệ ngô đắc đạo, quốc vô sát giả". Nghĩa là "Ta thề dặng đạo trong nước ta không có người sát".

Như kinh "Độ Cầu" nói : "Xưa có thầy "Sa môn" tri binh khát thực, thấy một gã đồ nhi ôm một con chó đem về muốn sát. "Sa môn" bảo : "Tội sát sanh rất là bất thiện, ta nguyện đưa cơm trong bát ta, đổi con chó này, cho mạng nó được sống, thì chú được phước vô lượng".

Như vậy vị Sa môn năn nỉ hoài, mà gã đồ nhi bất khứng lời nói của vị Sa môn. Túng thế, vị Sa môn trút hết cơm trong bát ra, cho con chó ăn rồi lấy tay thoa rờ và chú nguyện rơi lụy mà bảo rằng : Đời trước người tạo tội chi, mà nay mắc báo làm thân chó, vừa đói khát, lại còn bị người ta giết mà ăn, không được tự tại. Vậy ta chú nguyện cho người, đời đời tội diệt phước sanh, thoát kiếp cấu thân, được sanh làm người và gặp ngôi Tam bảo. Con chó được ăn cơm của vị Sa môn, liền sanh tâm lành, vui mừng khắp khởi, biết mình đã quy y. "Nhắc lại kẻ đồ nhi đem chó về giết ăn, chó kia mạng thác, đầu thai sanh trong nhà ông Đại Trưởng giả, được làm thân trai. Bấy giờ vị Sa môn có dịp khát thực, đi ngang qua trước cửa Trưởng giả. Cậu con thấy Sa môn vui mừng lễ dưới chân và cúng dường đủ trăm món, rồi xin theo hầu vị Sa môn để xuất gia lần lần tu tập thông hiểu nghĩa kinh và chứng dặng "Tam muội" đến bực bất thoái chuyển, rồi khai hóa cho tất cả người đời cũng được phát tâm Bồ đề tu hành theo đạo Phật như cậu. Ôi ! Loài súc sanh còn được đắc đạo, huống loài người đâu chẳng chứng quả !"

Than ôi ! Khá chẳng răn ư ?!

Chữ "y" (ô) là tiếng thương than. Chữ "ư" (ư) là lời cuối cùng, cũng là lời thán oán. Như nói : Ôi ! Tội sát sanh, khổ báo không lường, mà chịu tội khổ ấy biết kiếp nào cho hết ! Thật đáng thảm thương ! Như thế thì chẳng khá chẳng tởn chừa ư !

Kinh "Luân Chuyển Ngũ Đạo" nói : "Làm người ưa sát sanh đời sau mắc quả báo làm con "phù du" chấp choán trên mặt nước, mai sanh chiều chết".

"Đại Luận" vân : Phật ngôn : "Sát sanh hữu thập tội"

- Nhất tâm thường hoài độc, thế thế bất tuyệt.
- Nhị chúng sanh tăng ố, nhân bất hí kiến.
- Tam thường hoài ác niệm, tư duy ác sự.
- Tứ chúng sanh úy chi, như kiến xà hổ.
- Ngũ thù thời tâm bố, ngộ diệc bất an.
- Lục thường hữu ác mộng.
- Thất mạng chung chi thời, cuồng bố ác tử,
- Bát chướng đoán mạng nghiệp nhưn duyên.
- Cửu thân hoại mạng chung, đọa ư địa ngục.
- Thập nhược xuất vi nhưn, thường dương đoán mạng, như kinh sở thuyết. Khả bất thâm giới dư !

NHỊ VIẾT : "BẮT ĐẠO"

"Vật thuộc ư tha, tha sở thủ hộ, bất dữ nhi thủ, danh chi viết đạo".

Giải viết : Kim ngân trọng vật, dĩ chí nhất châm nhất thảo, bất đắc bất dữ nhi thủ.

Cử kim ngân, dĩ kim thất bử; trọng vật, tức y thực khí cụ, đẳng quý giá chi vật : nhất châm nhất thảo, thị vật chi tối khinh tiểu giả; "dĩ chí" giả, thị cử tiên hậu chi trọng kinh, linh đạt kỳ trung dã.

Nhược "Thường trụ" vật.

Tức Thập phương Tăng vật, đản "Thiệm Bộ Châu" nội, sở hữu xuất gia, Phật đệ tử chúng giai tất hữu phần.

Trong "Đại Luận" Phật nói : "Người sát sanh có 10 tội.

- 1.- Thường chứa độc trong tâm, đời đời không dứt.
- 2.- Người đời chán ghét, mắt chẳng muốn ngó.
- 3.- Tâm thường niệm ác và nghĩ những việc ác.
- 4.- Người đời thấy sợ như sợ rắn hổ (*cọp*).
- 5.- Khi ngủ giật mình, lúc thức tâm cũng chẳng yên.
- 6.- Thường thấy chiêm bao dữ.
- 7.- Khi mạng chung chết một cách gớm ghê.
- 8.- Gây nghiệp nhưn chết yếu về đời sau.
- 9.- Thân này hoại mạng chung đọa vào địa ngục.
- 10.- May hết tội trong địa ngục, được làm người, chi khỏi phải chịu nạn chết non, như trong kinh đã nói, há chẳng răn dè lắm ư !

ĐIỀU THỨ HAI : "KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CẤP"

Nghĩa là "vật thuộc của người, người ta gìn giữ không cho mà lấy, gọi là trộm cắp".

Giải rằng : Những vật quý trọng như là : vàng, bạc, cho đến vật nhỏ như cây kim, một ngọn cỏ, người ta chẳng cho, mình chẳng phép lấy.

Nói vàng bạc đã gồm 7 món báu như : vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu; nói vật báu trọng tức là cơm ăn áo mặc, những việc cần thiết quý giá v.v... và những vật nhỏ như : một cây kim, một ngọn cỏ, không cho không nên trộm lấy. Chữ "dĩ chí" (*nhấn đến*) là nói trước một vật quý trọng; sau nói vật hèn rất nhỏ, thì đủ biết rằng trong khoảng giữa đó có biết bao những vật thường thường (*không lớn không nhỏ*).

Hoặc của "Thường trụ".

Cửa thường trụ là cửa chúng tăng trong 10 phương, ở trong cõi "Nam Thiệm Bộ châu" của chúng ta ở đây, những người xuất gia làm đệ tử Phật, đều có một phần thọ dụng của này.

Nhược "Tín Thí" vật.

Vị thí chủ trì vật chí tự bố thí, nhi vị phân dữ tăng giả thị.

Nhược "Chúng Tăng" vật.

Thị hiện tiền tăng vật "Phương Đẳng" kinh, "Hoa Tụ Bồ Tát" vân : "Ngũ nghịch tứ trọng, ngã diệc năng cứu, đạo tăng vật giả, ngã bất năng cứu".

"Tam Muội" kinh vân : "Đạo tăng man vật giả, quát sát bát vạn tứ thiên phụ mẫu đẳng tội".

"Đại Luật" vân : "Nhược đạo Phật, tháp vật, cập tự trung cúng cụ, tức phạm trọng tội; nhược đạo tha kinh quyển, kể chỉ mặc trị phạm tội".

"Bửu Lương" kinh vân : "Ninh đạm thân nhục, chung bất dụng Tam Bửu vật". Đắc đại khổ báo, tội thọ nhất kiếp, nhược quá nhất kiếp, dĩ xâm tổn Tam Bửu vật cố Hựu, Phật, Pháp, Tăng vật, các hữu sở thuộc bất đắc hổ dụng. Dụng đắc kể trị thành tội, thường trụ tăng vật, diệc các hữu sở thuộc, bất đắc hổ dụng; như Đại Luật quảng minh, thử bất phiên lục.

"Đường "Phân Châu", "Khải Phước" tự chủ, "Huệ Trừng", nhiễm hoạn tác ngư hầu nhi tử; tự tăng "Trường Ninh", dạ kiến Trừng lai, hình sắc tiêu tụy, viết : "Vị hổ dụng Tam Bửu vật, thọ khổ nan ngôn, chư tội cái khinh duy dụng thường trụ vật chí trọng, nguyện tứ cứu tế. "Ninh" tức vị tụng kinh sám tội, ngoạt dư phục lai vân, thừa lợi ích, dĩ đắc tức khổ, biệt cư nhất xứ, đăn vị tri đắc thoát chi nhật".

Hoặc của "Tín thí".

Nghĩa là người thí chủ đem của đến chùa bố thí, mà chưa chia cho Chúng Tăng; thì của đó thuộc về của tín thí.

Hoặc của "Chúng Tăng".

Đây là vật của Chúng Tăng hiện tiền. Trong kinh "Phương Đẳng" Ngài "Hoa Tụ Bồ tát" nói : "Tội ngũ nghịch⁽⁴⁰⁾ và tội tứ trọng⁽⁴¹⁾ ta có thể cứu đặng; còn tội trộm lấy vật của Chúng Tăng, thì ta không thể cứu đặng".

Kinh "Tam Muội" nói : "Tội người trộm lấy vật của Chúng Tăng, nặng hơn tội người giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ".

Trong "Đại Luật" nói : "Bằng trộm những vật trong tháp Phật và vật cúng trong chùa, đều mắc tội nặng, còn trộm quyển kinh người khác, tính giá tiền giấy mực mà phạm tội nặng và nhẹ như trong luật đã nói"

Kinh "Lương Hoàng" nói : "Thà ăn thịt mình, quyết không lạm dụng của Tam bảo. Chuộc lấy khổ báo to, chịu tội một đời hoặc nhiều đời, bởi mình lạm dụng của Tam bảo vậy. Lại nữa, của Phật, của Pháp và của Tăng, phần nào đều thuộc về phần ấy, không được lấy dùng lộn xộn. Nếu dùng sai phép, sẽ tính giá phạt tội, còn vật của Chúng Tăng hoặc Thường trụ cúng thể, cũng có phần sở thuộc, không phép dùng lộn xộn"; các điều như trên trong "Đại Luật" có nói rõ, văn nhiều đây chẳng chép.

"Đời Đường, đất "Phân châu", ông chủ chùa "Khải Phước" tên "Huệ Trừng" nhiễm bệnh, cát tiếng như trâu rống mà chết, chôn cất xong, ông Tăng trong chùa đó là ngài "Trường Ninh", ban đêm thấy ông "Huệ Trừng" về hình sắc ốm gầy. Trừng nói : "Tôi vì lạm dụng của Tam bảo, chịu khổ khó nói, các tội còn nhẹ, duy có tội lạm dụng của Thường trụ Tam bảo rất nặng; xin Ngài làm ơn cứu giúp, Ngài "Trường Ninh" bấy giờ vì ông "Huệ Trừng" tụng kinh sám tội, hơn tháng Trừng trở về nói : Nhờ lợi ích sám hối tụng kinh nay riêng ở một chỗ và đã đặng bớt khổ; song chưa biết ngày nào mới hẳn là ngày hết tội".

Nhược "Quan" vật,

Tức cứu phẩm hoạn chức chi vật.

"Dân" vật.

Tức nông, thứ, công, thương, bá tánh chi vật.

Nhất thế vật.

Thuộc quỷ, thần, cầm, thú, đảng vật.

Hoặc "Đoạt Thủ".

Đối diện bất dữ nhi thủ, danh vi cường đoạt, diệc danh vi kiếp.

"Nghĩ Tắc" kinh vân : "Nhược tự "Y" "Bát" đảng, bị tặc sở kiếp đạo, vật đắc cường thủ chi; thuyết pháp phương tiện hóa, hoặc phục nhi hồi mải, bất đoán tùy tha ý".

Hoặc "Thiết Thủ".

Tư thủ viết thiết.

Hoặc "Trá Thủ".

Quỷ quyết viết trá thủ, diệc danh ngục thủ.

Nãi chí thâm thuế mạo độ đảng, giai vi thâm đạo.

"Nãi chí" giả, thị cử tiên hậu, dĩ minh kỳ trung. Sở vị khuê, cấp, thù, lượng, chủng chủng khi mạn, di tiêu chiếm giới, tư nặc ký vật, quá phần thực dụng thường trụ đảng.

Ngôn "Thâm thuế" giả, "vị hữu ưng thâm thuế vật, nhi bất thâm thuế; hoặc tàng nặc nhi quá, hoặc diệc đạo nhi khứ; diệc bất đắc vị tha tàng nặc thâm thuế vật. Nhược thị Tam Bảo phụ mẫu chi vật, ưng

Hoặc của "Quan".

Tức là cửa, của các quan trong chín bậc.

Cửa "Dân".

Tức là cửa, của kẻ làm ruộng, người đi buôn, kẻ làm thợ, người dân lao động, trăm họ v.v...

Cửa "tất cả".

Thuộc về cửa, của quý, thần, cầm, thú tất cả cửa.

Hoặc "Cướp ngang mà lấy".

Như trước mặt không cho mà lấy, kêu là giựt ngang, cũng kêu là ăn cướp.

Kinh NGHI TẮC nói : "Nếu các vật như "Y", "Bát" của mình bị kẻ giặc trộm cướp không nên giành lại, tìm cách thuyết pháp cho nghe rồi xin lại, hoặc đem tiền mua chuộc, không cho thì thôi, tùy ý nói".

Hoặc "Ăn cắp".

Lén lấy gọi là ăn cắp.

Hoặc "Dối gạt mà lấy".

Khuynh phờ gọi là gạt, cũng kêu là dối lấy.

Nhấn đến trốn thuế dối dò v.v... đều là thái độ gian trộm.

Chữ "Nãi chí" (*nhân đến*) là kể câu chuyện cuối cùng, đối với câu chuyện đầu tiên, để cho rõ những chuyện khoảng giữa. Như nói : "Nhấn đến những việc rất ít chừng một khuê, một cấp, một thù, một lượng, gian dối đủ cách và như đất ruộng thì dời nọc lẩn ranh, của người gởi thì lén lấy, của Thường trụ thì ăn xài quá phần v.v...

Nói chữ "Thâu thuế" (*trốn thuế*) nghĩa là "những vật đáng đóng thuế, mà không đóng thuế, hoặc giấu giếm bỏ qua, hoặc lánh đi đường khác, cũng không nên dối thuế giùm cho người nào. Bằng như vật ấy là vật của Tam bảo

vị thuế quan, thuyết pháp, tán thán Tam Bảo công đức, phụ mẫu thâm ân, quan bất thủ thuế, vô phạm".

"Mạo Độ" giả, giả xưng viết "mạo", vị mạo xưng tha danh, nhi độ tân tế giả. "Đẳng" giả, vị tận chi từ, sự ký phi nhất, ý hội khả tri. Như thượng "thường trụ" vật, nãi chí "mạo độ" đẳng, phạm hữu sở tư, tất danh thâm đạo, tội bất khả hối : Cổ kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

"Kinh tải nhất Sa di, đạo thường trụ quá thất mai nhất Sa di đạo chúng Tăng bình số phiên, nhất Sa di đạo chúng Tăng thạch mật thiếu phần, cu đọa địa ngục".

"Thạch mật" tức cam giá, đường kiên cương giả, thị dã.

"A HÂM kinh" vân : Thời "Mục Liên Tôn Giả", cáo "Lạc Xoa Na". Tỳ kheo ngôn : "Ngã lộ trung, kiến nhất đại thân chúng sanh, hữu nhiệt thiết hoàn, tùng thân thượng xuất nhập, thừa hư nhi hành, khổ thống thiết bách, đề khốc hiêu hô, thọ như thị khổ, nhất hà thống tai !". "Phục kiến nhất chúng sanh, kỳ thật trường quảng, hữu xí nhiên lợi phủ, dĩ chước kỳ thật, thừa không nhi hành, đề khốc hiêu hô như tiên". "Phục kiến nhất chúng sanh, hữu song thiết luân, tại lưỡng hiệp, thiêu nhiên triền chuyển, hườn thiêu kỳ thân, như tiên hiêu hô nhi hành". Tỳ kheo văn dĩ bạch Phật.

Phật cáo chư Tỳ kheo : "Ngã diệc kiến như thị chúng sanh, nhi bất thuyết giả, khủng ngu si nhưn bất tín Như Lai sở thuyết, trường dạ thọ khổ. Bỉ nhiệt thiết hoàn, tùng thân thượng xuất nhập giả.

cùng cha mẹ mình, thì mình hãy vì ông quan thâu thuế thuyết pháp khuyến thiện, hoặc ngợi khen công đức ngôi Tam bảo và thâm ân cha mẹ, quan kia nghe được không lấy thuế, không phạm".

"Mạo độ" (*Dối đồ*), đối xứng gọi là chữ "Mạo", cũng như mạo danh người có thể lực để qua chuyến dò khỏi trả tiền. Chữ "Đảng", cũng như chữ "vân vân" là "lời nói" chưa hết, câu chuyện còn dài ngụ ý thì hiểu". Nói tóm lại, từ trước lấy của "thường trụ" cho đến đây nói "trốn thuế", "dối đồ" v.v... phạm có lén lấy, đều liệt vào một tội nặng của sự gian dối. Ăn trộm không cho sám hối. Cho nên trong kinh "Thập giới" nói rằng : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

"Kinh chép một thầy Sa di trộm của Thường trụ 7 trái cây, một thầy Sa di thứ hai trộm chúng Tăng vài cái bánh, thầy Sa di thứ ba trộm chút đường phèn chúng Tăng, cả ba chết rồi đều đọa Địa ngục".

Thạch mật (*đường phèn*), là thứ nước mía ngọt, nấu keo thành đường, cứng chắc gọi là đường phèn.

Kinh A HÂM nói : Bảy giờ Tôn giả Mục Liên đem ba câu chuyện thuật lại cho Ngài Tỳ kheo Lạc Xoa Na nghe như vậy :

1.- "Tôi đi giữa đường thấy một chúng sanh thân lớn có hoàn sắt nóng từ trên thân lúc đan lúc nhập, ở giữa thanh không, vừa đi vừa khóc, kể lẽ kêu rên, nhức đau khó chịu, mắc khổ như thế kể sao cho xiết ?"

2.- "Lại thấy một chúng sanh thứ hai, lưỡi le thật dài, trên lưỡi có con dao bén cháy đỏ, chặt đứt cuống lưỡi kia, ở giữa hư không vừa đi vừa khóc kể lẽ như trên ?"

3.- "Lại thấy một chúng sanh thứ ba, có hai bánh xe bằng sắt, kẹp hai bên hông, đốt cháy giáp vòng rồi đốt nơi thân rồi cũng vừa đi vừa khóc, như hai chúng sanh trước" Ngài Tỳ kheo Lạc Xoa Na nghe thuật câu chuyện, lấy làm quái lạ, liền đến bạch Phật.

Quá khứ, thế thời, tăng ư "Ca Diếp" Phật sở, xuất gia tác Sa di thứ thủ chúng tăng quả viên, đạo thủ thất mai, trì phụng kỳ sư, duyên tư tội cố, dĩ đọa "địa ngục" trung, thọ vô lượng khổ. "Địa ngục" dư tội, kim đắc thủ thân tặc thọ tư khổ". "Bĩ xí nhiên lợi phủ chước thiệt giả, diệc ư quá khứ thế thời, "Ca Diếp" Phật pháp trung, xuất gia tác Sa di, dĩ phủ chước thạch mật cúng tăng, trước phủ nhấn mật, đạo thủ thực chi duyên tư tội cố, nhập "Địa Ngục" trung, thọ vô lượng khổ, dư tội, tặc thọ tư khổ". "Bĩ song thiết luân, tại hiệp hạ giả, diệc tòng Ca Diếp Phật pháp trung, xuất gia tác Sa di, khiến trì mật bình cúng tăng, đạo thủ nhị bình, trước ư hiệp hạ, duyên tư tội cố đọa Địa Ngục trung, thọ vô lượng khổ, dư tội, tặc thọ tư khổ". Kỳ dư Tỳ kheo đẳng tội báo thử bất phiến lục.

"Tùy Văn Đế" thập lục niên, "Tề Châu", "Linh Nham" tự, Thích Đạo Tướng, bạo vong, chí "Minh Phủ" kiến Thế Chí Bồ tát, dẫn quán "Địa Ngục". Hữu bảng vân : Sa di Đạo Hoàng, vị chúng tăng tác hỗn độn, tiên đạo thực nhất bát, đương đọa thiết hoàn Địa Ngục. Nhiên "Hoàng" sở niên khẩu sang, văn "Tướng" thuyết, nãi vị chúng thiết cúng, như bĩ sở kiến. Hữu tam thập dư nhưn tội báo; "Đạo Tướng" thất nhật nội, thập tam độ tử, kiến Bồ tát chỉ thị tội báo. Tướng dĩ ngữ chư nhưn, tức các bồi thương, ngục bảng tùy diệt. Xuất "Tăng Cảnh lục".

Phật nói cùng các Tỳ kheo rằng : "Ta cũng thấy chúng sanh như thế, nhưng không dám nói, vì sợ đũa ngu si bất tín lời Như Lai mà phải chịu khổ nhiều đời. Nay các Tỳ kheo : "Chúng sanh bị hoàn sắt nóng kia, từ trên thân lúc đản lúc nhập đó, là thuở đời quá khứ ở chỗ đức Phật "Ca Diếp", xuất gia làm Sa di, thay phiên giữ vườn trái chúng Tăng, hái trộm bảy trái cây đem dâng cho Thầy, vì tội duyên ấy, đọa trong "Địa ngục" chịu biết bao nỗi khổ. Vì tội "Địa ngục" hãy còn, nay đặng thân này tiếp tục chịu cái khổ ấy". - "Chúng sanh bị con dao nóng đỏ chặt cuống lưỡi, cũng hồi thời kỳ quá khứ, trong pháp Phật Ca Diếp, xuất gia làm Sa di, lấy dao chặt đường phèn cứng cho chúng Tăng, đường dính trong lưỡi dao, trộm lấy ăn, vì duyên tội ấy, vào trong "Địa ngục" chịu biết bao nỗi khổ, tội ấy vẫn còn, nên nay tiếp tục chịu cái khổ như vậy". - "Chúng sanh có hai bánh xe bằng sắt kẹp hai bên nách đó, cũng là thời kỳ Phật Ca Diếp, ở trong đó xuất gia làm Sa di, sai đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, trộm lấy hai cái kẹp 2 bên nách; vì duyên tội ấy, đọa trong Địa ngục, chịu biết bao nỗi khổ như vậy; tội Địa ngục hãy còn, nên nay tiếp tục chịu cái khổ như vậy". Chẳng những thế thôi, còn biết bao tội báo của các hàng Tỳ kheo, như trong ĐẠI LUẬT đã nói rõ; văn đây chẳng chép nhiều.

"Đời nhà Tùy, vua Văn Đế năm thứ 16, đất "Tề châu", chùa "Linh Nham", ông Thích "Đạo Tướng" chết giấc, dưới Minh phủ thấy Ngài Thế Chí Bồ tát, dẫn đi coi Địa ngục thấy có bảng đề rằng : "Ông Sa di tên Đạo Hoàng nấu bánh xôi nước đãi chúng Tăng, trước trộm ăn một bát, sẽ đọa trong Địa ngục "Thiết Hoàn". Song "Đạo Hoàng" đã lỡ miệng mấy năm, vừa nghe "Đạo Tướng" thuật chuyện "Hoàng" mới mua sắm đồ cúng dường chúng Tăng, để sám hối tội, như ông "Đạo Tướng" đã thấy : Bảng đề những kẻ mắc tội báo hơn 30 người, ông "Đạo Tướng" trong 7 ngày chết tới 13 lần, thấy Ngài Thế Chí Bồ tát, chỉ cho biết các tội báo. Lúc "Đạo Tướng" thức dậy, bảo cho các người có tên nơi bảng được biết. Bấy giờ ai cũng lo bồi thường, tự nhiên bảng ngục liền mất. Sự tích này rút trong Bộ "Tăng cảnh lục".

Cố kinh vân : "Ninh tự đoạn thủ, bất thủ phi tài".

Bất nghĩa chi vật, danh viết "phi tài". Hộ giới bất thủ "phi tài". Túng linh đoạn thủ, chỉ thị nhứt sanh, nhược thủ phi tài phá giới, tức đọa tam đồ, thế thế đắc vô thủ báo.

Cổ vân : "Nhơn phi thiện bất giao, vật phi nghĩa bất thủ", "Phi tài hại kỹ, ác ngữ thương nhơn", thế nho thượng nhiên, hướng thích tử thị kim ngọc, như ngổ lịch giả hồ !

LỤC ĐỘ TẬP kinh vân : "Phật túc sanh, tác bản nhơn thời, viết : "Ngô ninh thủ đạo bản tiện nhi tử, bất vi vô đạo phú quới nhi sanh dã".

Y, khả bất giới dư ?!

TĂNG NHẤT A HÀM kinh vân : "Phật cáo Tỳ kheo : "Nhược nhơn thâm đạo tha vật, vi chủ sở chấp tống quan trị tội, bế trước lao ngục, hoặc tiết thủ túc nhĩ tỹ, nãi chí trăm thủ tiền xạ, chủng chủng khổ thiết sát chi, mạng chung sanh "Địa Ngục", trung mảnh hỏa thiêu thân, dương đồng quán khẩu, hoạch than lư thán, đao sơn kiếm thọ, đường hỏa phần niệu, ma ma đối thung, thọ chủng chủng toan sở khổ thống, bất khả xưng kế, bá thiên vạn tuế, thoát xuất vô kỳ.

"Địa Ngục" tội tất, sanh "Súc Sanh" trung, tượng, mã, ngư, dương, đà, lư, khuyến đẳng, kinh bá niên tuế, dĩ thường tha lực. "Súc Sanh" tội tất, sanh "Ngạ Quỷ" trung, cơ khát, khổ não, bất khả cụ ngôn, kinh bá thiên tuế, thọ như thị khổ. Tội tất vi nhơn, đắc nhị chương báo : Nhất giả "bần cùng, y bất cái hình,

Cho nên trong kinh nói : "Thà chịu chặt tay, chớ lấy của phi tài".

Những vật không phải nghĩa, gọi là "phi tài". Người giữ giới, không nên lấy của "phi tài". Dầu cho chặt tay, thì các sự khổ chỉ trong một đời, bằng lấy của phi tài, phá giới, tức đọa trong ba đường, đời đời mắc báo không tay.

Người xưa có câu : "Nhơn phi thiện bất giao, vật phi nghĩa bất thủ", nghĩa là "Người không tốt không làm bạn, của phi nghĩa không lấy". Lại có câu : "Phi tài hại kỷ, ác ngữ thương nhơn", nghĩa là : "Của phi tài hại mình, lời nói ác hại người". Ôi ! Kể thế Nho còn vậy, huống trang Thích tử..., coi vàng ngọc như sành sỏi, mà chẳng bằng hay sao ?!

Kinh LỤC ĐỘ TẬP nói : Hồi đời trước đức Phật còn làm người nghèo, Ngài nói rằng : "Ta thà giữ đạo nghèo hèn mà chết, chớ chẳng làm người vô đạo, giàu sang mà sống".

Ôi ! Khá chẳng răn chừa ư ?!

Kinh TĂNG NHẤT A HÀM nói : Phật dạy các Tỷ kheo : "Nếu ai trộm cắp vật của người ta, bị người Chủ bắt được, giao cho Quan trị tội, cầm giam trong lao ngục, hoặc chặt tay, chân, lắt tai, mũi, nhấn đến chặt đầu, tên bắn, dù cách hành hạ, rồi chết, sau khi mạng chung, sanh trong "Địa ngục" lửa dữ thiêu thân, nước đồng sôi rót vào miệng, hoặc trúng chảo dầu, quăng lò lửa, gươm dao đâm lụi, hấp nóng, bỏ chỗ dơ cõi xay nghiền nát, cối giã đâm nhừ, chua chát nhức đau đủ cách, nào hay kể xiết, cả trăm nghìn năm, không ngày ra khỏi.

Tội "Địa ngục" vừa mãn, kể sanh trong loại "Súc sanh" làm voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa và chó v.v..., trải trăm nghìn năm, ra sức đền bù nợ người, tội "Súc sanh" vừa mãn, lại trong loài "Ngạ quỷ" đói khát, khổ ngặt không thể nói đủ, trải trăm nghìn năm chịu khổ như thế. Hết đời "Ngạ quỷ" mới được làm người, lại mắc hai món quả báo :

thực, bất sung khẩu". Nhị giả "Thường vi thủy, hỏa, vương, thần ác tặc, chi sở kiếp đoạt".

TAM VIẾT : "BẤT DÂM"

Nhị thân giao hội, viết "dâm".

Giải viết : "Tại gia ngũ giới, duy chế tà dâm, xuất gia thập giới, toàn đoạn dâm dục".

Trừ tự thê thiếp, xâm phạm ngoại sắc, danh viết tà dâm. Tại gia ngũ giới, nãi "nhơn", "thiên" chi cảnh lộ, cố Phật duy chế, phi lễ tà dâm. Xuất gia thập giới, thị thú Niết bàn chi cảnh lộ, độ khổ hải chi phù nang, phù nang nhất hủy, trầm nịch khổ tân.

Cổ NIẾT BÀN kinh vân : "Như nhất La sát, tùy độ hải giả, tổng khát phù nang. Độ giả đáp ngôn : "Ninh xả thân, mạng, nang bất khả đắc" La sát phục ngôn : "Bất khả toàn thí, kiến huệ kỳ bán. Bĩ nhơn diệc bất khả giữ. Như thị triển chuyển, nãi chí khát vi trần hử, bĩ nhơn diệc bất khả dữ, "Bồ Tát" trì giới diệc phục như thị.

Phiên não phá giới "La sát", khuyến hóa "Bồ tát" linh phạm trọng giới, bộ dư khinh giả "Bồ tát" bất tùy, nãi chí khuyến phạm khinh giới. "Bồ tát" diệc bất tùy. Hà dĩ cố ? "Bồ tát" trì trọng giới, cập khinh giới, kinh trọng kiên cố, đẳng vô sai biệt, hà hướng "Thỉnh Văn", cấp cầu độ thoát sanh tử, nhi khả khinh hủy giả da !".

Dẫn can phạm thế gian, nhất thế nam nữ, tất danh phá giới.

"Can" giả tức "phạm" dã, diệc tương xâm dã thị dâm dục chi biệt xưng dã.

1.- Nghèo cùng, áo chẳng kín thân, cơm không no miệng.

2.- Thường bị nước trôi, lửa cháy, hoặc bị vua bắt quan đòi, giặc dữ cướp đoạt v.v...

ĐIỀU THỨ BA : "KHÔNG ĐƯỢC DÂM DỤC"

Hai thân giao hội gọi rằng : "dâm".

Lời giải rằng : "Kẻ tại gia giữ năm giới, chỉ cấm việc tà dâm, người xuất gia, thọ mười giới, dứt hẳn đường dâm dục".

Trừ vợ hầu mình, xâm phạm sắc ngoài, thì gọi là tà dâm. Kẻ tại gia giữ năm giới, là con đường tắt làm "người", làm "trời", nên Phật chỉ cấm việc tà dâm phi lễ. Người xuất gia thọ mười giới, là con đường tắt đến cõi "Niết bàn", phao nổi qua biển khổ; phao nổi một phen hư lũng, thì chi khỏi cái hại chìm đắm trong biển khổ.

Kinh NIẾT BÀN chép : "Ví như có một con quỉ La Sát theo người qua biển, quyết xin cho được trái nổi. Người qua biển đáp : "Thà cho thân mạng, chớ trái nổi chẳng cho". La Sát lại nói : "Không chịu cho hết xin cho phân nửa". Người kia cũng không chịu. Như vậy lần lựa xin mãi chừng mây bụi; thế mà người kia cũng chẳng cho. Ông Bồ tát giữ giới cũng lại như vậy.

Tâm phiền não là con Quỉ La sát phá giới. "Quỉ" này, khuyên lơn vị "Bồ tát" phạm giới "Trọng" giữ các giới "Khinh", Bồ tát chẳng nghe, nhần đến khuyên phạm các giới khinh. Nhưng Bồ tát cũng chẳng nghe. Vì sao ? Bởi Bồ tát giữ giới "Trọng" cũng như giới "Khinh" luôn luôn kiên cố và kính trọng. Bồ tát còn như thế, huống chi bực Thanh văn mong thoát khỏi sanh tử, việc cần kíp lẽ nào khinh hủy sao đặng" !?

Hễ can phạm tất cả kẻ nam, người nữ trong thế gian, đều là phá giới.

Chữ "Can" cũng như chữ "phạm" là nghĩa : (*xâm phạm*) cũng việc dâm dục mà nói bằng cách khác.

"Thế gian", vị chúng sanh thế gian. "Nam nữ" vị tứ tánh chi nam nữ, nãi chí quỷ thần súc sanh nam nữ, ư bỉ đại, tiểu tiện đạo, cập khẩu, tam xứ tác bất tịnh hạnh, giai đắc bất khả hối tội. Cố viết : "Tất danh phá giới".

Nhược Sa di, bị tha cường phạm, tự tâm thọ lạc, tức phạm bất khả hối tội. Tâm bất thọ lạc, tội du khả hối. Vân hà thọ lạc ? Như cơ đắc thực như khát đắc ẩm. Vân hà bất thọ lạc ? Như nhiệt thiết nhập, thân, như đao thích thể. Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

LĂNG NGHIÊM kinh tải "Bửu Liên Hương Tỳ kheo ni", tư hành dâm dục, tự ngôn : "Dâm dục, phi sát phi thâu, vô hữu tội báo, toại cảm thân xuất mánh hỏa, sanh hảm Địa Ngục".

"Sanh hảm" vị bất đãi thân tử, hồn dọa kỳ trung, tức thử sanh thân, địa liệt hảm nhập "A Tỳ". Thử tỳ kheo ni, tác thị ngôn dĩ, tiên ư nữ căn, sanh đại mánh hỏa, hậu ư thân chi tiết tiết, mánh hỏa thiêu nhiên, dọa "Vô gián" ngục.

"Vô gián" (TỨC "A TỲ") vị : "Tội nhưn dọa thử ngục trung, thọ thiêu chữ khổ, vô hữu gián khích lạc thời", nhiên Địa Ngục tuy đa, tổng vi tam nhiếp :

Nhất giả, nhiệt ngục, hữu bát, tại thử "Thiệm bộ châu" hạ, "vô gián" tối tại kỳ để, bất ngục, các hữu thập lục tiểu ngục vi nhiều.

Nhị giả, hàn ngục, diệc hữu bát, tại Thiết di sơn để, tội nhưn ư trung, thọ hàn đồng khổ.

Tam giả, "biên ngục" lược hữu tam chưởng : Nhất tại sơn gian, nhị tại thủy gian; tam tại khoán dã, thử ứng hàn nhiệt tạp thọ; như "Thái sơn", "Phủ

Hai chữ "Thế gian", là nói người trong Thế gian. Hai chữ "Nam Nữ" là kể nam người nữ trong bốn họ; nhấn đến nam nữ trong loài quỷ thần, loài súc sanh, mà làm hạnh bất tịnh nơi ba chỗ là : Đại tiện, tiểu tiện và miệng, đều mắc tội sám hối khôngặng. Cho nên nói câu : "Tất danh phá giới" (*đều gọi phá giới*).

Hoặc thầy Sa di bị gái ép phạm, tâm Di ưa thích, thì phạm tội, sám hối khôngặng. Tâm không ưa thích, tội còn sám hối đặng. Thế nào là ưa thích ? Như đói đặng ăn, như khát đặng uống; thế nào không ưa thích ? Như sắt nóng háp thân; như dao đâm vào mình. Kinh nói : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Trong kinh LĂNG NGHIÊM chép sự tích bà vãi Tỳ kheo tên "Bửu Liên Hương" riêng làm việc dâm dục, tự nói rằng : "Dâm dục không phải như sát sanh, như ăn trộm không có tội báo, bèn cảm trong thân lửa dục tuôn ra dữ tợn, thân còn sống, đã sa vào Địa ngục".

Chữ "sanh hảm" (*sống sa*) nghĩa là chẳng đợi thân chết mà phần hồn đã sa vào trong đó; tức như thân sống đất nẻ sa vào ngục "A Tỳ". Bà vãi Tỳ kheo ấy, nói như vậy rồi, trước cảm từ trong nữ căn rồi dần dần đốt cả thân thể sa vào trong ngục "Vô gián".

Hai chữ Vô gián (*tức là ngục A tỳ*) nghĩa là "Người tội đọa trong ngục này, chịu cái khổ nấu đốt, không có thì giờ nào hở dứt". Cho nên gọi là "Vô gián ngục". Song ngục tuy nhiều, nhưng tóm lại chỉ có ba :

1.- Tám ngục nóng, ở dưới "Châu Thiệm Bộ" này nhưng ngục "Vô Gián" thì ở dưới hết, tám ngục nóng mỗi ngục có 16 ngục nhỏ bao bọc chung quanh.

2.- Là ngục lạnh cũng có 8, ngục lạnh này ở dưới đáy núi Thiết Di người tội ở trong đó, chịu cái khổ lạnh rét.

3.- "Biên ngục" biên ngục tóm có ba thứ : a) Ngục trong núi, b) Ngục dưới nước, c) Ngục ngoài đồng trống. Ba ngục này chịu đủ cả lạnh và nóng, như ông Thái sơn,

Quân" cập "Tăng Hộ", "Ưu Nhi", sở kiến giả. Thị thứ chư địa ngục danh tự tướng trạng, cập thọ báo sai biệt đẳng sự. Quảng như kinh, luận, sở minh.

"Thế nhơn nhơn dục, sát thân vong gia, xuất tục vi tăng, khởi khả cánh phạm".

Vương, thần, sĩ, thứ, giai viết thế nhơn Châu U táng quốc, "Tấn Hiến" vong gia, dâm nữ ky cảnh, Thiên miếu phàn thân, giai do dâm dục sở trí. Tự cổ chí kim, thọ hoặc giả phi nhất, bị hại giả nan ngôn.

Như BÁT SỬ kinh vân : "Phật cáo "Phạm Chí" viết : dâm nhơn phụ nữ, hoặc vi phu chủ biên nhơn sở tri lâm thời đắc ương, đao trượng gia hình, thủ túc phân ly, họa cập môn tộc, hoặc vi vương pháp, thâu bộ trước ngục, khốc độc lược trị, thân tự đương tội, tử nhập "Địa ngục", ngọa ư thiết sàng, hoặc bảo đồng trụ, ngục tốt nhiên hỏa, dĩ thiêu kỳ thân. "Địa Ngục" tội tất, dương thọ "Súc sanh", nhược hậu vi nhơn, khuê môn dâm loạn, viễn Phật vi pháp, bất thân Thánh Hiền, thường hoài khủng bố, đa nguy thiếu an".

Phật thuyết kệ ngôn :

Dâm vi bất tịnh hạnh,	Mê hoặc thất chánh đạo;
Hình tiêu hồn phách kinh,	Thương mạng nhi tảo yếu;
Thọ tội ngoang si hoang,	Tử phục dọa ác đạo;
Ngô dụng úy thị cố,	Khí gia nhạo sơn tấu.

"Xuất tục vi tăng khởi khả cánh phạm" giả, vị :
"Tri ngũ dục quá hoạn, cố xả chi xuất gia, vưu khí đi thóa, khởi phục cánh thực" ?

ông Phủ - Quân ông Tăng Hộ và ông Ưc Nhi đã thấy các ngục phải vậy. Song các ngục đây danh hiệu hình trạng cùng người chịu khổ báo sai khác. Các việc thế nào, như trong Kinh Luật có nói rõ.

"Người nhờn tâm dục, chết mình, mất tan cửa nhà kẻ xuất gia làm ông Thầy đầu khá lại phạm".

Vua, quan, kẻ sĩ, thứ dân, đều gọi là người đời Nhà Châu vua "U Vương" mất nước ! Nhà Tấn vua "Hiến Công" mất nhà. Tiên nhờn bị "gái dâm" cỡi cổ ⁽⁴²⁾. Anh "Trần Tử" bị lửa dục đốt mình nơi "Thiên miếu" ⁽⁴³⁾. Cái hại trên đây, đều do một việc "dâm dục" mà ra cả. Từ xưa đến nay những người lầm lạc chẳng phải một và người bị hại khó nói...

Như kinh BÁT SU nói rằng : Phật dạy ông "Phạm Chí" mình dâm đàn bà con gái người, hoặc bị người chồng cùng người ở gần hay được, bấy giờ mắc hại : dao gậy gia hình, tay chân đứt gãy, họa lây đến dòng họ, hoặc bị pháp vua bắt giam trong ngục, đánh khảo ghê gớm, thân mình chịu tội, chết vào Địa ngục, nằm trên giường sắt, hoặc ôm cột đồng, quỉ ngục tốt nổi lửa đốt cháy cả thân. Tội "Địa ngục" hết, phải chịu làm thân "súc sanh", hoặc sau được làm người, trong khuê môn dâm loạn, xa Phật trái pháp, chẳng gần Thánh Hiền, tâm thường lo sợ, nhiều ngật ít an" !

Phật lại nói bài kệ rằng :

<i>Dâm là hạnh bất tịnh,</i>	<i>Mê lầm mất đạo chánh;</i>
<i>Hình gậy hờn phách sợ,</i>	<i>Giảm thọ và chết non.</i>
<i>Mắc tội ngu, dại, ngốc.</i>	<i>Chết đọa trong đường ác;</i>
<i>Ta vì sợ quá sợ,</i>	<i>Bỏ nhà thích núi non.</i>

Câu : "Xuất tục vi Tăng, khởi khả cánh phạm" kẻ xuất tục làm ông Thầy, đầu khá lại phạm, nghĩa là : "Biết ngũ dục hại lắm, nên bỏ đời đi tu, cũng như bỏ đằm mũi, lẽ nào ăn lại" ?!

Cố ĐẠI LUẬT vân : "Nhập đạo tầm quý nhưn trì bát nhiếp chúng sanh, vân hà túng dục trần, trầm một ư ngũ tình, dĩ xả ngũ dục lạc, khí chi nhi bất cố, như hà huồn dục đắc, như ngu tự thực thóa"

"Sanh tử căn bốn, dục vi đệ nhất".

Nhất thế chúng sanh, sở dĩ hữu thân giả, giai do sơ niệm điền đảo, kiến tha giao hội, tự dĩ dâm tâm, đầu thác mẩu thai, nhi thành thân căn, cố danh viết "sanh". Sở vị : "Nhất thế chúng sanh, giai dĩ dâm dục, nhi chứng tánh mạng, thị dã". Hữu sanh tất diệt, cố danh viết "tử"; thị tri sanh tử căn nguyên, giai dĩ dâm dục vi thủ, cố vân "đệ nhất". Dục trừ sanh tử, tu đoạn dâm tâm.

Cố Kinh vân : "Nhược chư thế giới, lục đạo chúng sanh, kỳ tâm bất dâm, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục, dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất. Tất sử dâm cơ, thân tâm cu đoạn, đoạn tánh diệt vô, ư Phật Bồ đề, tư khả hi ký.

Cố Kinh vân : "Tuy dâm dật nhi sanh, bất như trinh khiết nhi tử".

Dật âm "Dật" dâm phóng dã. "Dâm dật tuy sanh, nhi giới thân huệ mạng dĩ táng, do thủ dục lạc tam đồ, bất phục nhưn thân hĩ, trinh khiết tuy tử, nhi giới thân huệ mạng thường tồn, sanh sanh vắng lai nhưn thiên, tu chứng Bồ Đề".

Cố ĐẠI LUẬT vân : "Ninh trước độc xà khẩu trung nhi tử, bất trước nữ căn trung nhi sanh, thị dã".

Tích An Đà quốc, hữu nhất Thiếu Dục Tỳ kheo, sử Sa di, vắng nhất tịnh tín gia nhính thực. Thời bỉ tịnh tín, hiệp gia phó hội, duy lưu nhất nữ, niên thị

Cho nên trong ĐẠI LUẬT nói : "Luận người vào đạo là người biết xấu hổ, bưng bình bát đi khát thực hóa độ chúng sanh, thế mà buông lung trần dục, chìm đắm trong năm tình, đã bỏ vui ngũ dục, bỏ đó không đoái hoài, làm sao lại muốn nữa, như đứa ngu tự ăn đờm mũi".

"Cội gốc đường sanh tử, dâm dục là thứ nhất".

Tất cả người đời, sở dĩ có thân này, là đều do niệm đầu điên đảo, thấy nam nữ giao hội, tâm dâm tự móng, chun vào thai mẹ, mới có thân này, cho nên gọi là "Sanh". Sở dĩ có câu : "Nhất thế chúng sanh giai dĩ dâm dục, nhi chúng tánh mạng thị dã", nghĩa là : "Tất cả chúng sanh, đều vì tâm dâm dục, mà có sanh thân mạng này, phải vậy". Đã có sanh tất phải có diệt, cho nên gọi là "tử"; vậy thì đủ biết rằng cội gốc đường sanh tử, đều vì tâm dâm dục làm đầu, cho nên gọi là "đệ nhất". Muốn hết đường sanh tử phải đoạn tâm dâm.

Cho nên trong kinh LĂNG NGHIÊM nói : "Bằng các thế giới, chúng sanh trong sáu đường, tâm không dâm thì không dính líu theo dòng sanh tử, tâm dâm chẳng trừ, thì trần lao không thể nào ra khỏi. Cho nên phải đoạn trừ máy dâm, thân và tâm đều đoạn, tánh đoạn cũng không, thì quả Phật Bồ Đề mới khá mong cầu".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Tuy dâm lung mà sống, song chẳng bằng trong sạch mà chết".

Hai chữ dâm dật cũng đồng một nghĩa "dâm lung" nghĩa là "Dâm lung tuy sống, mà giới thân huệ mạng đã mất, do đây phải đọa lạc trong ba đường, chẳng còn làm thân người nữa, còn trong sạch dù chết, nhưng giới thân huệ mạng vẫn còn, đời đời qua lại chốn nhơn thiên, tu hành chứng quả Bồ đề đức Phật".

Cho nên trong ĐẠI LUẬT nói : "Thà để trong miệng rắn độc mà chết chẳng thêm để trong nử căn mà sống, phải vậy".

Xưa nước An Đà, có một ông Thiểu Dục Tỳ kheo, sai Thầy Sa di tuổi trẻ đến nhà tịnh tín lãnh đồ ăn. Bấy giờ tịnh tín kia cả nhà đi phò hội, chỉ để một cô gái tuổi vừa mười

thập lục, dung mạo đoan chánh, nhi vi dâm dục hỏa thiêu ngũ thể đầu địa, bạch Sa di ngôn : "Ngã xá trân bảo vô lượng, nhữ khả khuất ý, vi thử xá chủ, ngã đương cung cấp sử linh". Sa di tâm niệm : "Ngã ninh xả mạng, bất hủy cấm giới". Tức nhập phòng bế hộ, hồ quì hiệp chưởng phát nguyện : "Bất xả "Tam Bảo" chánh giới, nguyện sanh tịch tịnh gia, tận lậu thành đạo", tức vãn cảnh nhi tử ! Quốc vương vãn tri, thán vị tăng hữu tức cung vãng tác lễ, dĩ thi thừa ư bửu xa, chủng chủng cúng dường, tích chứng hương mội nhi trà tỳ chi.

Cố THẬP GIỚI kinh vân : "Tuy dâm dật nhi sanh, bất như trinh khiết nhi tử", thử chi vị dã. Tường như HIỀN NGU kinh.

Y, khả bất giới dư !

CHÁNH PHÁP NIỆM kinh vân : "Ninh thực độc xà trùng, cập dĩ dương đồng đẳng, chung bất phá cấm giới, nhi thực tăng ẩm thực".

TRÍ ĐỘ luận vân : "Phá giới chi nhơn, nhược trước pháp phục, tắc thị nhiệt đồng thiết diệt, dĩ triển kỳ thân. Nhược trì bát vu tắc thị thừa dương đồng khí. Nhược sở đạm thực, tắc thị thôn nhiệt thiết hoàn, ẩm nhiệt dương đồng. Nhược thọ nhơn cúng dường cung cấp, tức thị địa ngục ngư đầu ngục tốt. Nhược nhập tinh xá, tắc thị nhập đại địa ngục. Nhược tọa tăng sàng, thị vi tọa nhiệt thiết sàng thượng. Như kinh luận thuyết "khả bất cụ tai ?!"

TỨ VIẾT : "BẤT VỌNG NGŨ"

Tâm khẩu tương vi, cố viết "vọng ngũ".

Giải viết : Vọng ngũ hữu tứ : Nhất giả "vọng ngôn", vị : "Dĩ thị vi phi, dĩ phi vi thị, kiến ngôn bất kiến, bất kiến ngôn kiến, hư vọng bất thật đẳng".

sáu, dung mạo đoan chính; nhưng bị lửa dâm nung đốt, năm vóc, ⁽⁴⁴⁾ mọp sát đất, quì bạch thầy Sa di rằng : "Nhà em châu báu vô lượng, được huynh bằng lòng, làm chủ nhà này, em sẽ cung cấp và hầu hạ". Thầy Sa di tâm nghĩ : "Ta thà bỏ mạng, chớ chẳng phá giới cấm". Liền vào trong phòng, đóng cửa, quì gối, chắp tay phát nguyện và cắn ngón tay dùng máu viết trên vách bài kệ như vậy : "Đệ tử không bỏ chánh giới Tam bảo, nguyện sanh về nơi nhà vắng lặng, hết nghiệp mê lầm thành đạo quả", nguyện rồi thất cổ mà chết. Vị vua trong nước hay dạng, khen chưa từng có, liền ngự đến làm lễ, đem thầy thầy Sa di, để lên xe báu, vua dùng đủ món cúng dường, rồi chất những củi thơm, mà phần thiêu long trọng.

Cho nên trong kinh THẬP GIỚI nói : "Tuy dâm lung mà sống, chẳng bằng trong sạch mà chết" là nghĩa đây vậy, sự tích này trong kinh HIỆN NGU có nói rõ.

Than ôi ! Khá chẳng răn chữa ư ? !

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM nói : "Thà ăn trùng rắn độc và uống nước đồng sôi chớ không phá giới cấm mà ăn đồ ăn của chúng Tăng".

Luận TRÍ ĐỘ nói : "Những người phá giới, bằng mặc đồ pháp phục tức là tẩm sắt đồng nóng buộc vấn nơi thân. Bằng bưng bình bát tức là bưng chén nước đồng sôi. Bằng có uống ăn tức là nuốt hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Bằng thọ dụng người ta cúng dường tức là quỉ ngục tốt, quỉ ngư đầu trong địa ngục. Bằng vào nhà tinh xá, tức là vào trong địa ngục lớn. Bằng ngồi giường chúng Tăng tức là ngồi trên giường sắt nóng. Như trong các Kinh, Luận, Phật đã nói : "Khá chẳng răn sợ sao" ? !

ĐIỀU THỨ TƯ : "KHÔNG ĐƯỢC VỌNG NGŨ"

Tâm nghĩ một nơi, miệng nói một ngã, trái nhau thì gọi là "vọng ngữ" (lời nói vọng).

Giải rằng : Nói vọng có 4 món : 1.- Lời nói vọng nghĩa là "Lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, thấy nói chẳng thấy; chẳng thấy nói thấy, luống dối chẳng thật v.v..."

Dĩ thị vi phi, cố kiến ngôn bất kiến, dĩ phi vi thị, cố bất kiến ngôn kiến, do hư vọng cố, thị dĩ bất thật. Nhiên kiến thuộc "Nhân thức". "Đẳng" giả, vị văn, xúc, tri, dã. Văn thuộc nhĩ thức, xúc thị tỷ, thiệt, thân tam thức, tri thuộc ý thức. Sở dĩ vọng ngữ tổng hữu bát chương :

Vị bất kiến ngôn kiến,	Bất văn ngôn văn.
Bất xúc ngôn xúc.	Bất tri ngôn tri.
Kiến ngôn bất kiến,	Văn ngôn bất văn,
Xúc ngôn bất xúc,	Tri ngôn bất tri.

Nhược dục hoặc bỉ, tùy bác kỳ nhất, tức danh "Vọng ngữ". Nhược kiến, văn, xúc, tri, tắc ngôn kiến văn, xúc, tri. Nhược bất kiến văn, xúc, tri, tắc ngôn bất kiến, văn, xúc, tri; thị danh tứ thánh ngôn. Ngôn hạnh tuy thiện, nhi vô thật tâm chung phi "thánh nhơn" chi đồ dã.

Nhị giả "ý ngữ", vị "Trang sức phù ngôn mị ngữ, diệm khúc tình từ, đạo dục tăng bi, đẳng nhơn tâm chí đẳng".

Ý", "Cảm ý" dã. "Mị" "mỹ lệ" dã, vị : "Kỳ trang sức hư phù, bất thật ngôn ngữ, như chức cảm ý, dĩ huyền nhơn tâm mục dã". "Diệm khúc tình từ", giai năng dẫn đạo nhơn chi ái dục, tăng trưởng nhơn chi bi ai. "Diệm khúc", thị hoặc nhơn tâm, thính chi ca khúc, sở vị mị mị "Dương A" chi khúc, thị dã : "Tình từ" thị dụ nhơn tình dục chi văn ngôn. "Đẳng" giả, nãi chí hỉ, nộ, ai, lạc, cảm, khái chi ngữ, giai năng cải nhơn thường tánh. Tán nhơn chánh niệm cố viết, "Đẳng nhơn tâm chí".

Tích Pháp vân Tú thiên sư, vị "Lỗ Trực" viết : "Công tác diệm ca, đẳng nhơn tâm chí, sử du lễ viết

Bởi lấy phải làm quấy, cho nên thấy, nói chẳng thấy. Lấy quấy làm phải cho nên chẳng thấy nói thấy, do vì nói dối, cho nên không thật. Song cái thấy là thuộc nhãn thức thấy; chữ "Đẳng" (*vân vân...*) là còn nói thêm, như nghe, chạm, biết, vậy. Nghe thuộc Nhĩ thức, đụng chạm thuộc Tỷ thức, thật thức và thân thức cả ba thức; biết thuộc cái biết của ý thức. Sở dĩ nói vọng gồm có 8 chuyện :

Không thấy nói thấy,	Không nghe nói nghe,
Không đụng chạm, nói đụng chạm,	Không biết nói biết,
Thấy nói không thấy,	Nghe nói không nghe,
Đụng chạm, nói không đụng chạm,	Biết nói không biết.

Trong tám chuyện bằng muốn lấy một chuyện nào, để đối gạt người ta, đều liệt vào trong tội "Vọng ngữ" cả. Bằng mình thấy, nghe, đụng chạm, hiểu biết; thì mình nói, tôi thấy, tôi nghe, tôi đụng chạm, tôi hiểu biết. Bằng mình không thấy, nghe, đụng chạm, hiểu biết; thì nói mình không thấy, không nghe, không đụng chạm, không hiểu biết; mới gọi là bốn lời thánh, (*bốn lời thật*). Lời nói, hạnh lành, tuy lành; nhưng không có tâm thật, cũng chẳng phải môn đồ "Thánh nhơn" vậy.

2.- Ý ngữ (*lời nói trau chuốt*), nghĩa là "Lời đàn, tiếng điểm, bài ca lời tình, xúi giục thêm thương, xiêu lòng dạ người v.v.."

Chữ "ỹ" là nghĩa "thêu dệt" vậy. Chữ "Mị", là "tốt đẹp" vậy. Nghĩa là "trau giồi chuốt ngót lời nói không thật, như gấm thêu hoa, chóa lừa tâm mắt người ta vậy". Câu : "Diệm khúc tình từ" (*bài ca lời tình*) đều là thứ khêu gợi, lòng ái dục và thêm lớn sự buồn rầu cho người ta. Chữ "Diệm khúc" là (*bài ca*), nghe bài ca hay xiêu cảm lòng người, chỗ gọi rằng : "Lòng lộng bài ca của người "Dương A" phải vậy". "Tình từ" (*lời tình*) là lời hay rù quên tình dục cho người. Chữ "Đẳng" (*v.v...*) là những lời mừng, giận, buồn, vui, thương, nhớ, đều hay đối tách thường người, mất niệm chánh của người. Cho nên có câu : "Đàn nhơn tâm chí" (*xiêu lòng dạ người*).

Xưa Ngài Pháp vân Tú Thiên sư quả ông Lỗ Trực rằng : "Ông làm bài ca hay, xúi tâm dâm người, khiến người bỏ lễ

cấm, kỳ tội phi chỉ đọa ác đạo nhi dĩ". "Lỗ Trực" tự thử bất phục tác hĩ.

Tam giả "ác khẩu" vị "thô ác mạ ly nhơn đẳng".

Chánh xích viết "mạ", bàn cập viết "ly". Vị "khẩu xuất thô ác bất thiện chi ngôn, mạ nhục hủy báng ư tha". Sở dĩ : "Sân hỏa nhất khởi, xung khẩu thiêu tâm", thương hại tiền nhơn, thống du đao cát, thật quai Bồ tát chi từ niệm, hữu vi xuất gia chi thiện tâm, thân tử hồn thệ, trụ đọa tam đồ; như kinh sở thuyết.

Nhược đọa "Địa Ngục", cát thật linh tự đạm thực. Nhược đọa "Ngạ quỷ", khẩu trung thơ nung lưu xuất. Nhược sanh "Câm thú", thực đạm phẩn uế, nhơn quái kỳ thình. Tội tất vi nhơn, diện mạo xú lậu, khẩu xú, thần xỉ giai khuyết. Phật ngôn : "Ninh dĩ lợi đao cát kỳ thật, tích kiếp thọ khổ, bất khả dĩ nhất ngôn, mạ báng trì giới Tỳ kheo, ác báo nan tận".

Hữu nhị chưởng nhơn : Nhất hướng nhập Địa Ngục : "Nhược phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh". "Nhược chơn phạm hạnh, nhi dĩ phi phạm hạnh báng chi".

Tứ giả "lưỡng thật", vị : "hướng thử thuyết bỉ, hướng bỉ thuyết thử, ly gián ân nghĩa, khiêu than đấu tranh đẳng".

"Ly", "biệt" dã. "Gián", "cách" dã. Quân, phụ huệ trách viết "Ân". Huynh đệ bằng hữu, thiện ích viết "nghĩa". "Hướng thử thuyết bỉ" giả, vị "truyền bỉ nhơn chi ngôn, hướng thử nhơn thuyết". "Hướng bỉ thuyết thử giả, vị truyền thử nhơn chi ngôn, hướng bỉ nhơn thuyết, linh sanh đấu loạn, trí sử quân thần, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu, chi ân nghĩa ly gián,

nghĩa bỏ phép cấm, tội ấy chẳng những dọa trong ba đường ác mà thôi". Ông Lỗ Trục từ đây, không dám làm nữa vậy.

3.- Ác khẩu (miệng dữ), nghĩa là "Hỗn ấu mắng nhiếc người v.v..."

Xi nhục ngay trước mặt người, gọi là "mắng", nói cạnh nói khõe gọi rằng "nhiếc". Nghĩa là : "Miệng thốt những lời thô ác bất thiện, mạ nhục hủy báng người ta". Nên có câu : "Sân hỏa nhất khởi, xung khẩu thiêu tâm" nghĩa là "Lửa sân một phen nổi lên, phùng miệng, đốt lòng" hại người trước mặt đau hơn dao cắt, thật trái niệm từ của ông Bồ tát, cũng sai tâm lành kẻ xuất gia, chết rồi hồn đi, dọa trong ba đường, như Kinh đã nói.

Bằng dọa trong Địa ngục cắt lưỡi cho mình ăn. Bằng dọa loài ngựa quỷ, trong miệng giòi tủa (mủ) chảy ra. Bằng sanh trong loài cầm thú, ăn đồ nhơ nhớp, và tiếng kêu ai cũng ghét. Tội hết mới đặng làm người, diện mạo xấu xa, miệng thúi, môi răng đều sứt mẻ. Phật nói : "Thà lấy dao bén cắt lưỡi, chịu khổ nhiều kiếp, chớ không nên dùng một lời nói dữ mắng nhiếc thầy Tỳ kheo trì giới ác báo khó hết".

Có hai hạng người nhất định vào địa ngục : 1.- Như không phải hạnh tốt, tự xưng hạnh tốt. 2.- Bằng người ta thật hạnh tốt, mà mình cho không phải hạnh tốt, chê đó.

4.- Lương thật (hai lưỡi) nghĩa là : "Tới đây nói người kia, tới người kia nói người đây xa lìa ân nghĩa, xúi giục gây kinh v.v..."

Chữ "ly" cũng như chữ "biệt" và chữ "gián" cũng như chữ "cách", Vua cha ơn nuần gọi rằng "ơn". Anh em bạn giúp nhau gọi rằng "nghĩa". Câu : "Hương thủ thuyết bỉ" (tới đây nói người kia); nghĩa là "đem lời nói người kia, tới nói với người đây". Câu "Hương bỉ thuyết thử" (tới kia nói đây ấy), nghĩa là "đem lời nói người đây tới nói với người kia, khiến sanh đánh lộn, đến nỗi ơn nghĩa vua, tôi,

Nhược bất truyền bi thử chi ngôn, dẫn ư nhị biên thuyết, linh ly tán giả, diệc thị lưỡng thật".

"Quản Tử" vân : "Tích giao ly thân, vị chi "tặc", thị dã. "Khiêu than" giả, vị : "Khiêu phát than khởi, bỉ thử chi ngôn, linh sanh đấu tránh dã".

THÀNH THẬT luận vân : "Thiện tâm giáo hóa tuy vi biệt ly, diệc bất đắc tội. Nhược dĩ ác tâm, linh tha đấu loạn, tức thị lưỡng thật, đắc tội tối thâm, đọa tam ác đạo trung, thế thế đắc tộ ác phá hoại quyển thuộc, dĩ kim ly gián phá hoại tha, cố dã".

"Nãi chí tiền dự hậu huy, diệc thị bối phi".

Vị : "Tại bỉ tiền, tắc xưng dự kỳ đức, tại hậu tắc báng hủy kỳ quá", đương bỉ nhưn diện, tắc ngôn kỳ sở thuyết thị, bối hậu, tắc ngôn kỳ sở vi phi.

BÁO AN kinh vân : "Phật cáo A Nan ! Nhưn sanh thế gian, họa tùng khẩu xuất, đương hộ ư khẩu, thậm ư mãnh hỏa, mãnh hỏa xí nhiên, thiêu thế gian tài, ác khẩu xí nhiên, thiêu thất thánh tài".

"Chúng nhập nhưn tội, phát tuyên nhưn đoán".

Vô vấn tiền nhưn, hữu tội vô tội, dẫn dĩ ác tâm chứng chi, ngôn hữu, tức tự đắc tội hĩ. Phát tuyên nhưn đoán giả, yểm nhưn chi thiện, đương bỉ chi quá.

"Khổng Tử" viết : "Nặc nhưn chi thiện, sở vị tế hiền, đương nhưn chi ác tư vi tiểu nhưn".

cha, con, anh em, bậu bạn xa lìa. Bằng không đem lời nói kia đây, chỉ nói làm sao cho hai bên tan rã ấy cũng là lời nói hai lưỡi".

Ông Quán Tử nói : "Những người chia lìa bà con người ta, gọi là "thằng giặc" phải vậy". Chữ : "Khiêu than" (*xúi giục*) nghĩa là "khiêu khích xúi giục, lời kia đây, khiến hai người sanh tâm gây đánh".

Trong luận THÀNH THẬT nói : "Lòng lành dạy bảo, tuy họ biệt ly, nhưng mình không mắc tội. Bằng đem lòng ác, xúi người đánh lộn, tức là hai lưỡi, mắc tội rất nặng đọa trong ba đường ác, đời đời mắc quả bà con hung dữ và phá hoại gia đình; là vì đời nay ta phá hoại gia đình bà con người mắc phải biệt ly".

"Nhấn đến trước khen sau chê, trước mặt phải, sau lưng quấy".

Nghĩa là : "Ở trước mặt người thì khen ngợi đức người, sau lưng người, thì chê cái quấy người", chính như trước mặt người kia thì nói người kia là phải; sau lưng thì nói người kia là quấy.

Kinh BÁO AN Phật kêu ông "A Nan" nói : "Người sanh trong đời, họa từ miệng mà ra, phải gìn nơi miệng lắm hơn lửa dữ, vì lửa dữ bùng cháy đốt của thế gian, miệng dữ bùng cháy đốt của thất thánh" ⁽⁴⁵⁾.

"Nhận quyết tội người và vạch bày cái xấu người".

Không luận người kia có tội cùng không tội, cứ đem tâm ác chứng cho rằng có, thời mình mắc tội. Câu : "Phát tuyên nhưn đoản" (*vạch bày xấu người*) Nghĩa là : "Che cái tốt của người, bày cái xấu của người vậy".

Đức Khổng Tử nói : "Nặc nhưn chi thiện, sở vị tế Hiền, dương nhưn chi ác tư vi tiểu nhưn", nghĩa là : "Dấu sự tốt người, gọi rằng che người Hiền, bày cái xấu của người, ấy là đũa tiểu nhưn".

"Thái công" viết : "Dục lượng tha nhơn, tiên tu tự lượng, thượng nhơn chi ngữ, hườn thị tự thương, hàm huyết phún nhơn, tiên ô tự khẩu".

Hán Tân Túc Hầu Mã Viện, di thư giới kỳ huynh tử viết : "Ngô dục nhữ tào, văn nhơn chi quá thất, như văn phụ mẫu chi danh, nhĩ khả đắc văn, khẩu bất khả đắc ngôn dã. Háo nghị nhơn trường đoản, vọng thị phi chánh pháp thử ngô sở đại ố dã, ninh tử, bất nguyện văn tử tôn hữu thử hạnh dã".

LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO kinh, Phật ngôn : "Vi nhơn hí truyền nhơn ác, tử nhập Địa ngục dương đồng quán khẩu, bạt xuất kỳ thật, dĩ ngữu lé chi, hậu đọa "ác điểu", nhơn văn kỳ thịnh, mạc bất kinh bố, chú linh kỳ tử".

"Giai vọng ngữ chi loại dã".

Vị : "Tiên dự hậu hủy, nãi chí phát tuyên nhơn đoản, giai thị vọng ngữ chi thuộc dã".

Nhược phàm phu tự ngôn : "Chúng thánh, như ngôn dĩ đắc "Tu đà hoàn" quả, "Tư đà hàm" quả, đẳng danh đại vọng ngữ, kỳ tội cực trọng".

"Phàm phu" giả, thị vị nhập "Hiền Thánh" vị nhơn. "Tự ngôn chứng Thánh" giả, vị tự tri thật vô sở ngộ, nhi cố vọng ngôn, vị : "Ngã dĩ chứng đắc thánh nhơn chi pháp; "Tu đà hoàn", thử văn "Nhập lưu", vị dĩ đoản tam giới "kiến hoặc" tận, tức dự nhập thánh đạo pháp lưu. Thử thị "tiểu thừa", sơ quả thánh nhơn dã. "Tư đà hàm", thử văn "Nhất lai" vị : "Dục giới", "cửu phẩm" tư hoặc, dĩ đoản tiên lục phẩm tận, hậu tam phẩm thượng tại, du tu cánh lai. Dục giới, nhất thọ sanh, thử nhị quả "Thánh nhơn" dã.

Ông Thái Công nói : "Muốn so lường người ta, trước phải so mình, lời nói hại người, trở lại hại mình, ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước".

Đời nhà Hán, huyện Tân Tức, tước hầu là ông Mã Viện, gửi thơ dạy con của người anh rằng : "Ta muốn chúng bây, nghe tội lỗi người, như nghe tên cha mẹ, song tai nghe thì nghe được, nhưng miệng không được nói. Những kẻ ưa luận việc tốt xấu người, quấy nói khen chê việc chánh pháp, ta đây ghét lắm, thà chết chứ không muốn nghe con cháu có hạnh như thế".

Kinh LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO Phật nói : "Làm người hay truyền xấu của người, chết vào Địa ngục, nước đồng sôi rót vào miệng, kéo cồng lưới ra mắc trâu cày đó, sau đọa làm loài chim ác điểu, người nghe tiếng kêu, không ai là không ghê sợ, trừ rửa cho chết".

"Như trên, đều là một thứ nói vọng cả".

Từ câu : "Trước mặt khen, sau lưng chê", cho đến câu : "vạch bày xấu người" đều là một thứ vọng ngữ vậy".

Bằng kẻ phàm phu nói mình chứng đặng quả thánh, như nói : "Mình đặng quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm v.v..." gọi là vọng ngữ lớn, tội kia rất nặng".

"Phàm Phu" là người chưa vào vị "Thánh Hiền". Câu "Tự ngôn chứng thánh" nói mình là chứng thánh nghĩa là : Biết mình thật chưa tỏ ngộ, mà cố ý nói vọng rằng : "Ta đã chứng đặng pháp thánh". Quả Tu đà hoàn; Tâu gọi quả "Nhập lưu"; nghĩa là : "Đã dứt hết kiến hoặc trong ba cõi liền dự vào chi phái của đức Phật. Nhưng đây là vị Thánh hơn quả ban đầu phái Tiểu thừa vậy". Quả Tư đà hàm; Tâu gọi quả "Nhất lai", nghĩa là : chín món tư hoặc cõi Dục giới đã dứt hết sáu món trước, chỉ còn ba món sau, nên phải trở lại cõi Dục giới này, đầu thai một lần nữa, đây là vị Thánh hơn quả thứ hai".

"Đẳng" giả, vị dư "tam quả", "tứ quả" nãi chí hoặc ngôn : "đắc thiên, đắc định, đắc tam muội chánh thọ . Thiên, long, quỷ, thần lai qui y ngã", dĩ thử cưỡng hoặc thể gian, nhi yêu danh lợi cúng dường, tội bất khả hối, dọa đại Địa ngục, trường kiếp thọ khổ.

Phật ngôn : "Ninh đạm khôi thán, thôn thực phẩn thổ, lợi đao phá phúc, bất dĩ hư vọng, xưng đắc thánh Pháp". Nhi đắc cúng dường, thị tối đại tặc, dĩ đao nhưn ẩm thực cố. Cố ngôn kỳ tội cực trọng.

VỊ TÀNG HỮU kinh vân : "Vọng ngữ hữu nhị; nhất trọng, nhị khinh. Vị cúng dường cố, ngoại hiện tinh tấn, nội hành tà trực, hướng nhưn vọng thuyết, đắc thiên cảnh giới, hoặc ngôn kiến Phật, kiến long, quỷ đẳng, danh "đại vọng ngữ", dọa "A tỳ ngục". Phục hữu vọng ngữ, năng linh sát nhưn, phá hoại Nhưn gia, hoặc vi thất kỳ kế, linh tha sân hận, danh "hạ vọng ngữ" dọa tiểu Địa ngục. Kỳ dư hí tiểu, cập chư lý nặc cấm sự, hữu ngôn vô, vô ngôn hữu, bất phạm.

"Dư vọng ngữ, vị cứu tha cấp, nạn, phương tiện quyền xảo, từ bi lợi tế giả, bất phạm".

"Như hữu chư cầm thú, vi lạc nhưn, sở trực nhập tự. Lạc nhưn vấn ngôn : Hiền giả, kiến mỗ cầm thú phủ ? - Nhi thời, nhưc thị hàn thời ưng ngữ ngôn : Trường Thọ khả tạm nhập thiểu thời hướng hỏa; nhưc thị nhiệt thời, ưng ngôn : Khả tạm nhập ẩm thủy, tiểu thời đình túc. Nhưc lạc giả vân : Ngã bất bì quyện, ngã vấn tẩu thú. Thời túc ưng tiện tự quan chỉ giáp, báo ngôn : Ngã kiến chỉ giáp. Bĩ nhưc phục ngôn : Ngã bất vấn chỉ giáp, ngã vấn khả sát chúng sanh, ư thử quá phủ ? Túc ưng biến quan tứ phương tác như thị niệm : Thắng Nghĩa Đế, trung, nhất thế

Chữ : "Đặng" là (*mấy quả nữa*), như quả thứ ba, và quả thứ tư, cho đến hoặc nói : "Ta đặng pháp thiên, pháp định, pháp tam muội chánh thọ" Trời, Rồng, Quỷ, Thần đến quy y với ta"; lấy đó dối gạt người đời, mà cầu việc danh lợi cúng dường, tội không thể sám hối, đọa trong Địa ngục lớn, chịu khổ nhiều kiếp.

Phật nói : "Thà ăn tro than, nhai nuốt bụi đất, dao bén mổ bụng, chớ đừng đem lời vọng, nói ta chứng quả thánh mà chịu người cúng dường là "thằng giặc" rất to, vì trộm đồ uống ăn của người vậy. Cho nên nói câu : "kỳ tội cực trọng" (*tội kia rất nặng*).

Kinh VỊ TĂNG HỮU nói : "Vọng ngữ có hai : 1.- Nhẹ, 2.- Nặng. Vì cứ muốn người cúng dường cho nên ngoài hiện hạnh tinh tấn, trong tâm làm việc tà trước, nói vọng với người rằng : Ta đặng cảnh giới "thiên định" ! Hoặc nói thấy Phật, thấy Thiên, Long, Quỷ, Thần v.v... gọi "đại vọng ngữ", đọa trong ngục "A tỳ". Lại có người nói vọng, hay khiến chết người, phá hoại nhà người, hoặc trái lời kỳ hẹn, khiến người buồn giận, gọi là vọng ngữ bức hạ, đọa Địa ngục nhỏ. Còn bao nhiêu những việc nói chơi giỡn cười và như những việc lý đáng giấu, sự đáng cấm, có nói không, không nói có, không phạm.

"Còn các lời nói vọng vì cứu người nạn gấp quyền hay chước khéo, từ bi lợi giúp ấy, không phạm".

Như có các con cầm thú, bị người thợ săn đuổi chạy vào chùa. Thợ săn hỏi rằng : A ông Thầy, có thấy con cầm thú ấy... ấy... ấy... không ? Bấy giờ hoặc mùa lạnh thì bảo rằng : Này Trường thọ (*cụ già*) nên ghé... a... ghé... a... vào... a... đây tạm nghỉ, và hơ ấm; hoặc là mùa nực thì bảo : Cụ khá tạm vào... tạm vào, uống nước... uống nước và nghỉ ngơi một chút. Bằng thợ săn nói : Ta chẳng mỗi mệ, ta chỉ hỏi con thú chạy ? Khi ấy, mình phải trước xem móng tay mình, đáp rằng : Ta thấy móng tay. Bằng người kia lại nói : Ta không cần hỏi móng tay; ta chỉ hỏi con vật ta săn, Thầy ở đây có thấy nó chạy qua đây không ? Tức thì mình phải

chư hạnh, bốn vô chúng sanh, tức báo bỉ ngôn : "Ngã bất kiến chúng sanh".

Hựu như "Ba Tư Nặc" vương, sát sát "Trù giám". "Mạt Lợi phu nhơn", linh nhơn lưu tàng, đãi vương tữu tinh hối hận, tổng chí vương sở, vương đại hoan hỉ phu nhơn tuy thọ bát giới, vị cứu tha nạn, nhi bất phạm "vọng ngữ", thị danh "phương tiện quyền xảo lợi tế giả dã".

Cổ nhơn vị : "Hành kỹ chi yếu tự bất vọng ngữ thi, hướng học xuất thế chi đạo hồ" ?

Phù "đạo đức" chi tồn, "chí thành" vi thủ, lập thân chi yếu, ngôn hạnh thị tiên. Sở dĩ "Nam Dung" tam phúc "Bạch khuê", tương dĩ giới thận kỳ ngôn, thị cố cổ nhơn : "Giới thi thận chung, tự bất vọng ngữ thi".

"Cổ nhơn" giả "Tư Mã Ôn Công" dã, công vi nhơn hiếu hữu trung tín, cung kiệm chánh trực tự thiếu chí lão, ngữ vị thường vọng, cố kỳ thường ngôn : "Thành chi đạo, cố nan nhập, nhiên đương tự bất vọng ngữ thi". Hựu viết : "Ngô vô quá nhơn giả, đản bình sanh sở vi vị thường hữu bất khả, đối với nhơn ngôn giả nhĩ".

Thời "Lưu An Thế" vấn "công" viết : "Nhất ngôn khả dĩ chung thân hành chi giả" ? - Công viết : "Kỳ thành hồ" - Vấn : "Kỳ sở tùng nhập" ? - Công viết : "Tự bất vọng ngữ nhập". "Thế nho lập thân, vì nhất sanh chi danh đức thượng nhĩ", hướng "Thích Tử" học xuất thế chi đạo, tu vị lai thật tướng chi nhơn, nhi bất nhiên hồ. Kinh vân : "Bất thận ngôn giả, phi Sa di dã".

Kinh tải : "Sa di, khinh tiểu nhất lão tỳ kheo đọc kinh tinh như cầu phê, nhi lão tỳ kheo giả, thị "A La Hán", nhơn giáo Sa di cấp

khắp xem bốn phía dấy tường như vầy : Trong Thăng Nghĩa Đế (*lý chơn không*) tất cả các hạnh vốn không con vật, liền trả lời với thợ săn rằng : "Ta chẳng thấy con vật" (*theo nghĩa Chơn đế bất sanh bất diệt...*)

Cũng như vua Ba Tư Nặc ra lệnh giết quan Trù Giám (*người bồi nấu ăn*), Bà Mạt Lợi phu nhơn Hoàng hậu biểu người đem giấu, đợi vua tỉnh rượu hết giận đem đến chỗ vua, vua rất vui mừng : Bà phu nhơn tuy thọ 8 giới nhưng vì cứu nạn người, mà không phạm giới vọng ngữ; ấy gọi là "chước hay, quyền khéo lợi giúp cho người đó vậy".

Cổ nhơn nói : "Cốt yếu lập hạnh mình, từ chẳng nói vọng làm trước, hướng người học đạo xuất thế ư ?"

Luận như chỗ giữ đạo đức tâm chí thành làm đầu; cốt yếu lập thân, việc ngôn hạnh là trước. Sở dĩ ông "Nam Dung" làm thơ "Bạch khuê" đọc tới đôi ba lần, toan để răn dè lời nói; cho nên bực cổ nhơn răn trước dè sau, tự chẳng nói vọng làm đầu.

Cổ nhơn là ông "Tư Mã Ôn Công" vậy, ông là người hiếu, thuận, trung tín, cung kiệm, chánh trực từ bé đến già nói chưa từng nói vọng; cho nên ông thường nói : "Đạo chí thành rất khó vào, song phải tự chẳng nói vọng làm trước". Lại nói : "Ta không chi hơn người, chỉ cả đời chổ ra làm chưa từng có việc nào, đối với người nói dối vậy".

Khi đó ông Lưu An Thế hỏi ông Ôn Công rằng : "Một lời nói nào, dặng dưng trọn đời làm theo ?" - Công đáp : "Cái đạo thành thật vậy". - Hỏi : "Vào đạo thành thật từ đâu ?" Ông đáp : "Từ không nói vọng mà vào". Ôi ! Kể thế Nho lập thân là cái việc danh đức một đời còn vậy, hướng trang Thích tử học đạo xuất thế tu nhơn thật tướng đời sau lẽ nào lại nói vọng hay sao ? Kinh THẬP GIỚI dạy : "Không thận trọng lời nói, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Kinh chép sự tích, "một Sa di khinh cười một thầy Tỳ kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa, mà Tỳ kheo già đó, là bực A La hán nhơn dạy ông Sa di

sám, cần miếng địa ngục, du đọa cầu thân. Ác ngôn nhất cú, vi hại chí thử !!!

Kinh tải phi nhất, hoặc ngôn sa di, hoặc ngôn niên thiếu tỳ kheo.

Án HIỀN NGU kinh, cập "BÁO ÂN" kinh, nãi quá khứ "Ca Diếp Phật" thời, niên thiếu Tỳ kheo, kiến nhất lão Tỳ kheo, thường háo tán tụng, âm thanh độn trước, tự thị hảo thanh, nhi ngôn : "Nhữ kim thanh như cấu phệ". Thời lão Tỳ kheo ngữ ngôn : "Nhữ thức ngã phủ ? Ngã kim dĩ đắc A La Hán đạo hĩ". Niên thiếu văn dĩ, hoàng bố tự trách, tức ư kỳ tiền sám hối; lão Tỳ kheo tức thính hối quá, tuy miễn Địa ngục, do kỳ ác ngôn, ngũ bá thế trung, thường thọ cầu thân. Thời hữu thương nhưn ngũ bá, tương nhưt bạch cầu, cộng nghệ tha quốc, trung lộ đốn tức, cầu đạo nhục thực, thương nhưn đoạn cầu tứ cực, đầu chi khanh trung nhi khứ. Thời Xá Lợi Phất, dĩ thiên nhân điều kiến cầu thân, loang tịch tại địa, cơ ngạ khổn đốc, mạng dục thù tử, tức trì bát phạn, phi chí cầu sở, dĩ từ mẫn tâm, thí dữ cầu thực, hoạt kỳ dư mạng, thực dĩ hoan hỉ, phục vị thuyết pháp.

Thất nhật hậu mạng chung, tức sanh "Xá Vệ" quốc, Bà La Môn gia, tự viết "Quân Đề". Niên chí thất tuế, Xá Lợi Phất, hóa linh xuất gia, vị thuyết diệu pháp, tiện chứng La Hán, lục thông tất bị, tự kiến tiền thân, thị nga cầu, mong sư Xá Lợi Phất ân, kim đắc nhưn thân, tinh hoạch đạo quả. Tự niệm : "Đương tận thân, cung cấp sư chi sở tu, vĩnh tác Sa di, bất thọ đại giới". Do kỳ tiền xuất gia trì tịnh giới, cố kim trị Thích Ca Như Lai, đắc A La Hán quả. Cố tri nhưc phi tịnh giới, tắc giải thoát vô kỳ hĩ.

Cố Kinh vân : "Phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn".

Thử văn, tuy xuất BỔN KINH, nhiên PHÁP CÚ, A HÀM, ĐẠI LUẬT giai đồng; phủ thí tự thiệt, ác ngôn

mau sám hối, xảy khỏi địa ngục, nhưng còn dọa làm thân chó". Ôi ! Một lời nói dữ, mắc hại đến thế !!!

Kinh chép chẳng phải một, hoặc nói ông Sa di, hoặc nói Tỳ kheo tuổi trẻ :

Xét trong kinh HIỀN NGU và kinh "BÁO ÂN"; về đời quá khứ, thuở "Phật Ca Diếp", Tỳ kheo tuổi trẻ, thấy một Tỳ kheo già thường hay tán tụng tiếng tăm ồ ề, ý mình tiếng tốt, nói rằng : "Ông này tiếng như chó sủa". Khi ấy, thầy Tỳ kheo già bảo rằng : "Người biết ta chẳng ? Ta nay đang quả A la hán vậy". Tuổi trẻ nghe rồi, hoảng sợ trách mình, liền ra trước xin sám hối, thầy Tỳ kheo già bèn cho sám hối tội lỗi; song tuy sám hối được khỏi tội Địa ngục, nhưng do lời nói ác, nên 500 đời thường chịu làm thân chó... Khi ấy có 500 người buôn, đem một con chó trắng, cùng qua nước khác, giữa đường nghỉ ngơi, chó ăn vụng thịt, người buôn chặt bốn chân chó, quăng trong hầm mà đi. Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất, dùng Thiên nhãn thông, xa thấy thân chó quay quắt nơi kia, đói khát khốn cùng, mạng hầu muốn thác, liền bưng bát cơm bay đến chỗ chó, dùng lòng từ bi thí cho nó ăn, mạng sống được mấy ngày, chó ăn rồi vui mừng; Ngài Xá Lợi Phất lại vì thuyết pháp cho nghe.

Qua bảy ngày, Chó kia thoát kiếp, liền sanh nước "Xá vệ" nhà Bà la môn, tên là "Quân Đề". Tuổi lên 7; Ngài Xá Lợi Phất giáo hóa cho đi xuất gia, vì nói pháp màu cho nghe bèn chứng quả "A la hán", đủ cả sáu phép "thần thông" ông tự thấy thân trước của ông là chó đói, nhờ ơn thầy Xá Lợi Phất, nay dạng thân người và chứng được đạo quả. Tự nghĩ rằng : "Phải trọn đời hầu hạ thầy cần dùng, hằng làm Sa di, chớ không thọ đại giới". Vì bởi đời trước, ông xuất gia, giữ tịnh giới, nên nay dạng gặp Phật Thích Ca Như Lai và chứng đạo quả "A la hán". Thế nên đủ biết rằng, nếu không giữ tịnh giới, thì không ngày nào giải thoát vậy.

Cho nên trong Kinh nói : "Luận kẻ ở đời như búa ở trong miệng, sở dĩ chém mình, là do lời nói ác".

Văn đây tuy rút trong BỔN KINH (thập giới). Song kinh PHÁP CÚ, kinh A HÀM và trong ĐẠI LUẬT đều

đụ phủ phát dã, như : "Nhơn trịch phủ trăm thiên, phủ đọa hườn tự thương thân, thế nhơn dục dĩ ác ngôn hại bỉ, phản hườn tự hại".

Như ĐẠI LUẬT vân : "Tích Điều Đạt mạ Xá Lợi Phát, vi "Ác dục Tỳ kheo" ưng thời thật huyết từng tỹ khổng xuất, tức dĩ sanh thân đọa đại địa ngục trung". Phật nhơn nhi thuyết kệ viết : "Phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trăm thân, do kỳ ác ngôn". Ưng hủy phản dự, ưng dự phản hủy, tự thọ kỳ ương, chung vô hữu lạc.

Y, khả bất giới dư !

ĐỊA TRÌ luận vân : "Vọng ngữ chi tội, năng linh chúng sanh, đọa tam ác đạo, nhược sanh nhơn trung, đắc nhị chương quả báo : Nhất giả, đa bị phi báng. Nhị giả, vi nhơn sở cưỡng".

Hà cố vọng ngữ, đọa tam ác đạo ? - Vị duyên kỳ vọng ngữ bất thật, sử nhơn hư sanh khổ não, thị dĩ tử thọ Địa ngục khổ.

Dĩ kỳ khi vọng, quai nhơn thành tín cố, thọ súc sanh báo.

Duyên kỳ vọng ngữ, giai tự tham khi, xan khi tội cố, phục vi Ngạ qui.

Dĩ kỳ vọng ngữ, bất thành thật cố, bị nhơn phi báng.

Dĩ kỳ vọng ngữ, khi dụ nhơn cố, vi nhơn sở cưỡng, ký tri vọng ngữ.

Hữu thử tứ đại khổ báo. Khả bất giới dư !

có, lưỡi búa tủy thí lưỡi mình, lời ác dụ : lưỡi búa hơi ra, như : "Người quăng búa chém trời, búa rớt lại hại mình", cũng như : "Kẻ ở đời muốn lấy lời ác hại người, trở lại hại mình".

Như trong ĐẠI LUẬT nói : "Xưa ông Điều Đạt mắng Ngài Xá Lợi Phất là "Tỳ kheo ác dục", vừa mắng thì huyết nóng trong mũi liền chảy ra, thân đương sống bèn đọa trong Địa ngục lớn". Phật như đó nói bài kệ rằng : "Phù sĩ xử thế, phũ tại khẩu trung, sở dĩ trăm thân, do kỳ ác ngôn". Nghĩa là : "Luận kẻ ở đời, búa ở trong miệng, sở dĩ chặt mình, do lời nói ác". Việc đáng chê lại khen, đáng khen lại chê, tự mình chất lấy sự khổ, quyết không có vui !

Than ôi ! Khá chẳng răn chữa vậy ư ?

Luận ĐỊA TRÌ nói : "Tội vọng ngữ làm cho chúng sanh đọa ba đường ác, bằng sanh trong loài người, mắc hai món quả báo : 1.- Hay bị người chê bai, 2.- Bị người lường gạt".

- Thế nào nói vọng đọa ba đường ác ? - Bởi ta nói vọng không thật , khiến người lường sanh tâm sầu thảm, chết chịu khổ trong địa ngục.

- Thế nào nói vọng đọa trong loài súc sanh ? - Bởi ta nói vọng trái tâm thành tín của người, nên mắc đọa trong loài súc sanh.

- Thế nào nói vọng đọa trong loài Ngạ quỷ ? - Bởi ta nói vọng làm cho ai cũng mắc tội tham lam, bòn sẻn; nên ta mắc báo đọa trong loài Ngạ quỷ.

Vì sao bị người chê bai ? - Bởi vì ta nói vọng không chắc thật , nên mắc báo bị người chê bai.

Vì sao bị người lừa gạt ? - Bởi vì ta nói vọng, dối phỉnh người, nên mắc báo bị người lừa gạt.

Ôi ! Đã biết lời nói vọng mắc bốn báo lớn như trên. Khá chẳng răn chữa ư ? !

NGŨ VIẾT : "BẤT ẨM TỬ"

Loạn tâm hôn trí viết : "Tử".

Giải viết : Ẩm tử giả, vị ẩm nhật thiết năng túy nhờn chi tử. Tây Vực tử hữu đa chủng, Cam giá, Bồ đào, cập dữ bá hoa giai khả tạo tử. Thử phương chỉ hữu mẽ tạo, cu bất khả ẩm.

Tây Vực tức Thiên Trúc. Thử phương, tức "Đông Hoa". Tử tuy đa chủng, bất xuất kỳ nhị : Nhất giả "Cốc tử", vị dĩ ngũ cốc hòa cúc, nhi nhượng thành chi. Nhị giả "Mộc tử", vị dụng căn hành hoa quả, tạp chư dược thảo, nhi uẩn thành chi, tức cam giá, bồ đào, bá hoa ngẫu căn, đường mật đẳng thị dã. Thử nhị chủng tử, giai bất đặc yết. Cố vân : "Cu bất khả ẩm".

Phàm hữu tử sắc, tử hương, tử vị, tam giả, hoặc khuyết nhất, khuyết nhị, năng linh nhờn túy, ẩm tức đặc tội. Nhược đạm tào thực khúc, hòa tử chữ thực, tận phạm. Nhược vô tử sắc, hương, vị, bất túy nhờn bất phạm.

Trừ hữu trọng bệnh phi tử mạc liệu giả, bạch chúng phương phục, vô cố nhất đích bất khả triêm thân.

Phật ngôn : "Nhược y ngã vi sư giả, bất đặc ẩm tử, diệp bất dữ tha ẩm, bất trừ súc, nãi chí bất dĩ thảo đầu trước tử, đích nhập khẩu trung".

Ngôn hữu trọng bệnh giả, vị : "Phi khinh tiểu tật dã". Phi tử mạc liệu giả, vị : "Dư dược trị bất ta, y giáo dĩ tử vi dược, phi tử bất năng sư, tức tu bạch chúng linh tri, nhiên hậu phục chi, thỉ vô tự tư chi cứu dã. Vô cố giả, vô bệnh chi cố dã. Tất hữu trọng bệnh cố tật, nãi tạm quyền khai thính, phi vị trường đồ phục thực. Nhược vô bệnh thác bệnh, khinh bệnh thác trọng, cu phạm.

ĐIỀU THỨ NĂM : "KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU"

Loạn tâm, muội trí gọi là "Rượu".

Giải rằng : Uống rượu là uống những thứ "Rượu" làm cho người say. Nước Tây Vực có nhiều thứ rượu, lấy thứ "Cam giá" (*cây mía*) "Bồ đào" (*trái nho*) và trăm thứ "Hoa" đều đặt làm rượu. Phương đây có thứ rượu làm bằng chất "Gạo" đều chẳng nên uống.

Nước Tây Vực : tức nước Thiên Trúc. Phương đây, tức cõi Đông Hoa. Rượu tuy nhiều nhưng không ra ngoài hai thứ : 1.- Rượu "Lúa" nghĩa là : Lấy năm thứ lúa, hòa với men mà đặt thành rượu. 2.- "Rượu Cây" nghĩa là : Lấy thứ Rễ, cọng, hoa, trái, và các thứ thảo dược đặt thành, như : mía, trái nho, các thứ bông, ngó sen, đường, mật v.v... phải vậy. Hai thứ rượu nói trên đều không được uống. Nên nói câu : "Cu bất khả ẩm".

Kể rượu có ba món : sắc rượu, hơi rượu, và vị rượu, ba món này, hoặc thiếu một, thiếu hai mà làm cho người say, quyết không nên uống, nếu uống thời mắc tội. Bằng ăn hèm cùng men, hay là lấy hèm men hòa chung với rượu nấu đồ ăn đều phạm. Bằng không ba thứ : Sắc rượu, hơi rượu và vị rượu không làm say người, không phạm.

Trừ có bệnh nặng, không rượu chẳng lành; thưa cho chúng hay mới uống, bằng vô có một giọt chẳng đặng thấm vào môi.

Phật nói : "Bằng ai y ta làm Thầy, thì đừng có uống rượu và đừng cho người uống, đừng chứa để, cho đến không được lấy ngọn cỏ nhúng rượu rồi nhỏ vào trong miệng".

Nói có bệnh nặng là gì ? Nghĩa là chẳng phải bệnh nhỏ vậy. Sao gọi không rượu không lành ? Nghĩa là các thứ thuốc trị không lành, lương y bảo lấy rượu làm thuốc, bằng không rượu thời bệnh không lành; tức phải bạch cho chúng được hay, rồi sau dùng đó, mới khỏi lỗi tự tư (*lén uống*) vậy. Vô cố là gì ? Là cố không có bệnh vậy. Nếu có bệnh nặng, ngặt nghèo thời sao ? Thời tạm quyền mở cho, chớ không phải ăn uống hoài hủy. Nếu không bịnh giả bệnh; bệnh nhẹ giả bịnh nặng, đều phạm.

Nãi chí bất đắc hữu tửu, bất đắc chỉ tửu xá, bất đắc dĩ tửu ẩm nhơn.

"Hữu" vị tỹ hữu. Bất đắc chỉ tửu xá giả. "Chỉ" vi tạm thời đình chỉ. Xá vị cô tửu điểm tử. Vị phòng nhị sự, cố bất thính chỉ. Nhất phòng cơ nghi. Nhị ty trầm húng. Bất dĩ tửu ẩm nhơn giả. Tự ký tri phi, khởi khả thí nhơn. Bô tất vị lợi sanh cố, tự ẩm du khinh dữ tha ẩm phạm trọng. Do mê hoặc chúng sanh, thất trí huệ chường, cố dã.

"Nghị Địch" tạo tửu, "Vô" nhơn thống tuyệt.

"Nghị Địch". "Hạ" nhơn dã, thiện tạo tửu dao; vô tức Hạ Đế dã.

CHIẾN QUỐC SÁCH vân: "Nghị Địch" tác tửu, Vô ẩm nhi cam chi viết : "Hậu thế tất hữu dĩ tửu vong kỳ quốc giả, toại sở Nghị Địch, nhơn chi thâm thống, tuyệt chỉ tửu dã.

Tích "Hơn", Bính Nguyên, tuyệt tửu bất ẩm, nhơn hoặc vấn chi. Nguyên viết : Bôn tự năng ẩm, dẫn dĩ hoang tứ phế nghiệp, cố đoạn chi nhi. Thế Nho thượng úy phế nghiệp, hướng học "xuất thế" chi đạo hồ !

"Trụ" tác tửu trì, quốc dĩ diệt vong. Tăng nhi ẩm tửu, khả sĩ vưu thậm.

"Trụ", nãi "Đế Ất" quý tử, danh "Thọ" hựu danh "Tân", Tổ đô ư "Ân", thụ pháp, "Tàn Nghĩa Tồn Thiện", viết : "Trụ". Thi tác ngọc trấn, tượng trợ tạo Lộc Đài; vi quỳnh thất, ngọc môn, đại tam lý, cao thiên xích, dĩ nhơn tự thú, dĩ tửu vi trì, huyền nhục vi lâm cung nữ lóa hình, tượng trực kỳ gian. Cung trung cửu thị, vi trường dạ chi ẩm, tác bào lạc chi

Nhấn đến không được gửi rượu, không được đứng nhà làm rượu và không được lấy rượu đãi người uống.

Mũi người gọi là chữ "Hữu". Không được đứng quán bán rượu là gì ? Nghĩa là đứng nghỉ tạm thời gọi là chữ "đứng". Tiệm bán rượu cũng gọi là "cái quán bán rượu". Vì sao không cho đứng quán bán rượu ? Vì phòng có hai việc : Một, phòng người nghỉ ngơi. Hai, tránh chỗ người say sưa. Tại sao không đãi rượu người ? Mình đã biết lỗi, đâu nên đãi người. Ông Bồ tát vì mục đích lợi ích chúng sanh, mình uống còn nhẹ, cho người khác uống phạm tội rất nặng. Vì rượu hay làm cho chúng sinh mê lầm, mất giống trí huệ vậy.

Người "Nghị Định" đặt rượu. Vua "Vô" như cấm dứt.

Nhà Hạ, vua Vô có người tôi tên "Nghị Định" có tài đặt rượu rất ngon.

Trong bộ CHIẾN QUỐC SÁCH nói : "Nghị Định" đặt rượu, vua Vô uống biết ngon và nói : "Đời sau ắt có người vì rượu mà nước phải diệt vong". Liền đòi Nghị Định, như đó cấm ngặt không cho đặt rượu nữa vậy.

Xưa nhà "Hán", ông Bính Nguyên bỏ rượu không uống, người hỏi tại sao ? Ông nói : "Trước kia tôi cũng hay uống, nhưng nó hay làm lung lòng bỏ gia nghiệp, cho nên tôi bỏ không uống. Ôi ! Kể thế Nho còn sợ bỏ gia nghiệp, huống chi kẻ học đạo "Xuất thế" ư ?

Vua "Trụ" làm ao rượu, nước phải diệt vong. Ông Thầy mà uống rượu, khá hổ rất lắm !

Vua "Trụ" tên "Thọ" cũng có tên là : "Tần" con út vua "Đế Ất" tổ quốc ở nhà Ân, theo pháp hàm ân của ông là "Tần Nghĩa Tồn Thiện" (*dứt nghĩa hại lành*), gọi là : "Trụ". "Trụ" khi mới lên làm Vua, sắm chén ngọc, đĩa ngà, dựng đèn Lộc Đài, làm nhà bằng vàng, cửa ngọc lớn ba dặm, cao nghìn thước, bắt người nuôi thú, chứa rượu thành ao, treo thị như rừng; kẻ nam, người nữ trần truồng giỡn nhau trong

hình, phẩu dựng phụ, chức nhơn hình. Vương Tử "Tỷ Cang" gián chi. Nộ viết : "Ngô văn thánh nhơn, tâm hữu thất khiểu; toại sát "Tỷ Cang", thị kỳ tâm.

Ư thị "Võ Vương" cáo Chư Hầu viết : Ân, hữu trọng tội, bất khả bất phạt, nãi đông phạt "Trụ". "Trụ" tẩu đặng Lộc Đài, ý kỳ châu ngọc, tỵ phiên nhi tử. "Võ" vị : "Hậu thế tất hữu dĩ tửu vong quốc giả, thử dã. Sở dĩ THI, THỐ, dâm loạn chi giới, kỳ nguyên giai tại ư tửu. Cố "Vi Tử", dĩ "Trụ" trâm húng ư tửu, toại tác cáo, dĩ cáo "Cư Tử", "Tỷ Cang", nhi khứ.

"Mục Công" nhơn Châu, "Lệ Vương", trâm miến, ư tửu, cố tác "Đại Nhã" ta thán nhi khắp thế lưu liên. Hậu Tần chủ "Phù sanh", ẩm vô trú dạ, thừa túy đa sở sát lục, thần dân úy chi. "Hải Đông" vương "Phù Kiên", tương bình phạt "Sanh" du túy my, bình sát chi. "Kiên", toại xưng "Đế".

Đường "Kính Tông", niên thập bát, dạ dữ hoạn quan, cam ẩm kích cầu, nga chúc diệt ngô thí. Thị dĩ tiên nguy hậu bại, giai do "Tửu" "Sắc". Tiên Thánh Hậu Hiền, hàm nhơn chỉ tuyệt, dĩ thành danh, xuất gia vi tăng, tâm hình việt tục, bất quý Tiên Thánh, nhi chủng tiên nguy. Cố viết "Khả sỉ vưu thậm".

Tích hữu "Ưu Bà Tắc" nhơn phá tửu giới toại tinh dư giới cu phá. Tam thập lục thất, nhất ẩm bị diên, quá phi tiểu hĩ.

"Ưu Bà Tắc", thử vân : "Cận sự nam", BÀ SA luận vân : "Tích hữu nhứt cận sự, bầm tánh nhơn hiền, thọ trì ngũ giới, chuyên tinh bất phạm. Hậu ư dĩ thời, viễn hành qui gia, gia nhơn phó hội. Bỉ vi khát

đó. Trong cung lập chín chợ, làm cái nhà nấu nướng, ăn uống suốt đêm, mổ bụng đàn bà chữa, chặt ống chân người già. Vị Vương tử là ông "Tỷ Cang" can đó. Nghe lời "Đắc Kỷ" thính nộ rằng : Trẫm nghe vị Thánh nhờn, quả tim có bảy lỗ, liền giết "Tỷ Cang" xem quả tim kia.

Bấy giờ vua "Võ Vương" bảo các nước Chư hầu rằng : "Nhà Ân có tội nặng, không đánh chẳng được", bèn qua phương đông đánh vua "Trụ". "Trụ" chạy lên đến Lộc đài mặc đồ châu ngọc, tự đốt mình mà chết. Vua "Võ" nói : "Đời sau ắt có kẻ vì rượu, mà nước phải diệt vong", là đây vậy. Sở dĩ trong kinh THI, kinh THỔ, răn việc dâm loạn, là gốc đều tại nơi rượu. Cho nên Ông "Vi Tử" thấy vua "Trụ" uống rượu say sưa, bèn làm đơn xin Ông "Cơ Tử", "Tỷ Cang" nghỉ làm việc, lui về.

Ông "Mục Công" nhờn nhà Châu vua "Lệ Vương" mê mết nơi rượu, nên ông làm thiên "Đại Nhã" than thở và rơi lụy dâm dề, Đời Hậu Tấn chúa "Phù Sanh" uống rượu không kể ngày đêm, nhờn khi say giết hại nhiều người, quan dân sợ hãi. Quận "Hải Đông" vua "Phù Kiên" đem binh đánh chúa "Phù Sanh", Sanh còn đương say ngủ, nên bị binh giết chết. Chúa "Phù Kiên" lên ngôi xưng "Hoàng Đế".

Đời Đường vua "Kính Tôn", niên hiệu thứ 18, đêm cùng các quan, uống say đánh cầu bồng nhiên đèn tắt gặp giết nhau. Thế cho nên trước nguy sau hại, đều do việc "Tửu" với "Sắc". Thánh trước Hiền sau, đều nhờn cấm tuyệt, mới thành danh. Kẻ xuất gia làm ông Thầy tâm hình khác tục, chẳng hổ Thánh trước mà noi hại xưa ? Cho nên nói câu : "Khả sỉ vưu thậm" (*khá hổ rất lắm*).

Xưa có ông "Ưu Bà Tắc" nhờn phá giới rượu bèn gồm các giới đều phá. Trong 36 lỗi, một phen uống rượu đủ hết, lỗi chẳng phải nhỏ vậy.

Tiếng Phạm "Ưu bà tắc", tiếng Tàu "Cận sự nam".

Trong luận BÀ SA nói : Xưa có ông "Cận sự" sẵn tánh nhờn hiền, thọ trì năm giới, chuyên rông không phạm. Sau trong khi khác có dịp đi xa về nhà, giữa đường khát nước,

sở bức, kiến khí hữu tửu như thủy, toại thủ âm chi, tiện phạm "Tửu giới". Thời hữu lân kê, lai nhập kỳ xá, đạo sát nhi thực, phục phạm "Đạo", "Sát", nhị giới. Lân nữ tâm kê nhập xá, cưỡng bức giao thông, phục phạm "Dâm giới". Lân gia cáo quan, cự hứy bất trầ, phục phạm "vọng ngữ". Cố vân : "Toại tính dư giới cu phá".

Tam thập lục thất giả, THIỆN ÁC SỞ KHỞI kinh vân : "Nhất tư tài tán thất. Nhị hiện đa tật bệnh, Tam nhơn dữ dấu tránh. Tứ tăng trưởng sát hại. Ngũ tăng trưởng sân nhuế. Lục đa bất toại ý. Thất trí huệ tiệm quả. Bát phước đức bất tăng. Cửu phước đức chuyển giảm. Thập hiển lộ bí mật. Thập nhất sự nghiệp bất thành. Thập nhị đa tăng ưu khổ. Thập tam chư căn ám muội. Thập tứ hủ nhục phụ mẩu. Thập ngũ bất kính sa môn. Thập lục bất tín Bà la môn. Thập thất bất kính Phật. Thập bát bất kính Pháp, Tăng. Thập cửu thân ác hữu. Nhị thập ly thiện hữu. Nhị thập nhất khí ẩm thực. Nhị thập nhị hình bất ẩn mật. Nhị thập tam dâm dục xí thạnh. Nhị thập tứ chúng nhơn bất duyệt. Nhị thập ngũ đa tăng tiểu ngữ. Nhị thập lục phụ mẩu bất hỉ. Nhị thập thất quyến thuộc hiềm khí. Nhị thập bát thọ trì phi pháp. Nhị thập cửu viễn ly chánh Pháp. Tam thập bất kính hiền thiện. Tam thập nhất vi phạm quá thất. Tam thập nhị viễn ly Niết bàn. Tam thập tam điên cuồng chuyển tăng. Tam thập tứ thân tâm tán loạn. Tam thập ngũ tác ác phóng dật. Tam thập lục thân hoại mạng chung; đọa đại Địa ngục thọ khổ vô cùng.

Thử tam thập lục thất, nhơn phá tửu giới nhi cụ. Cố vân : "Nhất ẩm bị điên". Thất, nãi tam thập hứy lục, cố vân : "Quá phi tiểu hỉ".

Tham ẩm chi nhơn, tử đọa "Phát Thí địa ngục" sanh sanh ngu si, thất trí huệ chường.

ghé lại nhà người, người nhà mắc đi phó hội (*đi vắng*) ông ta bị khát nước quá ngật, thấy chum đựng rượu, tưởng nước uống lầm bị say. Mắc phải phạm "Giới rượu". Khi đó có gà xóm, chạy lại nhà kia, ông trộm giết mà ăn, lại phạm "Giới trộm" và "Giới sát" hai giới. Gái xóm vào nhà kiếm gà, ông cưỡng bức giao thông, lại phạm "Giới dâm". Nhà xóm đi thưa quan, ông cãi chối không chịu, lại phạm giới "Vọng ngữ". Cho nên có câu : "Bèn gồm các giới đều phá".

Ba mươi sáu lỗi là gì ? Kinh THIÊN ÁC SỞ KHỞI nói :
 1.- Cửa cái hao mất ; 2.- Hiện đời nhiều tật bệnh; 3.- Nhưn khi say đánh lộn với người ; 4.- Thêm nhiều sát hại ; 5.- Tăng thêm lòng giận giữ ; 6.- Nhiều việc không toại ý ; 7.- Trí huệ dần kém ; 8.- Phước Đức không thêm ; 9.- Phước Đức càng giảm ; 10.- Bày lộ chuyện kín đáo ; 11.- Sự nghiệp không thành ; 12.- Thêm việc ưu khổ ; 13.- Các căn mê muội ; 14.- Nhưn nhục cha mẹ ; 15.- Không kính bực Sa môn ; 16.- Không tin người tu phạm hạnh ; 17.- Không kính Phật ; 18.- Không kính Pháp và Tăng ; 19.- Gàn bạn ác ; 20.- Xa bạn lành ; 21.- Bỏ việc uống ăn ; 22.- Trần trường thân thể ; 23.- Việc dâm dục lấy lừng ; 24.- Nhiều người không ưa ; 25.- Cười lá lước ; 26.- Cha mẹ không mừng ; 27.- Bà con ghét bỏ ; 28.- Hay làm việc phi pháp ; 29.- Xa lìa chánh pháp ; 30.- Không kính kẻ hiền thiện ; 31.- Trái phạm nhiều điều tội lỗi ; 32.- Xa lìa đạo Niết bàn ; 33.- Điên cuồng khù khờ ; 34.- Tán loạn thâm tâm ; 35.- Buông lung lòng ác ; 36.- Thân hoại, mạng thác, đọa trong Địa ngục lớn chịu khổ không cùng.

Ba mươi sáu việc lỗi đây, nhưn phá giới rượu mà đủ cả. Cho nên nói câu "Nhất ẩm bị diên". (*Một phen uống rượu, đủ vậy*). Lỗi có 36 lỗi, cho nên nói : "Quá phi tiểu hĩ". (*Lỗi chẳng phải nhỏ vậy*).

Những người ham uống, chết đọa trong Địa ngục "Phất Thi" (*cút, dái*) đời đời ngu si mất giống trí huệ.

LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO kinh vân : "Vi nhơn hí ẩm tửu túy, tử nhập "Phát Thi" nê nê trung, hậu đọa tinh tinh thú trung, hậu sanh vi nhơn ngu si, cố vô sở trí".

GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC kinh vân : "Tín Tướng" Bồ tát, bạch Phật ngôn : "Phục hữu chúng sanh, hoặc diên, hoặc cuồng, hoặc si, hoặc hải, bất biệt hảo xú, hà tội sở trí" ?

Phật ngôn : "Dĩ tiền thế thời, tọa ẩm tửu túy loạn, phạm tam thập lục thất, phục đắc si thân, như tợ túy nhơn, bất thức tôn ti, bất biệt hảo xú cố hoạch thử tội, nhiên thiện ác vô sảng, hữu nhơn tất quả, tham ẩm cố đọa "Phát Thi", túy loạn cố thất "trí huệ".

TÔNG THUYẾT vân : "Độc trí mạc thậm ư tửu, thị dã".

Mê hồn cuồng dục, liệt ư "tì đām".

Dĩ "Tửu" năng sử nhơn diên đảo thổ loạn, ngoại thất oai nghi, nội táng chơn tánh. Cố vân : "Mê hồn cuồng dục". "Tỳ", thị "Tỳ sương". "Đām" thị "Đām độc" dục tửu dã, vị dĩ "Trấm" điều chi mao lịch ư tửu trung, ẩm linh nhơn lập tử, cố tợ tưng dậu; liệt vị "Tửu" chi khốc liệt, vuơ thậm ư "Tỳ Đām", "Tỳ Đām" tuy năng sát nhân, nhi bất năng sử nhơn phá giới, táng thất huệ mạng, đọa tam ác đạo dã.

Cố Kinh vân : "Ninh ẩm dương đồng, thân vô phạm tửu".

Dương đồng táng thân, tửu một huệ mạng, cố ninh táng thân, dĩ tồn huệ mạng. Như **TÁT CHA NI CÀN TỬ** kinh. Kệ vân : "Tửu vi phóng dật căn, bất ẩm

Kinh LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO nói : "Làm người ưa uống rượu say, chết vào trong Địa ngục "Phất Thi", rồi đọa trong loài thú tinh tinh (*đười ươi*), sau sanh làm người ngu si, không biết chi cả". (*như người say mê trong khi uống rượu*).

Kinh GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC nói : Ông "Tín Tướng" Bồ tát bạch Phật rằng : "Thưa đức Thế Tôn ! Lại có chúng sanh gây những tội gì, hoặc điên, hoặc cuồng, hoặc ngậy, hoặc dại, không biết chi là tốt là xấu ?".

Bấy giờ Phật dạy ông "Tín Tướng" rằng : Này Thiện nam tử, chúng sinh ấy bởi đời trước bị uống rượu say mê phạm 36 lỗi, nên nay mắc báo làm thân ngậy dại, như người say rượu không biết kẻ lớn người nhỏ, không kể tốt xấu, cho nên mắc báo này, song thiện ác không sai, hễ có nhơn thì ắt có quả, vì nhơn tham uống nên quả đọa "Địa ngục Phất Thi". Vì nhơn say mê nên mắc quả mất "Trí huệ".

Bộ TÔNG THUYẾT nói : "Tâm độc chi lắm hơn chất rượu". Như nói : "Không nỡ chém anh, lẽ nào giết cha, nhưng uống rượu say rồi, giết cả anh, chém cả cha", là đây vậy.

"Rượu" là thứ thuốc dại mê hồn, dữ hơn vị "Tỳ Đàm".

Bởi "rượu" làm cho điên đảo, bán loạn. Ngoài sái oai nghi trong mất thật tánh. Cho nên gọi "thuốc dại mê hồn", chữ : "Tỳ" là vị "Tỳ Sương". Chữ "Đam" là vị "Đam độc" rượu thuốc vậy, nghĩa là : lấy lông chim "Trấm" ngâm vào trong rượu cho người uống chết liền. Cho nên nói chữ "Trấm" theo nửa chữ Tửu và chữ "Dậu" (*bộ đậu*) ý nói : Cái độc của rượu dữ hơn vị "Tỳ trấm (*đam*)", bởi vì Tỳ trấm (*đam*) tuy làm chết cái huyền thân, nhưng không làm cho người phá giới, hư mất huệ mạng, đọa trong ba đường ác như rượu vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Thà uống nước đồng sôi, dè chớ phạm rượu".

Uống nước đồng chết thân, rượu mất huệ mạng. Cho nên thà chết thân mà còn huệ mạng. Bài kệ trong kinh TÁT CHA NI CÀN TỬ có nói : "Rượu là gốc buồng lung

bế ác đạo, ninh xả bá thiên thân, bất hủy phạm giáo pháp. Ninh sử thân càn khô, chung bất ẩm tử tử; dã sử hủy giới tội, thọ mạng mãn bá niên, bất như hộ cấm giới, tức thời thân ma diệt". Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

Y khả bất giới dư ! ?

Hoặc vấn viết : "Nhục do hại mạng đoạn chi nghi nhiên, tửu bất tổn sanh, hà vi đốn chế. Nhục sử vô tổn, lý bốn vô quá" ?

Đáp viết : "Như Lai kiết giới, dĩ tuyệt ác nguyên, đắc tội cứ tâm thành nghiệp, nhục nãi, nhưn hại, thực chi tức tội. Tửu tuy phi tổn, quá do loạn thần, dư xứ sanh quá. Quá sanh do tửu, đoạn tửu tắc chư quá đốn trừ. Huống chương ngu si chi nghiệp, bất miêng tam ác đạo báo". Ngôn : "Dư xứ sanh tội giả, do tửu toại phá dư giới, tinh đắc tam thập lục thất thị dã".

LỤC BIẾT : "BẮT TRƯỚC HƯƠNG HOA MAN, BẮT HƯƠNG ĐỒ THÂN"

Viên ly, "Hương", "Xúc" nhị trần, cố viết : "Bắt trước bắt đồ".

Giải viết : "Hoa man" giả, "Tây Vực" nhưn quán hoa tát man, dĩ nghiêm kỳ thủ".

Phạm ngữ "Ma La", thủ vân "Man". Thiên Trúc đa dụng Tô Ma Na hoa, hàng liệt quán xuyên, kiết chi vi man, vô vấn nam nữ, giai thủ trang nghiêm thân thủ, dĩ vi sức hảo.

Thủ độ tắc tầng, nhưng, kim, bửu, chế sức cân quan chi loại, thị dã.

"Tầng", "bach" dã : "nhưng", luyện thực tư dã; chế sức, vị; dĩ kim ngân thất bửu, chế tạo anh lạc hoàn xuyên, tinh sức cân quan đẳng.

muốn khỏi đường ác, đừng uống, thà bỏ trăm nghìn thân, chớ hủy phạm giới pháp. Thà khiến thân héo khô, trọn không uống rượu này; dầu cho tội hủy giới mạng sống đủ trăm năm, chẳng bằng giữ giới cấm, tức thời thân tiêu diệt". Kinh THẬP GIỚI nói : "Có phạm giới đây chẳng phải thầy Sa di vậy".

Than ôi ! Há chẳng răn chừa ư ?

Hoặc có người hỏi : "Sát sanh ăn thịt, vì giết chết cái mạng nó, cấm đó phải rồi, còn rượu không phải như sát sanh, chết mạng, lẽ nào cấm dứt ? Mà đã không phải như sát sanh hại mạng thì uống, lý cũng không lỗi" ?

Đáp rằng : Đức Như Lai kiết giới, vì dứt cái nguồn ác, mắc tội, cứ tâm mà thành nghiệp, sát sanh ăn thịt có tội. Còn rượu không phải như sát sanh, hại mạng; nhưng mà tội do bán loạn tâm thần, tạo tội lỗi. Tội sanh vì rượu, cấm rượu thì các lỗi liền trừ. Hướng giống nghiệp ngu si, chẳng khỏi mắc báo trong ba đường ác. Cho nên nói : "Các tội sanh ra, là do rượu cả chẳng những phá các giới mà gồm có 36 việc lỗi nữa; phải vậy".

ĐIỀU THỨ SÁU : "CHẲNG ĐƯỢC ĐEO TRÀNG HOA HƯƠNG VÀ CHẲNG LẤY HƯƠNG THOA MÌNH".

Xa lìa hai món "Hương" và "Xúc" cho nên nói : "Chẳng đeo chẳng thoa".

Giải rằng : "Tràng hoa" người "Tây Vực" lấy hoa xỏ râu làm tràng, để trang sức trên đầu".

Tiếng Phạm nói "Ma La". Tàu gọi "Man", nghĩa là : Người nước "Thiên trúc" phần nhiều dùng thứ bông "Tô Ma Na" xỏ râu, có thứ lớp, kết lại làm tràng, không luận nam nữ đều dùng nó, để trang sức thân và đầu, cho được xinh tốt.

Xứ ta (Trung Hoa) thời dùng : lụa, hàng, vàng, ngọc chế làm các loại như : mũ và khăn, phải vậy.

"Lụa" Tàu dịch "Tằng". Cũng như tơ nấu chín, Tàu gọi là "Nhưng" chế làm trang sức. Nghĩa là : Dùng bảy thứ báu như vàng bạc v.v.... chế làm : nào dây chuyền, nào cà rá, vòng xuyên, mũ, khăn các thứ v.v...

Đại Kinh vân : "Tại ngạch thượng, danh "man", tại cảnh, danh "anh", tại tỳ, danh "xuyến", tại chỉ, danh "hoàn", thị tri thất bửu chế tạo, gia viết : "Hoa man". Cổ Kinh vân : "Vô phục sức trần ngoạn, y thú tế hình, vô dĩ văn thể, thị dã".

Hương đồ thân giả, "Tây Vực" quới nhưn dụng danh hương vi mặt, linh thanh y ma thân.

"Danh hương", vị : Trâm đàn, tốc xạ, long não, tô hiệp, huân lục, bạch dao đẳng; "thanh y", tức "đồng tử", vị dĩ mặt hương, sử đồng tử đồ giai kỳ thể; cổ viết : "Ma thân".

"Thử độ, tác bội hương, huân hương, chỉ phần chi loại, thị dã".

"Bội", thị bội đái; "huân" tức yên huân; "chỉ", tức yến chỉ; phần, tức "thủy phần", tư giai đồ hương trang sức chi thuộc dã.

"Xuất gia" chi nhưn, khởi nghi dụng thử.

Như thượng thất bửu chế sức, hương, hoa, đẳng, giai tục sĩ sử dụng, xuất tục vi tăng, dĩ xả lạc dục, thể phát nhiệm y tu xuất thể đạo, cự khả đồng tục kiêu xa, mê tâm phóng dật; cổ vân : "Khởi nghi dụng thử".

Phật chế tam y, cu dụng thô sơ ma bố, thú mao tầm khấu, hại vật thương từ, phi sử ưng dã.

Tam y như hậu "oai nghi" trung xuất; thô sơ ma bố giả; "thô", dĩ ngự phong hàn; "sơ", dĩ khước văn manh; tức vi an thân tấn đạo hí. "Thú mao", tức "cừ", "yết" đẳng. "Tầm khấu", tức trừ quyển đẳng,

Trong ĐẠI KINH nói : "Đeo trên trán kêu là "Tràng", đeo ở cổ gọi là "dây chuyền" hay "chuỗi". Cánh tay kêu là "Xuyến", ở ngón tay kêu là "chiếc vòng". Nên biết rằng : bảy thứ báu chế làm tóm kêu là "Hoa man". Cho nên kinh Thập Giới nói : "Chớ mặc đồ trang sức tốt đẹp, áo vừa kín thân, đừng có lòe loẹt; phải vậy".

Lấy hương thoa mình ấy, người sang bên nước "Tây Vực" lấy các thứ danh hương nghiền làm bột, bảo trẻ em thoa mình.

"Danh hương" tức là các thứ hương. Như : trầm hương, đàn hương, tốc hương, xạ hương, long não hương, tô hạp hương, huân lục hương, bạch giao hương, các thứ hương v.v... Trẻ em, nói theo tiếng Tàu là "Thanh y" hay "Đồng tử". Như nói : "Mượn đứa Đồng tử lấy hương bột thoa giùm thân ta". Tiếng thoa thân ta, Tàu gọi là chữ "Ma thân".

Xứ ta có những thứ như đeo hương, xông hương và các thứ son phấn, phải vậy.

Đeo hay là mang, Tàu gọi chữ "Bội". Xông mùi hương. Tàu gọi là chữ "Huân" cũng như son phấn xứ ta, Tàu gọi là chữ "Chỉ" và lấy phấn bột hòa với nước rồi thoa, kêu vị "Thủy Phấn". Các thứ trên đây, đều là một loại hương hoa trang sức v.v...

Người "Xuất gia" râu nên dùng đó.

Như trên bảy thứ báu chế làm trang sức nào hương, nào hoa, các món, đều là người thế tục dùng, kẻ xuất tục làm ông Thầy, đã bỏ sự vui "ngũ dục", cạo tóc, nhuộm áo, học đạo ra khỏi đời, râu nên sánh người thế tục, se sua tâm mê buông lung. Cho nên nói câu : "Đâu nên dùng đó".

Phật chế ba y, toàn dùng bố gai, to thưa, nếu lông thú, miệng tâm hại vật tổn lòng lành, chẳng phải người tu dùng đến.

Ba y như trong Thiên "Oai Nghi" quyển sau sẽ nói. Câu "Bố gai thưa to", "To" để ngăn gió lạnh; "Thưa" để che muỗi mòng, đủ làm an thân tấn đạo vậy. "Lông thú", tức là áo "Cừ", áo "Yết" v.v... ("Cừ" là thứ áo làm bằng

thử giai từng sát sanh nhi đắc, cố viết : "Hại vật"; hữu khuy Bồ tát chi tâm cố viết : "Thương từ"; vi Phật bản chế, phục thương nhưn từ, cố viết : "Phi sở ưng dã". Án Tiểu thừa thập chương y, tùy thí đắc thọ, nhiệm dĩ hoại sắc, cát triệt thành y, Bồ tát lợi sanh, dĩ đại từ vô bản, cố phi sở ưng; nhược cứ Lăng Nghiêm, đại, tiểu giai giả; cố kinh vân : "Bất phục đông phương, tư miên quyển bạch, cập thử độ, ngoa lý cừu thuế, nhủ lạc đề hồ. Như thị Tỳ kheo, ư thế chơn thoát thù hườn tức trái, bất du tam giới."

Đường "Càn Phong" nhị niên, nhị ngoạt, tứ Thiên vương, bạch "Tuyên Luật Sư" viết : "Thích Ca Như Lai, sơ thành đạo thời, nãi chí "Niết bàn", duy phục thô bố Tăng Già Lê, cập bạch điệp tam y, vị tăng trước tà y tăng bạch v.v..."

Trừ niên cập thất thập, suy đòi chi thậm, phi bạch bất noãn giả; hoặc khả vi chi, dư cu bất khả.

Vị niên chí thất thập, tứ đại khô hủ, suy nhược chi thậm, nhược bất trước tư bạch, tác thể đồng hàn sanh, hoặc khả dụng chi; kỳ dư tứ đại bất suy, niên phi thất thập, giai bất ưng vi, cố vân : "Dư cu bất khả".

"Hạ" "Võ" ố y.

Ố y giả, phi tinh tế chi phục, nãi thô y dã "Võ" tánh "Tĩ" danh "Văn Mạng", tự : "Mật Thân", án thụy pháp, thọ thiên thành công, viết : "Võ", nãi "Huỳnh Đế" chi huyền tôn, "Võ" phụ danh "Cổn", "Nghieu" thời, hồng thủy thao thiên, Cổn trị thủy vô công. "Thuấn" nãi cử "Võ", tục phụ nghiệp, cư ngoại thập

da). Yết : là dùng các lông con vật, dệt thành vải may áo "Miệng tâm" là "Tâm mưa tơ", kéo dệt thành những nhiều hàng v.v... Các thứ trên đây, đều do sát sanh mà có, cho nên nói rằng : "hại vật"; có tổn tâm Bồ tát nên nói : chữ "Thương Tử" (*hại lòng lành*); trái lời đức Phật và mất cái tâm nhưn tử, cho nên nói câu : "Chẳng phải người tu chỗ nên làm". Xét bực Tiểu thừa 10 món y, ⁽⁴⁶⁾ tùy thí chủ cho rồi ta nhuộm cho phai màu, cắt rọc may y; song ông Bồ tát lợi ích cho chúng sanh lấy lòng đại từ làm cội gốc, cho nên nói : "Chẳng phải bốn phận người xuất gia làm"; nếu cứ theo kinh "Lăng nghiêm", Đại thừa, Tiểu thừa, đều cấm. Kinh Phạm Võng nói : Không mặc đồ tơ lụa hàng nhiều phương Đông, và mang giày, dép, áo cừu, áo yết, cùng ăn vị "Nhũ lạc đề hồ" này vậy. Tỳ kheo như thế, mới là chơn giải thoát, đối với đời khỏi nợ trước đền bù, mà phải trở lại tam giới.

Đời Đường niên hiệu "Càn Phong" năm thứ ba tháng hai, bốn vị Thiên Vương bạch Ngài "Tuyên Luật Sư" rằng : "Đức Phật Thích Ca Như Lai khi mới thành đạo, nhấn đến nhập "Niết bàn", duy mặc một y "Tăng Già Lê" bằng vải to và ba y "Bạch Điệp" chưa từng có khi nào mặc áo hàng lụa làm bằng tầm tơ v.v..."

Trừ người tuổi đến bảy mươi, già yếu quá đỗi, không lụa chẳng ấm, hoặc mặc thì được, còn bao nhiêu kẻ không phải thế, không được mặc.

Nói tuổi cơ bảy mươi, thân tứ đại khô khan, óm gầy quá đỗi. Nếu không mặc đồ tơ lụa, thời thân thể phải lạnh rét, nên tạm dùng đồ thô. Ngoài ra những người tuổi chưa bảy mươi, và thân tứ đại còn mạnh khỏe đều không nên sắm, cho nên nói câu : "Dư cu bất khả".

Vua "Vô" nhà "Hạ" mặc áo xấu.

Áo xấu chính áo to xấu, chẳng phải đồ mặc trơn sáng, và tốt đẹp. Vua "Vô", họ "Tỷ", tên "Văn Mạng" hiệu là : "Mật Thân", xét trong phép "Hàm Ân" là : "Thọ thiên thành công". Nghĩa là : Xét lịch sử đời ông, có công lập thành được vua "Thuấn" truyền ngôi và phong hiệu là "Vô". Vua "Vô" chính huyền tôn ⁽⁴⁷⁾ vua "Huỳnh Đề", Cha vua "Vô"

tam niên, dĩ khai cửu châu, thủy hại toại tức, thọ "Thuấn" thiên vị, đô ư "An Ấp", quốc hiệu viết : "Hạ", "Võ" vi nhơn, mấn cấp khắc càn, kỳ đức bất vi, kỳ nhơn khả thân, kỳ ngôn khả tín, kỳ thịnh ứng chung luật, thân hữu pháp độ. Có "Khổng Tử" xưng viết : "Phỉ ẩm thực, nhi trí hiếu hồ quỷ thần, ố y phục, nhi trí mỹ hồ phát miện, ti cung thất, nhi tận lực hồ cấu hức : võ, ngô vô gián nhiên hĩ". Tích Đế "Nghieu", bố y yểm hình, lộ cửu ngự hàn, y lý bất tệt, bất cánh hoán. Hán "Văn Đế", diệp thân y dục đề, vi trưởng vô văn. Tấn "Võ Đế", phàn trĩ đầu cửu, du sắc bất hứa cống hiến, kỳ kỷ dị phục, tư đẳng "Thánh Quân" phi nhất, bất năng tận cử.

"Công Tôn" bố bị.

"Công Tôn", tánh dã; danh "Hoàng". Hán "Võ Đế" trưng vi "Bác sĩ", Thiên Tử sát kỳ đôn hậu, toại dĩ vi "Ngự Sử đại phu", thực bất trùng nhục, thoát tức chi phạm, nhi vi bố bị, bổng lộc giai cấp dữ ngưỡng thực chi tân, gia vô sở dự, thời "Cấp Ẩm" tấu viết : "Hoàng" vị tại Tam Công, nhiên vi bố bị, thứ trá dã". "Đế" vấn "Hoàng" ?

"Hoàng" tạ viết : "hữu chi, thành trúng "Hoàng" bịnh, phù dĩ "Tam Công" vi bố bị, thật sức trá, dĩ diếu danh, thả vô "Cấp Ẩm" trung, Bệ hạ an đắc văn thử ngôn". "Thiên Tử" dĩ vi khiêm nhượng, dụ ích hậu chi, dĩ Hoàng vi "Thừa Tướng", phong "Bình Tân" "Hâu", niên bát thập nhi chung, "Hoàng" ký vô oán "Cấp" ngôn, nhi thả thiện kỳ trúng kỷ bịnh khả vị khoan nhơn nhả lượng chi chí hĩ.

là : ông "Cổn", thời kỳ vua "Nghieu", nước lụt nhảy trời ông Cổn trị nước vô công hiệu. Vua "Thuấn" mới tiến cử Vua "Vô" nối nghiệp cha. Ở ngoài mười ba năm, dùng khai chín châu, việc thủy hại mới dứt, chịu Vua "Thuấn" truyền ngôi, đóng đô ở đất "An Ấp" hiệu nước là nhà "Hạ". Vua "Vô" là người siêng năng nhậm lạ, đức ông không trái, lòng nhơn của ông đáng yêu, lời nói của ông đáng tin, tiếng nói ông như tiếng chung luật, và thân ông đều có Pháp độ. Cho nên đức "Khổng Tử" khen rằng : "Tuy ăn uống đạm bạc, mà rất thảo với quý thần, y phục xấu mà tốt hơn mũ rỗng áo phụng. Ở nhà thấp cực, mà hết sức nơi ngồi rãnh. Quý hóa thay ! Vua "Vô" ta, vua "Vô" ta, không ai xen lời gì để bình phẩm ông được vậy". Thuở xưa vua "Nghieu" áo vải che thân, áo lột cừu đỡ lạnh, áo, giày chưa hư, không thay giày mới. Đời nhà Hán vua "Văn Đế" thân cũng mặc áo vải đen, màn chấn không thêu vẽ. Đời nhà Tấn vua "Vô Đế" đốt cái áo cừu, có thêu đầu chim trĩ, ra lệnh không cho cống hiến những nghề lạ mặc sang. Các vị "Thánh Quân" trên đây chẳng phải một, không thể kể hết.

Ông "Công Tôn" đắp mền vải.

Chữ: "Công Tôn" là : Họ; tên "Hoảng". Đời nhà Hán, vua "Vô Đế", ông thi đậu chức "Bác sĩ", vì Thiên Tử xét tánh ông thuần hậu, mới phong ông làm Quan "Ngự sử Đại Phu".

Đời ông không ăn thịt nhiều, ăn cơm gạo hẩm và đắp mền bằng vải, bông lộc có bao nhiêu, để hộ cấp những người nghèo thiếu, xin ăn, cho nên nhà ông không của dư. Bấy giờ ông "Cấp Âm" tâu vua "Vô Đế" rằng : "Ông Hoảng vị ở bực tam công, song sắm mền vải, đó là đối vậy". Vua đòi "Hoảng" hỏi ? "Hoảng" tạ tội rằng : "Thật có, thật trúng bệnh của tôi". Vì sao ? "Luận như Tam Công sắm mền vải thật đối trá để cầu danh, song không nhờ lời trung trực của "Cấp Âm" thời Bệ hạ đâu đáng nghe lời

"Vương" "Thần" chi quới, nghi vi bất vi, khởi đắc đạo nhơn, phản tham hoa sức, hoại sắc vi phục, phẩn tảo tế hình, cố kỳ nhi hĩ.

"Hoại sắc", vị dĩ thảo mộc căn diệt nê đặng, nhiệm vi truy sắc, dĩ biệt ngũ đại sắc dã; "phẩn tảo", thị tha sở khí chi vật, thập thủ nạp chi vi y, dĩ giá tế thân hình, tức trì cầu tâm, đoạn kiêu tứ niệm, nhi tấn tu đạo nghiệp. Như Kinh sở thuyết, "Tỳ kheo" trì "Phẩn tảo" y, tự hà nhi tẩy, chư thiên thủ trấp, dụng tẩy tự thân bất từ uest dã; ngoại đạo trì tịnh diệt, thứ hậu tương tẩy, "chư", "Thiên" điều giá; "vật ô trì thủy" thị tri trọng đức, bất trọng vật dã. "Vương", vị "Võ Đế"; "Thần", vi "Công Tôn"; "Quới", thị "Tôn quới" vị cao chi xưng dã. Thú mao tăng, bạch, thị "vương" "thần" sở ưng nghi vi nhi bất vi, nhi vi ố y bố bị, hoặc sắc vi phục, phẩn tảo tế hình, cố bốn xuất gia học đạo nhơn, sở đương nghi vi, nhi bất vi, nhi phản tham thế gian hoa hương tăng nhưng trung sức chi dục lạc, thâm phi sở nghi dã.

Ký vân : Kim thời "thiên giảng", tự vị đại thừa, bất câu sự tướng, lãng la đấu mỹ tử bích tranh tiên, tứ tư tham tình, giai vi "Thánh giáo", khởi bất văn "Hoành Nhạc", dẫn phục ngại nhự, dĩ ngự phong sương. "Thiên thai" tứ thập dư niên, duy phi nhưt nạp. "Vĩnh gia" phục bất tầm khẩu. "Kinh Khê" đại bố nhi y; lương do thăm giải "Đại Thừa" phương nãi chuyên sùng khổ hạnh, thỉnh quan "Tổ Đức" vật nhiệm tà phong, tắc bầm giáo tu thân, chơn "Phật tử" hĩ.

ấy". Thiên Tử khen cho là người biết khiêm nhượng, càng hậu đãi, và cho "Hoàng" làm quan "Thừa tướng" phong tước Hầu quận "Bình Tân", tám mươi tuổi qua đời, "Hoàng" đã không oán lời "Cấp Âm" mà lại khen là trúng bệnh mình, thiệt đáng gọi là người rộng hơn, rộng lượng hết sức.

Sang nhất như "Vua" "Tôi" đáng sấm mà không sấm. Người tu đâu dạng trở tham lòe loẹt và xinh tốt, sắc hoại làm y phục, chăm vá che thân hình, mới phải là bốn phận.

Sao gọi là "Hoại sắc" ? Dùng những thứ cỏ, cây rể, lá, bùn, đất v.v... Nhuộm cho sắc ó, khác với năm sắc chính của đời gọi là "Hoại sắc". Thế nào là "Phấn Tảo" chăm vá ? Những vật người ta bỏ, lượm lấy chăm vá làm áo, dạng che đủ tấm thân, mong dứt lòng tìm kiếm, và niệm buông lung, ngộ hầu tấn tu đạo nghiệp. Như trong kinh nói : "Thầy Tỳ kheo đem áo "Phấn tảo" tới sông mà giặt. Chư Thiên múc nước đem về tắm, không từ như ướ. Kế đó Ngoại đạo đem cái áo trắng sạch cũng đến giặt. Chư Thiên đứng xa, đưa tay khoát ngăn và nói : "Đừng làm nhơ ao nước". Thế thì đủ biết rằng : Trọng đức chớ không trọng vật vậy. "Võ Đế là bực Vua, Công Tôn tức quan Đại thần" là bực cao sang vị quý mà còn không sấm; ngoài ra đủ biết vậy. Hàng lụa bằng thứ lông thú, "Vua", "Tôi" đáng làm, đáng sấm mà không sấm, trở sấm áo xấu mền vải; sắc hoại làm áo mặc, chăm vá che thân là bốn phận người xuất gia học đạo, chỗ đáng làm mà không làm, trở tham đồ huê mỹ của thế gian, nào lụa, nào nhung, trang sức vui ngũ dục, thật không phải chỗ làm.

Đức "Hoàng Tán" làm lời ký nói : "Kẻ Thiên Giảng đời bây giờ nói mình là bực đại thừa không chấp sự tướng, lụa, the đua tốt, tranh tươi, tím tía; xanh, đỏ giành màu, buông lung tình tham, đều trái lời Phật dạy, đâu chẳng nghe ông "Hoành Nhạc" mặc áo bằng cỏ gai, đỡ gió sương. Ngài "Thiên Thai" bốn mươi năm chỉ mặc một áo nạp. Ngài "Vĩnh Gia" không mặc áo miệng tầm. Ông "Kinh Khê" mặc tấm áo vải to. Xét đúng, bởi vì các Ngài đây, là người thâm hiểu lý "Đại thừa", mới chuyên tu khổ hạnh như thế. Hỡi ai ơi ! Xin

Cổ hữu "Cao Tăng", tam thập niên trước nhất lương hài, hướng phạm bối hồ.

"Lương", âm "lưỡng", (*song lý*) dã; "Cao Tăng", tức "Đường" "Huệ Hữu Pháp sư", thập lục tuế xuất gia, học thông Kinh, Luận, vưu thiện "Huê Nghiêm", duy hữu Luật bộ, vị hoàn tinh duyệt, ý dĩ vi giới khả sự cầu; án đọc tức hiểu, vị lao sư thọ, hậu hốt phi nhất quyển, tánh, giá, mang nhiên, phương hối tiên nghị, nãi phụ Luật đề bình, tùng "Hồng Luật Sư" thính "Tứ Phần" luật, tam thập dư biến, nhi cố chư học đồ viết : "Dư vãng thính Kinh, Luận nhất biến nhập thần, kim thính Luật bộ, dư tăng dư ám, khởi phi. "Lý" khả hư cầu "Sự" nan thông hội; thường thính "Lệ Công" giảng luật, "Lệ" viết : "Pháp Sư Đại Đức" mộ niên, như hà du cần luật bộ ?".

Hữu viết : "Dư ức xuất gia chi thử, tùng hồ khẩu trung lai, khởi dĩ lão hủ, nhi khả tư tu lý da, ngô hận bất đắc thường văn nhĩ ! Kim chi hậu học, bạc tri văn cú, tông trí điều nhiên, tức dự "Sư phạm", sở dĩ chung dạ trường khái hĩ. "Hữu" kính thận tam nghiệp, hoài khóa lục thời, phụng cấm thủ đạo, đủ suy đủ đốc, y phục thú đắc cái thể, phúc huyền bích thượng, trước nhất ma hài, kinh tam thập dư niên, ngộ duyên địa, tắc xích túc, nhưn vấn : "Chi cố" ? Đáp viết : "Tín thí nan tiêu". Đế lữ triệu nhập kinh, cố dĩ tậ từ xuân thu bát thập hựu bát.

Hựu Đường "Thông Huệ Thiên sư", đại ngộ hậu, vân niên duy nhất quần nhất bị, nhất ma hài, nhị thập tải, bố nạp trùng phùng, Đông Hạ bất dịch.

xem vị "Tổ Đức", chớ nhiễm thói tà. Sa di ơi ! Vưng theo lời đức Phật... tu thân... Xứng đáng trang Phật tử vậy.

Xưa có vị "Cao Tăng", ba mươi năm, mang một đôi giày, hưởng chúng phàm ư ?

"Hai chiếc giày" gọi là (*một đôi*), "Cao Tăng" tức đời "Đường" ngài "Huệ Hưu Pháp sư" mười sáu tuổi xuất gia, học thông Kinh và Luận, rất giỏi bộ "Huê Nghiêm", duy có bộ Luật, chưa rành xem kỹ, ý ngài tưởng : "Giới" là : "Sự" dễ tìm, hễ đọc là hiểu, không nhọc Thầy trao. Không ngờ, tình cờ dở một quyển Luật nào "tánh tội", "giá tội", mờ mịt, mới ăn năn lời đề nghị trước, tức thời đội Luật, mang bình, theo hầu đức Tổ "Hồng Luật Sư", nghe bộ "Luật Tứ Phần" hơn ba mươi bận, rồi Ngài nói với học trò Ngài rằng : "Ta trước nghe tạng Kinh, tạng Luận một quận thời nhập tâm, thế mà nay nghe bộ Luật, ôi thôi ! Càng nghe càng mờ ám, đâu chẳng phải cái Lý còn có thể dễ tìm, sự thật khó mà tỏ biết. "Huệ Hưu" thường thân hành đến nghe đức "Lệ Công" giảng Luật. "Lệ Công" hỏi : "Pháp sư Đại đức tuổi già, còn cần bộ Luật làm chi ?". "Hưu" đáp : "Tôi nhớ thuở mới xuất gia, từ trong miệng cọt ⁽⁴⁸⁾ mà ra, đâu từ già yếu mà hồng thôi học ấy ư. Tôi buồn, tôi không được thương nghe vậy thôi". Ngài "Vân Thế" nói : "Thế mà trang hậu học đời bây giờ, vừa biết bài, câu, tôn chỉ mập mờ, mà tính làm vị "Sư phạm", sờ dỉ ta trọn đêm than hoài vậy. Ngài "Huệ Hưu" kính cẩn ba nghiệp, giữ tụng sáu thời, tuân giới cấm, giữ đạo hạnh, càng già càng cố gắng, y phục vừa đặng che thân, khăn vắt trên vách, (*không cần chỗ vắt kỹ*). Mang một đôi giày bằng gai, hơn ba mươi năm, gập chỗ nào để đi thì đi chân không. Người hỏi : "Sao vậy ?" Ông trả lời "của tín thí khó tiêu", nhà vua thường mời Ngài vào Kinh Đô, Ngài cứ viện cố bệnh mà từ. Xuân thu Ngài tám mươi tám về châu Phật.

Lại nữa, đời nhà Đường đức "Thông Huệ Thiên Sư" sau khi ngộ Đạo, tuổi già, duy một quần, một mền, đôi giày bằng gai; hai chục năm áo vải vá nhiều lớp, mùa Đông mùa Hạ không đổi.

"Tả Khê tôn giả", nhất "điều thật y", tứ thập dư niên, nhất "ni sư đàn", chung thân bất dịch; tẩy bát tắc quần hầu tranh bổng, tụng kinh tắc chúng điều giao tường; như thử "Cao đức", phi "Thánh" tắc "Hiên", thượng kiểm thân sùng phác, nãi nhĩ, hướng ngã phàm bối, nhi bất cần ước thân tâm tích đức, khả hồ ?

Y khả bất giới dư ?

ĐẠI BỒ TÁT TẠNG kinh vân : "Nhược hữu vị trước hoa man đồ hương tức thị vị trước nhiệt thiết hoa man, điệp thị vị trước thử niếu đồ thân. Hưu tích, hữu "Tỳ kheo", tại liên trì biên kinh hành, văn liên hoa hương, tỷ thọ tâm trước, Trì "Thần" ngôn : "Tỳ kheo" hà dĩ xả tịnh tọa, nhi thâm ngã hương; thời hữu nhất nhơn, nhập trì thủ hoa, quật căn nhi khứ; "Tỳ kheo" ngôn : "Thử nhơn phá nhữ trì hoa, nhữ đô vô ngôn, ngã dẫn kinh hành, ha ngã thâm hương ?" "Thần" ngôn : "Thế gian ác nhơn, tội phẩn một đầu, ngã bất cọng ngôn. Nhữ thị thiên hạnh hảo nhơn, nhi trước thử hương, phá nhữ hảo sự, thị cố ha nhữ; thí như bạch điệp hữu điểm, nhơn giai kiến chi, ác nhơn như hắc y, tủng hữu hắc điểm, nhơn giai bất kiến, thì vấn chi giả". Như kinh sở thuyết : "Hữu hoa thượng bị thần trách hữu điểm, hướng thân đồ trước ô đức, khả bất giới tai !!!".

**THẤT VIẾT : BÁT CA VÕ XƯƠNG KỶ
BÁT VẮNG QUAN THỈNH**

Ly thân khẩu quá, cố viết : "Bát ca võ". Viễn sắc, thanh trần, cố viết : "Bát quan thỉnh".

Giải viết : "Ca" giả, khẩu xuất ca khúc.

Sở vị ca xương khúc lĩnh dã, trường dẫn kỳ thanh vịnh chi viết "Ca".

Ngài "Tả Khê" tôn giả, một y thất điều hơn bốn mươi năm, một Ni sư đàn (*tọa cụ hay đồ để ngồi*) trọn đời chẳng đổi. Khi ông ăn cơm rồi rửa bát thì bày khỉ dành bưng, lúc ông tụng kinh các chim xòe cánh che mát. Các bực "Cao Đức" như đây, không phải bực "Thánh" cũng bực "Hiền" còn xét mình trọng đức đến thế, huống ta chúng phàm, mà chẳng dè dặt thân tâm tích đức hay sao ?

Than ôi khá chẳng răn chữa ư ?!

Kinh ĐẠI BỒ TÁT TẠNG nói : Nếu có người nào dấm vị tràng hoa và hương thoa, tức là : dấm vị tràng hoa sắt nóng; hay là dấm vị như nhớp thoa vào trong thân. Thuở xưa có thầy Tỳ kheo ở bên ao sen, đi kinh hành, nghe hương của hoa sen, mũi ưa, tâm đắm. "Thần" giữ ao nói : Tỳ kheo cố sao Ngài bỏ ngôi thiền, mà trộm vị hương ta ? Khi đó có một người, cũng vào trong ao, bẻ hoa, và nhổ ngó sen mà đi. Tỳ kheo nói : "Người kia bẻ bông, nhổ ngó chú, sao chú không nói. Ta đi kinh hành quở Ta là trộm hương ?". Thần đáp : "Đứa ác trong đời, tội như đầy dầu, ta không nói đến. Ngài là người tu hạnh tốt, mà dấm hương đấy, hư việc tốt của Ngài, cho nên quở Ngài. Ví như áo trắng, có một điểm đen, ai cũng thấy hết, người ác ví như áo đen, dầu có điểm đen người đều chẳng thấy, ai cần hỏi đến". Ôi ! Như Kinh đã nói : "Người hoa còn bị Thần trách có điểm hướng mũi người, thân thoa như đức, khá chẳng răn ư !?".

ĐIỀU THỨ BẢY : TỰ MÌNH KHÔNG ĐƯỢC CA MÚA ĐỜN DỊCH VÀ NGƯỜI KHÁC LÀM, CŨNG CHẴNG ĐƯỢC ĐẾM XEM NGHE

Không có cái lỗi thân múa, miệng hát nên nói "Bất ca vô". Lánh xa sắc trần và thanh trần cho nên nói : "Bất quan thính" (*không xem nghe*).

Giải rằng : "Ca" là : miệng hát ra những bài ca.

Chỗ nói : Ca xương bài bản vậy. Xương kéo tiếng dài gọi là "Ca".

Nhạc thơ vân : "Nhạc hữu ca, ca hữu khúc, khúc hữu từ; sở dĩ Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn; ngâm vịnh chi hữu thưởng, há; như thảo mộc chi hữu kha diệp dã. "Nhĩ Nhã" viết : "Thỉnh ty ư cầm sắc, viết "Ca"; đồ ca viết "Diêu" vị vô tư trước chi loại, độc ca chi giả. "Hàn Thi" viết : "Hữu chương khúc, viết, "Ca", vô chương cú, viết "Diêu". Hựu Vịnh Thi, viết "Ca"; đoản ca vị chi "Diêu". Thi Chú vân : "Diêu" giả, ca thanh chi viễn văn dã; cố thiện ca giả hữu hàm thương thổ giác chi âm. Liệt Tử vân : "Tần Thanh, phủ tiết bi ca, thanh chấn lâm mộc hưởng át hành vân thị dã".

"Vô" giả, thân vi hí "vô".

Thủ túc biến lộng, viết : "Hí vô"; "Ca vô", nãi bài ưu tạp hí dã.

"Xướng ky" giả, vị "Cầm", "sắc" tiêu,quản chi loại thị dã.

"Xướng ky", thị âm nhạc chi tổng xưng; "Nhạc" giả, chung, cổ, tiêu, quản, cung, thương, vô, giác, trung, thực dã; cầm sắt, thị huyền nhạc, tiêu quản, thị quản nhạc.

Tích "Phục Hi", trác đồng vi cầm, danh viết "Ly huy", hoàn tan vi sắt; cầm, trường thất xích nhị thốn : Phụng trì tứ thốn, tượng tứ thời, Long trì bát thốn tượng bát phong, huyền nhị thập thất, dĩ thông "Thần minh" chi hướng. "Thuấn", chế trường tam xích lục thốn lục phân, tượng cơ chi nhật, hiệp Thiên như chi hòa, quảng lục thốn, tượng lục hiệp, yêu khoát tứ thốn, tượng tứ thời; tiền quảng hậu hiệp; tượng tôn ty; thượng viên hạ phương; tượng "Thiên Địa"; ngũ huyền, tượng ngũ hành; thập tam huy, tượng thập nhị luật, dư nhất huy, tượng nhuận. Hậu "Văn Vương", gia thiếu cung, thiếu thương, nhị huyền

Bộ Nhạc Thơ nói : "Nhạc thì có ca, ca thì có bài, bài có bản". Cho nên ngâm Thi gọi là : "Chỉ" mình "Ca vịnh" là (*lời nói*). Ngâm vịnh điệu có phù trầm ; như cổ cây có nhánh lá. Sách Nhĩ Nhã nói : "Tiếng ăn rập với đờn cầm, đờn sắt gọi là "Ca". Ca suông gọi chữ "Diêu". Nghĩa là : không có đờn sáo, chỉ ca không mà thôi. Trong bộ Hàn Thi nói : có bài bản gọi "Ca", không bài bản gọi "Diêu"; lại có nghĩa ngâm thi nói là "Ca". Ca nhạc một nói là "Diêu". Sách Thi Chú nói : Chữ "Diêu", là tiếng ca nghe rất xa, vắng vắng; cho nên người ca hay, giọng có hàm tiếng Thương và lộ tiếng Giác. Sách Liệt Tử nói : "Người Tần Thanh, vỗ cái trống cơm mà ca theo điệu nam ai, tiếng vang cây rừng, dội dứt mây bay, phải vậy".

Thân múa giỡn gọi chữ "Võ".

Tay, chân quơ múa gọi "Hý võ". Vừa giỡn trửng, vừa hát hò gọi là "Ca võ".

"Xướng ky" là gì ? Những loại đờn "cầm", đờn "sắt" ống tiêu, ống quản, phải vậy.

"Xướng ky" (*tiếng kêu chung của âm nhạc*). "Nhạc" thời có những thứ như : chuông, trống, ống tiêu, ống quản, tiếng cung, tiếng thương, tiếng võ, tiếng giác, tiếng trửng và tiếng thực, các thứ tiếng ấy thuộc về một loại của "Âm nhạc"; đờn cầm, đờn sắt thuộc về nhạc dây, ống tiêu, ống quản thuộc về nhạc ống.

Xưa Vua "Phục Hi" đẽo cây ngô đồng làm đờn cầm, tên là đờn "Ly huy", bện cây dâu làm đờn "sắt"; đờn cầm dài bảy thước hai tấc (7^m20); cái Phụng trì bốn tấc (0^m40) để tiêu biểu hiệp bốn mùa, cái Long trì tám tấc (0^m80) tượng cảm gió (bát phong) hai mươi bảy dây, đặng thông đến vị Thần Minh phò hộ. Vua "Thuấn" chế đờn cầm dài ba thước sáu tấc sáu phân (3^m66), tiêu biểu ngày "giáp năm" hỏa hiệp "Trời" cùng "người", bề rộng sáu tấc, tiêu biểu "sáu phương" bề lưng rộng bốn tấc tiêu biểu "bốn mùa"; trước rộng sau hẹp tiêu biểu "cao, thấp"; trên tròn dưới vuông, tiêu biểu "Trời, Đất", năm dây tiêu biểu "ngũ hành", mười ba bực tiêu biểu "12 tháng" thêm một bực tiêu biểu "tháng nhuận". Sau

thành thất hoặc vân : "Gia văn võ nhị huyền : sắt hữu tam thập lục huyền, dĩ tu thân lý tánh, phản kỳ Thiên chơn" kim nhơn dụng chi vi hí lạc, ngộ dã; "Tích Nữ Oa" thị, dụng ngũ thập huyền, Tần Đế sử Tố Nữ cổ, nhi thính chi cực bi, nãi tích nhi dụng kỳ bán, dĩ ức kỳ tình nhi nhạc nãi hòa hiệp dã; tiêu túc dã, vị kỳ thính túc túc, nhi thanh dã biên tiểu trước quản vi chi, sâm si bất tề, tượng Phụng chi dục : Đại giả, nhị thập tam quản, trường xích tứ thốn; tiểu giả, thập lục quản, trường xích nhị thốn. Quản, hữu lục khổng, nhất viết; thất khổng, tợ tiêu diệc như Địch, hoặc viết; túc tiêu dã; dư Tỳ Bà, sanh, hoàng, tranh, địch, không hầu, đẳng, giai xứng ky chi loại dã.

"Bất đắc tự tác, diệt bất đắc tha nhơn tác thời, cố vãng quan thính".

Tự tác, tòng thân, khẩu, nhị nghiệp sanh tội, quan thính tòng nhơn, nhi, nhị căn chiêu khiên; cố vãng giả, hiển phi vô tâm dã; nhược lộ do bỉ quá, vô tâm quan thính, bất phạm.

Cổ hữu Tiên nhơn, nhơn thính nữ ca, âm thanh vi diệu, cự thất thần túc, quan thính chi hại như thị, hưởng tự tác hồ ?

Cự, tậ dã, thốt dã; "thần túc" giả, phi hành dã. ĐẠI BÀ SA LUẬN vân : "Tích hữu "Chất Đà Diễn Na" vương, tương chư Cung nữ, nghệ "Thủy Tích" sơn, trừ khứ nam tử, thuần dữ nữ nhơn, thiêu chúng danh hương, tấu ngũ ky nhạc, lộ hình nhi võ, nhạc âm thanh diệu hương khí phân phức. Thời hữu ngũ bá Tiên nhơn, thừa Thần thông thượng quá, hoặc kiến sắc, hoặc văn thính, hoặc hữu hương, giai thối thần thông, nhất thời đọa há, như chiết dục điểu, bất phục năng phi. Vương kiến vấn viết : "Nhữ đẳng thị thùy ?"

Vua "Văn Vương" thêm dây Thiếu cung, dây Thiếu thương hai dây thành ra bảy, hoặc nói : thêm dây "văn", dây "võ" hai dây; đờn Sắt có 36 dây, để tu thân sửa tánh, đem trở lại tánh Thiên chơn (*tánh chơn thật của mình*). Người đời bây giờ, dùng nó làm việc vui chơi, làm vậy. Xưa bà "Nữ Oa" làm đờn sắt tới năm mươi dây, Vua "Tần Đế" biểu nàng "Tố Nữ" khảy nghe rất buồn; mới bớt, dùng phân nửa để ngăn bớt tình thương, mà nhạc mới hòa hiệp vậy; ống tiêu nghe nghiêm lắm, vì tiếng nó kêu nhạc nhạc mà thanh, bện ống trúc nhỏ làm đó, so le không bằng như cánh chim Phụng. Lớn hai mươi ba ống; dài một thước bốn tấc. Nhỏ mười sáu ống; dài một thước hai tấc. Ống Quản, có sáu lỗ, có chỗ nói bảy lỗ, giống ống tiêu và cũng như ống Địch hoặc nói : "đó là ống tiêu". Còn đờn Tỳ Bà, ống sanh, ống hoàng, đờn tranh, ống địch, đờn không hầu các món v.v... đều là một loại xướng ca, đờn địch cả.

"Chẳng được mình làm, và chẳng được khi người khác làm, cố đến xem nghe".

Mình làm từ hai nghiệp "Thân" và "Khẩu" sanh ra tội, xem nghe, từ hai căn "Mắt" và "Tai" mang lỗi. Cố ý đi nghe là nói không phải người vô tâm vậy. Bằng có dịp đi qua đường đó, vô tâm xem nghe không phạm.

Xưa có ông Tiên nhờn nghe gái ca, tiếng âm thanh vi diệu liền đứt thần túc, xem nghe còn mắc hại đến thế, huống mình làm ư ?!

Liên, vợi, gấp; ba tiếng cũng đồng một nghĩa. Bay đi gọi là : thần túc. Bộ LUẬN BÀ SA nói : "Xưa có vua "Chất Đà Diễn Na" đem các cung nữ, lên non "Thủy Tích", đuổi hết con trai, chỉ để các gái, đốt các thứ hương thơm, trở năm món ky nhạc loa hình nhảy múa tiếng nhạc lẫn với giọng ca, vừa thanh, vừa dụ mùi hương thơm ngắt.

Khi đó có 500 ông Tiên, nương thần thông qua trên, hoặc có ông thấy sắc, hoặc có ông nghe tiếng, hoặc có ông ngửi hương, đều đứt thần thông, một lượt rớt xuống như chim gãy cánh, không còn bay được. Vua thấy hỏi rằng : "Các người là ai" ?

Chư Tiên đáp ngôn : "Ngã thị Tiên nhơn". Vương ngôn : "Nhữ đắc Phi phi tướng định phủ ?" Tiên ngôn : "Vị đắc", nãi chí vấn ngôn : "Nhữ đắc sơ thiên phủ ?" Tiên ngôn "tằng đắc, kim thất", Thời vương sân ngôn : "Bất ly dục nhơn, như hà quán ngã cung nhơn thể nữ", tiện bạt kiếm đoạn tiện ngũ bá Tiên nhơn thủ túc; bi chư Tiên nhơn, hữu tùng "nhấn căn" nhi thoái, hữu tùng "nhĩ căn" nhi thoái, hữu tùng "tý căn" nhi thoái, thị cố nhất thời đọa lạc; cố vân : "Quan thính chi hại như thị, hưởng tự tác hồ ?"

Kim thế ngu nhơn, nhơn PHÁP HOA hữu "Tỳ bà náo bạt chi", cú, tứ học âm nhạc, nhiên PHÁP HOA, nãi cúng dường chư Phật, phi tự ngu dã".

"Ngu", "lạc" dã; "tỳ bà", thị Hồ "cầm", trường tam xích ngũ thốn, tượng "tam tài" "ngũ hành", tứ huyền tượng tứ thời dã, "Náo" cố dĩ kim tạo chi, "bạt" dĩ đồng tác chi.

Kinh vân : "Nhược sử nhơn tác nhạc, kích cổ, xỷ giác bối tiêu, địch, cầm, không hầu, tỳ bà, náo, đồng bạt, như thị chúng diệu âm, tận trì dĩ cúng dường hoặc dĩ hoan hỉ tâm, ca bại tụng Phật đức, nãi chí nhất tiểu âm, giai dĩ thành Phật đạo". Kinh vị : "Sử nhơn tác, hiển phi Sa môn tự vi dã, tận trì dĩ cúng dường, minh phi tự ngu dã.

Ứng viện tác nhơn gian pháp sự đạo tràng, du khả vi chi; kim vị sanh tử, xả tục xuất gia, khởi nghi bát tu chánh vụ, nhi cầu công ky nhạc.

Các ông Tiên đáp rằng : "Ta là người Tiên. Vua nói : "Người được định Phi phi tướng chưa" ? Tiên đáp : "Chưa được". Nhấn đến Vua hỏi : "Người được định Sơ thiên chưa" ? Tiên đáp : "Trước được nay mất rồi". Bấy giờ Vua giận nói : "Thế các ông là người chưa khỏi ngũ dục, lẽ nào dám xem cung như thể nữ của ta"; liền lấy gươm, chặt đứt tay chơn năm trăm ông Tiên. Các ông Tiên kia, có ông đứt thần thông của "Nhân căn", có ông đứt thần thông của "Nhĩ căn"; có ông đứt thần thông của "Tỷ Căn", luôn cả năm trăm ông, ông nào thần thông cũng bị đứt. Thế nên sa xuống một thời, gọi "Nhất thời đọa lạc". Cho nên nói : "Than ôi ! Xem nghe còn hại như thế, huống mình làm ư" ?

Người ngu đời bây giờ, nghe trong Kinh PHÁP HOA có nói câu "Tỳ Bà náo bạt" lung học nghề âm nhạc; song trong Kinh PHÁP HOA nói : "Âm nhạc là để cúng dường các đức Phật, chớ không phải vui mình".

"Vui" là nghĩa "Vui thích", Đờn "tỳ bà" là đờn "cầm" của nước "Hồ", dài ba thước năm tấc, tiêu biểu "Tam tài" và "Ngũ hành", bốn dây tiêu biểu "bốn mùa". Cái "Náo" đời xưa làm bằng chất vàng. Cái "Bạt" làm bằng chất đồng.

PHÁP HOA Kinh nói : "Hoặc cho người nổi nhạc đánh trống, thổi ốc, ống tiêu, ống địch, đờn không hầu, đờn Tỳ bà, cái náo, cái đồng bạt, các tiếng hay như vậy đều đem cúng dường các đức Phật, hoặc đem tâm hoan hỷ, ca vịnh khen công đức của đức Phật, nhấn đến một tiếng nhỏ cũng được thành quả Phật. Huống chi Kinh nói : "Cho người khác (*cu sĩ*) làm rõ không phải thầy Sa môn tự làm vậy", Kinh lại nói : "Đem cúng dường đức Phật, rõ không phải để vui mình" vậy.

Những chùa làm đám đạo tràng Phật sự của nhưn gian họa may làm được. Nay ta vì đường sanh tử, bỏ tục xuất gia, đâu nên chẳng tu việc chính mà cầu học nghề âm nhạc cho hay.

"Ứng viện" vị ứng phó am viện dã; nguyên "Phật Giáo" trung, bốn vô ứng phó sự, lương do mặt pháp nhưn ngoa, bất vị siêu sanh việ tử xuất gia giả, thao thiết thế gian uest lợi, cố hữu chi dã. Cát ái từ thân, thị viết : "Xả tục"; xuất phiền não gia, cố viết : "Vị sanh tử", Thiên tụng lễ bái, cần tu phước huệ, danh vi "chánh vụ". Ký vị sanh tử, bất tu chánh vụ, nhi phản cầu công xảo thế gian ky nhạc, trùng tăng sanh tử chi lụy, tự táng kỷ đức, thiêm điểm pháp môn, quá phi tiểu dã".

Nái chí vi "Kỳ", "Lục bát", "đầu trích", "Xu bờ" đẳng sự.

"Đơn Châu" bất tiểu "Nghieu" tác kỳ, dĩ giáo chi, "Đơn Châu", thiện chi, dĩ diệt du, vi kỳ hữu tam bá lục thập lộ, tượng kỳ, hữu tam thập lục tuần, dĩ tượng nha sức chi, cố danh "Tượng kỳ".

Hựu vân : "Tích Thần nông dĩ nhật nguyệt tinh thần vi tượng. Đường Tướng Quốc Ngư Tăng Nhụ, dụng xa, mã, tướng, sĩ, tốt, gia pháo đại chi, vi cơ hĩ : "Đầu" tức (đầu tử), thị "lục bát" thể cụ; "Lục bát" tức "song lục" kỳ, diệp danh "Bát tắc hí". "Ngự" "Tào Thực", chế "song lục" cuộc, dĩ ngũ mộc vi đầu tử, hữu Kiêu, Lư, Trĩ, độc, đắc, ngũ giả vi thắng phụ chi thể, cố nhưn khắc nhất đầu, vi kiêu điệu hình, đắc chi vi thượng thắng; hựu đầu lục trợ, hành lục kỳ vị chi "Lục bát" dã; trích giả, đầu dã, phao dã, như trích sắc, đầu hồ, phao cầu, khiêu tiên dã "Xu" âm "Xu"; "bờ", âm "bờ". Tương truyền vị : "Lão tử" nhập Hồ, tác dụng lục tử vi mã, kim nhưn trích chi vi hí, diệp bác dịch chi tổng danh; sở vị "xu bờ", nhất trích bá vạn, thị dã : "Nái chí", dữ "đẳng sự", giai hí lạc vị tận chi cũ dã.

Những chùa am làm đám, gọi là chữ "Ứng viện". Nguyên trong "Phật giáo" vốn không có việc làm đám, chẳng qua đời mặt pháp, người làm sai lầm, chẳng vì siêu sanh thoát tử mà xuất gia, mới tham lam lợi nhơ trong đời, nên có làm việc đám tiệc. Sao gọi là xả tục ?

Dứt tình ân ái từ nghĩa song thân, ấy là "Xả tục". Thế nào là vì đường sanh tử ? Cầu ra nhà phiền não, cho nên gọi là vì đường sanh tử. Việc chánh là gì ? Việc tụng kinh lễ bái, cần tu phước huệ, kêu là việc chánh. Đã vì sanh tử, không tu việc chánh, trở cầu học nghề nhạc hay giỏi trong đời, chớng thêm hại đường sanh tử, đã tổn đức mình, nhơ nhục trong nhà Đạo, tội chẳng phải nhỏ vậy.

Nhấn đến, đánh cờ "dây", cờ "lục bát", đánh "đầu trịch", "xu bờ", các việc.

Vì người "Đơn Châu" không hiền, vua "Nghieu" chế làm bàn cờ (*để dạy cơ mưu của sự binh bị*), không ngờ "Đơn Châu" đánh giỏi, rồi làm việc vui chơi, luông tuông. Cờ dây có 360 nước. Cờ Tượng (*tục kêu là cờ tướng*) có 36 nước. Sao kêu là "cờ Tượng" ? Lấy ngà voi chuốt làm con cờ, nên kêu "cờ Tượng". Lại một nghĩa nữa : Xưa vua "Thần Nông", coi theo mặt nhật, mặt nguyệt và các ngôi sao làm cái hình con cờ gọi là "Cờ Tượng". Chữ "Tượng" này nghĩa : "Giống". Đời Đường quan tướng quốc "Ngưu Tăng Nhụ" dùng con xe, con mã, con tướng, con sĩ, con chốt, thêm con pháo đại diện làm thế vậy. Chữ "Đầu" (*tức con cờ*) là cái mặt con cờ "Lục Bát". Cờ "Lục Bát" tức là cờ "song lục" hay là cờ "Bát tặc hí". Đời nhà "Ngụy" chúa "Tào Thực" chế cái bàn cờ "Song lục", lấy năm thứ cây đũa làm năm con cờ; có chạm hình con chim Kiêu, chim Lô, chim Trĩ, chim Độc, chim Tắc, năm con ấy làm cái vẻ ăn thua, cho nên người khắc một con cờ làm hình chim Kiêu, bắt dạng con cờ này là ăn bực nhất. Lại có một điều cờ nữa như : Vãi ra 6 cái thẻ, làm 6 con cờ, gọi là cờ "Lục Bát", "vãi", "quăng", "liệng" cũng như : "xổ bài", "đánh hồ", "đá cầu", "thả tiền", thuộc về trong ba nghĩa : hoặc vãi, hoặc quăng, hoặc liệtng. Chữ "Xu" là "Xu bờ", lời tương truyền nói : "Ông Lão Tử vào nước Hồ, làm bàn cờ có sáu hình con ngựa, người nay đánh làm cuộc vui chơi cũng

Giai loạn đạo tâm, tăng trưởng quá ác,

Như thượng chư sự, cu nhiều loạn chánh niệm, tăng trưởng tham, sân, phiền não, sanh tử quá hoạn do thử nhi hưng thành phi "Thích tử" sở vi dã.

Y khả bất giới dư !

ĐẠI LUẬN vân : "Thanh tướng bất đình, tạm văn tức diệt, ngu si chi nhơn, bất giải tinh tướng, vô thường biến thất, cố ư âm thanh trung, vọng sanh hảo nhạo ư dĩ quá chi thanh, niệm nhi sanh trước. Hữu trí chi nhơn, quán thanh sanh diệt, tiên hậu bất cu, vô tướng cập giả, tác như thị tri, tác bất nhiễm trước, nhược tư nhơn giả, chư Thiên âm nhạc, thượng bất năng loạn, hà hưởng nhơn thanh. Như thị đẳng chướng chướng nhơn duyên, ha thanh quá thất. Như Đại Ca Diếp đẳng, văn Thiên vương đờn cầm, thượng khởi tác vô, bất năng tự an; hưởng phàm phu bối, khả bất đương thâm giới dư !

BÁT VIẾT : BẤT TỌA CAO QUẢNG ĐẠI SÀNG

Thân ly xúc trần cố viết "bất tọa", lượng viết Thánh chế, cố viết "cao quảng".

Giải viết : "Phật chế thẳng sàng, cao bất quá "Như Lai" bất chỉ; quá thử tức phạm".

Như Lai thị Phật thập hiệu chi thủ, vị Phật thừa "Như thật" đạo, lai thành "Chánh Giác" cố danh Như Lai. Như Lai kim thân tượng lục, nhất chỉ hoạt nhị

chung kêu là "Cờ bạc". Chỗ gọi cờ "Xu Bò" (*chỗ đựng cờ*) một phen xổ ra, ăn cả trăm cả vạn. Chữ "Nãi chí" (*nhấn đến*); cũng như chữ "đẳng sự" (*các việc*); đều là câu chuyện chơi vui chưa hết.

Các việc như trên đều là loạn tâm đạo, thêm nhiều tội lỗi.

Các việc như trên đều rối loạn chánh niệm, thêm lớn lòng tham sân, phiền não. Tội lỗi đường sanh tử từ đây mà ra. Thật chẳng phải trang "Thích Tử" chỗ nên làm vậy.

Than ôi ! Há chẳng răn dè ư ?

Trong ĐẠI LUẬN nói : "Âm thanh, sắc tướng giả tạm không phải vật còn hoài liền nghe liền diệt. Thế mà đưa ngu si chẳng hiểu cái thanh tướng vô thường biến mất. Cho nên đối với trong cảnh âm thanh quấy sanh tâm ưa thích, đến nổi tiếng nói qua rồi, còn để tâm mê đắm. Những người có Trí biết tiếng kia sanh diệt, trước chẳng chờ sau, sau chẳng kịp trước, thì đâu có tướng cũng như không tướng. Vậy quan sát được như thế, thời mới khỏi đắm mê, những người như thế, dù âm nhạc chư Thiên, cũng chẳng loạn cho họ được hưởng chi tiếng của nhơn loại. Như đây hết thảy các món nhơn duyên đều là đức Phật quả tội lỗi những người ưa đắm thính trần. Kia, như đức Đại Ca Diếp nghe trời Thiên Vương khảy đờn cầm còn đứng dậy múa men không thể tự yên; hưởng chi chúng phàm phu, há chẳng răn dè cho lắm ư ?

ĐIỀU THỨ TÁM : KHÔNG ĐƯỢC NGỒI GIƯỜNG CAO RỘNG LỚN.

Muốn thân khỏi nhiễm trần, cho nên; "không ngồi", quá lượng Phật dạy cho nên nói "cao rộng".

Giải rằng : "Phật dạy giường dây, cao chẳng quá tám ngón tay đức Như Lai", quá đấy thời phạm.

Như Lai, là hiệu đầu trong mười hiệu ⁽⁴⁹⁾ của đức Phật. Như Lai là gì ? Đức Phật Thế Tôn nương cái đạo "Như thật" đến thành ngôi "Chánh Giác" cho nên gọi là Như Lai,

thốn, bát chỉ đương châu xích, nhất xích lục thốn. Việt tư lượng dã, cố viết "Quá thử".

A HÀM kinh vân : Túc trường xích lục phi cao. Hoạt tứ xích phi quảng. Trường bát xích phi đại. Phục hữu bát chương sàng : Nhất, kim. Nhị, ngân. Tam, nha. Tứ, giác. Ngũ, Như Lai. Lục, Duyên giác. Thất, La Hán. Bát, Sư Tăng. Tiên tứ, ước vật biện quới, thể bát hiệp tọa. Hậu tứ, ước nhơn biện đại, tủng linh địa phô, nghi ư tôn nhơn, diệc bát hiệp tọa. Ngôn thẳng sàng giả, hoặc dĩ thảo ma đấng đấng, chức thành, cước hữu khúc trực, nhược thẳng, nhược mộc, quá lượng giai phạm.

Nãi chí tất thể điều khắc, cập sa quyển trưởng nhục chi loại, diệc bát nghi dụng.

ĐẠI LUẬT vân : "Sàng hữu nhị chương. Nhất, "cao". Nhị "hạ" Tì sàng danh "hạ". Thô tộ diệc danh "hạ". "Cao" đại danh "Cao". Diệu hảo diệc danh "cao" ? Diệu hảo tức tất thể điều khắc, kim, ngân, nha giác đấng. Như thị chi sàng, cập sa la quyển trưởng, thượng diệu chiên nhục, giai phi xuất thể đạo nhơn chi nghi, nãi vương thần tục sĩ sở quý. Vi Phật minh chế, tự bại kỷ đức, cố viết : "Bát nghi dụng dã". "Loại" giả, du nhất thiết quý giá bị tịch đấng, thị dã.

Cố nhơn dụng thảo vi tòa, túc ư thọ hạ. Kim hữu sàng tháp, diệc ký thẳng hĩ, hà cánh cao quảng, tủng tứ huyển xu ?

Kim thân đức Như Lai cao trượng sáu, một ngón tay rộng hai tấc, theo thước nhà Châu, cộng tám ngón thành một thước sáu tấc. Quá lượng đó, cho nên nói chữ "Quá thử" (một ngón Như Lai bằng ba ngón người thường).

Kinh A HÀM dạy cách thức đóng giường như thế này : Chân giường cao một thước sáu tấc (1^m60) Bề rộng bốn thước (4^m00). Bề dài tám thước (8^m00). Lại có tám thứ giường như sau đây : 1/ Giường bằng vàng. 2/ Giường bằng bạc. 3/ Giường bằng ngà. 4/ Giường bằng sừng. 5/ Giường Như Lai. 6/ Giường Duyên Giác. 7/ Giường La Hán. 8/ Giường Sư Tăng. Bốn thứ giường trước là vật quý trọng, người tu không nên ngồi. Bốn giường sau, là bực lớn ngồi, dầu cho trải dưới đất ngồi, chớ không dám ngồi tám thứ giường nói trên, vì nhường người bực lớn. Nay nói giường cây và giường dây, là hoặc lấy cỏ, gai và mây bện làm, chân có cong có ngay, hoặc giường dây, hoặc giường cây, song quá lượng đức Phật dạy đều phạm.

Nhấn đến sơn vẽ chạm trổ và các thứ màn nệm, bằng hàng lụa, cũng chẳng nên dùng.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Giường có hai thứ : Một, giường bực "cao". Hai, giường bực "hạ". Thế nào giường bực "hạ" ? Giường thấp gọi là bực "hạ", thô xấu cũng gọi bực "hạ". Thế nào gọi là giường bực "cao" ? Cao lớn gọi là bực "cao", tốt đẹp cũng gọi là bực "cao". Tốt đẹp là gì ? Tốt đẹp tức là sơn vẽ, chạm trổ, giường vàng, giường bạc, ngà, sừng, v.v... Những giường như thế với những vật mừng màn bằng the lụa, mền nệm đồ thượng diệu, đều không phải người học đạo xuất thế dùng, vật quý trọng của vua, tôi, tặc, sĩ, cần, dùng. Trái lời Phật dạy, lại tổn đức mình; cho nên nói câu : "Bất nghi dụng thử" (không nên dùng đấy). Chữ "Loại" là các thứ, nghĩa là còn bao nhiêu những thứ mền chiếu quý giá v.v...

Người xưa dùng cỏ làm đồ ngồi, đêm thì nằm dưới gốc cây. Nay ta có giường chống cũng đã hơn xưa rồi, sao muốn cao rộng buông lung vóc huyền ?

Sàng hiệp nhi trưởng giả, viết "tháp". "Cổ nhờn giả "cổ đức cao tăng" dã, hoặc trụ thâm sơn hoặc y thọ hạ, dĩ thảo vi tòa, khởi tắc kinh hành tọa tức thiên tứ.

Kim cư quảng hạ mật ốc, túc ư cao sàng trường tháp, khả vị thắng bỉ thọ hạ thảo tòa, đa hí, hà dụng cánh phục cao quảng, tủng tứ huyền xu, thất "Sa môn" chi cao phạm, vi "Phật" "Tổ" chi thùy ngôn.

"Đồng Lâm" Hổn Dung thiên sư, thị chúng viết ; "Tị vạn thặng tôn vinh, thọ lục niên cơ đồng, bất ly thảo tòa, thành đẳng "Chánh Giác" độ vô lượng chúng. Thử "Huỳnh Diện Lão gia" xuất gia dạng tử" hậu bối vong bốn, phản vị khẩu thể, như Phật ngôn viết : Vi "Sa Môn" giả, khứ thể tư tài, khát thực, thủ túc, nhật trung nhất thực thọ hạ nhất túc, thận bất tái hí".

Cổ Đường "Thông Huệ Thiên Sư" nhập "Thái Bạch" sơn, bất tê lương thực, thủ cấp thảo quả, khát tắc ẩm thủy, tức tắc y thọ, kinh ư ngũ niên, nhờn dĩ mộc đả khối, khối phá hình tiêu, quách nhiên "Đại ngộ".

"Kinh Vân Pháp Sư" nhập "Thái Sơn", kiết thảo vi y, thập quả vi thực, hành PHÁP HOA Tam muội, cảm "Phổ Hiền" hiện thân chứng minh. Như tư "cao đức" phi nhất, bị tải Truyền Đăng Cao tăng" truyện trung, tự đương tâm duyệt. Ngôn huyền xu giả. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tứ đại dã nhi thành thân, hư vọng bất thật, du như mộng huyền, ngu phu bất liễu, chấp chi vi thiệt, thị dĩ tứ tình tủng dục, tăng trưởng lậu nghiệp, trường luân tam hữu dã.

"Hiếp Tôn Giả", nhất sanh hiệp bất trước tịch.

Giường hẹp và dài kêu là cái "chống". Nói người xưa đó, là các ông "Cao Tăng đại đức" đời xưa vậy; hoặc có ông ở trong thâm sơn, hoặc có ông ở dưới gốc cây, lấy cỏ làm đồ ngồi, lúc dậy thì đi kinh hành, ngồi thì Thiền định; đâu có thì giờ rảnh buông lung.

Ta nay ở nhà rộng, phòng kín, ngủ thời ngủ trên giường cao và chống dài, cũng đã hơn các Ngài ở dưới gốc cây, ngồi tòa cỏ, bội phần, lẽ nào còn muốn cao và rộng buông lung thân huyễn mất cái hạnh thanh cao của "Sa Môn", trái lời di ngôn của "Phật" và "Tổ".

Chùa "Đông Lâm" đức "Hỗn Dung thiền sư" dạy trong chúng rằng : "Đức Thích Ca bỏ ngôi cao sang muôn cổ, chịu cái khổ đói lạnh sáu năm, không lia tòa cỏ thành bực "Chánh Giác", độ chúng sinh không lường. Đây là cách thức ông "Huỳnh Diện Lão Gia" (*Đức Phật*) xuất gia người đời sau, quên căn bản, trở vì việc ăn mặc, như đức "Phật" đã dạy làm "Sa môn" là người bỏ của cải đời, xin ăn vừa đủ, giữa ngày một bữa ăn, dưới gốc cây ngủ một đêm, dè chớ thêm nữa vậy.

Nên đời Đường đức "Thông Huệ thiền sư" vào non "Thái Bạch" không đem lương thực, dùng đỡ rau trái. khát thời uống nước lạnh, nghỉ thời nương gốc cây, trái được năm năm; như một bữa ông lấy cây đập khối đất(?) khối bể hình tan, rỗng vậy "Đại ngộ".

Ngài "Kinh Vân Pháp Sư" vào núi "Thái Sơn" kết cỏ làm áo, lượm trái làm cơm ăn, tụng Kinh PHÁP HOA được chánh định, cảm đến đức "Phổ Hiền" hiện thân chứng minh. Các vị "Cao đức" như đây, chẳng phải một, đủ chép trong bộ truyện "Truyện Đăng Cao Tăng" ta nên tìm coi. Nói thân huyễn là gì ? Bốn đại : Địa, Thủy, Hỏa, Phong, giả hiệp mà thành thân này, luống dối không thật như chiêm bao, như bóng bọt. Thế mà dựa ngu không hiểu chấp cho là có thật, cho nên lung tình dục vọng, thêm lớn lậu nghiệp hằng sa trong ba cõi.

Ông "Hiếp Tôn Giả" một đời lưng chẳng đặt xuống chiếu.

Tôn Giả, Trung Thiên Trước nhơn, bốn danh "Nan Sanh", do tại mấu thai, lục thập niên thỉ sanh nhơn dĩ vi danh, xuất gia niên vãn, đắc ngộ cứu Tổ "Phục Đà Tôn giả" chấp thị tả hữu, vị thường thùy mạnh nhựt tác phi duyệt tam tạng, dạ tắc tọa thiên nhơn kỳ hiệp bất chí tịch; cố thể xưng viết : "Hiệp Tôn Giả", tức "đệ thập Tổ hoặc vãn cứu Tổ".

"Cao Phong Diệu Thiên Sư" tam niên lập nguyện, bất triêm sàng đặng.

Nguyên "Cao Phong Diệu Thiên Sư" phục sài vi khám, đông hạ nhất nạp, đảo tông hòa mê vi thực, hậu vãng "Thiên Mục" sơn tây nam trúc nhất tiêu thất, bằng viết : "Tử Quan" kỳ nhan phi thê mạc đặng, nhi khứ thê đoạn duyên, tuy Đệ tử hân đắc chiêm thị cố nội vô sàng đặng, ngoại tuyệt cấp thị, bất tháo thân, bất trĩ phát, tiết anh vi đặng, tinh nhậ nhất thực, tam niên yển như dã. Kim thời xuất gia, giới đức vị cụ, tâm địa vị minh, an hưởng vô ngu, khả bất tự hủy sát hò, hiệu bất trĩ phát, tự hiệu "Đầu Đà", ninh bất đại mậu tai !

"Ngộ Đạt" thọ trầm hương chi tòa, thượng tổn phước nhi chiêu báo.

Đường "Tri Huyền Pháp Sư" tục tánh "Trần", tam học đồng quán, danh cái nhất thời, dị tích vưu đa, cố thể hiệu vi "Trần Bồ Tát", sư ngũ tuế năng thi, thập tứ giảng NIẾT BÀN kinh, "Lý Thương Ẩn" tặng thi vân :

Thập tứ Sa di năng giảng Kinh.

Tự sư niên kỷ chỉ huề bình.

Sa di thuyết pháp Sa môn thính.

Bất tại niên cao tại tánh linh.

Ông "Hiếp Tôn Giả" người nước Trung Thiên Trước" tên ngài là "Nan Sanh" (khó sanh). "Nan Sanh" là gì ? Bởi Ngài ở trong thai mẹ sáu mươi năm mới sanh; nhưn đó mà đặt tên là "Nan Sanh", tuổi già xuất gia, được gặp Tổ "Phục Đà Tôn Giả" (tổ thứ chín). Hầu hạ đôi bên, chưa từng ngủ nghỉ, ngày thời dờ xem ba tạng, đêm lại ngồi thiền, lưng không đặt xuống chiếu, cho nên người đời nhưn đó đặt cho ông một tên riêng là "Hiếp Tôn Giả" Ngài làm vị "Tổ" thứ mười có chỗ nói "Tổ" thứ chín.

Tổ "Cao Phong Diệu thiên sư" nguyện đứng ba năm chẳng nương giường chõng.

Đời nhà "Nguyên" Tổ "Cao Phong Diệu Thiên Sư" bó củi làm cái khảm, mùa đông mùa hạ, một áo nạp, đấm trái tòng trộn cháo mà ăn. Sau qua non "Thiên Mục" gộp phía Tây làm một cái thất nhỏ, bảng đề hai chữ "Tử Quan" (ái chết), gộp đó không thang chẳng lên được; nhưng Tổ lên rồi, rút cả thang và cắt cả dây, đệ tử của "Tổ" tuy nhiều, nhưng ít ai thăm viếng được, cho nên trong thất không giường, không chõng, bề ngoài bắt người nuôi dưỡng, thân chẳng tắm, tóc không cạo, khẻ cái hủ làm cái nồi, mỗi ngày ăn một bữa, ba năm lặng trang như vậy. Người xuất gia đời bây giờ, giới đức chưa đủ, lòng dạ chưa tỏ, an hưởng không lo, đâu chẳng hổ mình lắm sao ? Thế mà bắt chước không cạo tóc, gọi mình tu hạnh Đầu Đà, ⁽⁵⁰⁾ đâu chẳng lắm to ư ?

Ngài "Ngộ Đạt" thọ tòa trầm hương còn tồn phước mà mắc báo.

Đời Đường Ngài "Tri Huyền Pháp Sư" tục kêu họ "Trần", ba việc học lâu thông, danh trùn một thuở, tích lạ rất nhiều, nên đời gọi Ngài là "Trần Bồ Tát". Ngài năm tuổi làm thi được, mười bốn tuổi giảng kinh NIẾT BÀN, ông "Lý Thương Ân" tặng cho Ngài một bài thi :

Sa Di mười bốn giớ giảng kinh,

Tuổi cỡ như ông chỉ mang bình.

Sa di nói pháp Sa môn thánh, (nghe).

Chẳng nghĩ tuổi cao trọng tánh linh,

"Ý Tông" tứ trâm hương bửu tòa, cao nhị trượng dư; "Hi Tông" tứ hiệu viết : "Ngộ Đạt Quốc Sư", nhị đế cúng dường, long hậu phi thường, hậu hốt định trung, kiến Bồ tát giáng, thủ ma "Huyền" đánh, diễn thâm diệu "Pháp", nhi an úy chi, ngôn ngật tức ẩn, nga kiến nhất châu, nhập "Huyền" tả cổ, long khởi thống thậm, thượng hữu "Triệu Thố" nhị tự, toại thành nhưn. Diện sang, nhị "Huyền" tiên thân, thị Hán "Viên Ân", tấu trâm Thố yêu ư Đông thị "Huyền" thập thế vi "Cao tăng". "Thố" cầu báo bất đắc. Nhưn quá thọ nhưn chủ lũng ngộ, nhưt niệm danh lợi tâm khởi ư đức hữu tổn, cố năng hại chi, hậu nghệ "Tây Thục", ngộ "Ca Nặc Ca" tôn giả, tẩy dĩ tam muội thủy tức đủ tường nhưn bốn truyện.

Y khả bất giới dư ?

Thử sàng tòa trượng nhục, nãi tứ "Thánh chưởng" trung chính nhất, danh "ngọa cụ tri túc thánh chủng", ư thử "tri túc", tắc năng tấn tu đạo nghiệp, chứng tam bồ đề, cố danh "thánh chủng", nhược bất tri túc, tắc đạo quả vô phần, "Thánh chủng" thất hĩ ?

Như "Ngộ Đạt Quốc Sư", kiến giải siêu thời hạnh vị vị trắc, do bất tri túc, nhất niệm tâm khởi, đức tổn họa chí, ngã bối hà nhưn, bất dĩ vi hậu giới tai ?

CỬU VIẾT : BẤT PHI THỜI THỰC

Thật cần, ly quá trung chi vị trần, cố viết, "Bất phi thời thực".

Đời Đường vua "Ý Tông" ban cho Ngài bửu tòa bằng trầm hương, cao hơn hai trượng, thỉnh Ngài ngồi thuyết pháp. Vua "Hi Tông" ban hiệu cho Ngài "Ngộ Đạt Quốc Sư". Hai vua cúng dường long trọng phi thường, sau rồi bỗng nhiên ở trong thiền định thấy vị Bồ tát "Ca Nặc Ca" giáng, tay rờ đầu "Huyền" nói Pháp màu cao thượng mà an ủi và căn dặn v.v... nói rồi liền ẩn. Bỗng nhiên thấy một hột châu lăn vào cổ vế bên trái của "Tri Huyền" nổi sưng nhức lắm, trên có hai chữ "Triệu Thố" liền thành mụn ghẻ hình mặt người. Xét đời trước của "Tri Huyền" là ông "Viên Án" làm quan đời nhà "Hán", tâu vua chém ngang lưng ông "Triệu Thố" tại chợ phía Đông, quả báo bắt đầu từ đây. Bởi "Huyền" 10 đời làm vị "Cao tăng", nên "Triệu Thố" hết sức đòi báo, mà không hại được. Như "Huyền" quá thọ sự yêu đãi của nhà vua, một niệm móng tâm danh lợi, đối đức có tổn, nên "Triệu Thố" mới hại được. Nhưng sau qua đất "Tây Thục" nhờ gặp Ngài "Ca Nặc Ca tôn giả" lấy nước "Tam muội" rửa cho mới lành. Sự tích này rõ trong bốn truyện (*lịch sử của ông*).

Than ôi ! Khá chẳng răn ư ?

Song giường, mùng, mền, và toa cụ đây cũng là một món trong bốn món Thánh chủng⁽⁵¹⁾ nên gọi là "Ngọa cụ tri túc thánh chủng". Thế nào là "Tri túc thánh chủng" ? Đồ ngồi và nằm, biết vừa đủ chớ quá cao sang, để tấn tu đạo nghiệp, hầu mong chứng quả Bồ đề đức Phật nên gọi "Tri túc thánh chủng". Thế nào không "Tri túc thánh chủng" ? Nếu không tri túc như trên, thời đạo quả vô phần và "Thánh chủng" cũng mất nữa. Nói tóm lại, như Ngài "Ngộ Đạt Quốc Sư" chỗ kiến giải hơn người, ngôi thứ biết bao, bởi không tri túc một niệm móng tâm, đức tổn họa đến. Bọn ta người chi, chẳng lấy đó để răn lớp sau ư ?

ĐIỀU THỨ CHÍN : "KHÔNG ĂN PHI THỜI"

Thế nào "không ăn phi thời" ? Cuống lười đối với món ăn, qua khỏi giữa ngày không ăn, gọi : "Không ăn phi thời

Giải viết : "Phi thời" giả, quá nhất ngộ, phi tăng thực chi thời phần dã, chư Thiên tảo thực, Phật ngộ thực, súc sanh ngộ hậu thực, quỷ dạ thực, tăng nghi học Phật, bất quá ngộ thực.

ĐẠI LUẬT vân : "phi thời" giả, hữu nhị phần tề : nhất, vị nhất quá trung; nhị, vị minh tướng vị xuất. Hựu vân : "Nhất ảnh quá tây, nhứt phát nhứt tuyến, tức viết "phi thời". Kim vân : "nhứt ngộ" giả, nãi thuận thủ phương chi ngôn; đích y Kinh Luật, ưng vân : "nhất trung". Lương dĩ ngộ phân bát khác; tiền tứ danh "thời"; hậu tứ "phi thời" khùng nhưn hỗn lạp, cố bất ngôn "ngộ" nhi ngôn "trung" dã.

KHỞI THẾ NHƠN BỔN Kinh vân : "Ô phô sa tha" thủ ngôn "Tăng Trưởng" vị thọ trì trai pháp, tăng trưởng thiện căn. Cố Phật Giáo dĩ quá "Trung" bất thực, vi trai.

Như TỶ LA TAM MUỘI KINH, dĩ "ngộ" thực vi "pháp" thực. "Bình Sa Vương" vấn Phật : "Hà cố Phật "Nhất trung" thực ? Phật ngôn : "Tảo khởi chư Thiên thực, nhất ngộ tam thế chư Phật thực, nhất Tây súc sanh thực, nhất mộ quỷ thần thực". "Như Lai" dục đoạn lục thú nhưn, linh nhập đạo trung cố chế linh đồng tam thế Phật thực. Sở dĩ "Như Lai" hằng xử trung đạo, tự đán Vương cung nãi chí "Niết bàn" trung gian vị thường "phi thời" đạm thực.

Kim thời học giả, hữu phân "thiên" phân "Luật" tự vị : "Thiên" vô câu chấp, nhậm hám nhậm xan, tác phóng tứ vô úy, thực vô trú dạ. Ninh tri "Thiên" thị Phật tâm, "Luật" thị Phật hạnh. "Đại thừa" "Tiểu thừa", tất giai đồng học. Cố LUẬT BỔN vân : "Đồng nhứt sư học, như thủy nhũ hiệp; ký đồng nhất "Như Lai Đại Sư" Giáo học, hà đắc "Thiên" "Luật" các phân,

Giải rằng : "Phi thời" là gì ? Quá giờ Ngọ, chẳng phải thời phần của ông Thầy ăn vậy... Tại sao thế ? Bởi sớm mai chừ Thiên ăn. Giờ Ngọ Phật ăn. Sau giờ Ngọ loài Súc sinh ăn và tối Ngọ quỷ ăn. Ông Thầy học theo Phật, quá giờ Ngọ không ăn.

ĐẠI LUẬT nói : "Phi thời" có chia hai phần : Một, quá giữa ngày. Hai, mặt trời chưa mọc. Lại nói : "Bóng mặt trời qua phía tây, một mây tóc, một sợi chỉ, tức gọi "Phi thời". Nay nói : chữ "Nhật Ngọ" là nói theo lời phương đây, cứ y Kinh Luật thời phải nói chữ "Nhật trung" mới đúng. Bởi vì chữ "Nhật Ngọ" có phân tám khắc; bốn khắc trước gọi "Phải thời"; bốn khắc sau gọi là "Phi thời" sợ người lộn lạo nên không nói "Nhật Ngọ" mà chỉ nói "Nhật trung" (*mặt trời đứng bóng*).

Kinh KHỞI THẾ NHƠN BỐN nói : "Tiếng Phạm gọi "Ô phô sa tha", tiếng Hán nói "Tăng trưởng" (*thêm lớn*). "Thêm lớn" là gì ? Chịu ăn chay giữ giới, thêm lớn căn lành, nên Phật dạy "Không ăn quá "Nhật trung" là chay".

Như kinh TỶ LA TAM MUỘI nói : "Ăn nhật Ngọ là "ăn đúng phép". Ông "Bình Sa Vương" hỏi Phật : "Vì sao Phật ăn "nhật trung" ? Phật nói : "Có bốn thời kỳ : 1.- Sớm mai chừ Thiên ăn. 2.- Nhật trung thời ba đời chừ Phật ăn. 3.- Mặt nhật qua phía tây súc sanh ăn. 4.- Mặt nhật lặn thời Quỷ thần ăn". Đức "Như Lai" muốn đoạn nhơn trong sáu thú, đặng vào lý trung đạo nên chế dạy đồng ăn theo các đức Phật ba đời. Sở dĩ đức Như Lai hằng giữ lý trung đạo, từ khi sanh trong cung vua, cho đến lúc nhập "Niết bàn" chặng giữa chưa từng ăn uống phi thời.

Thế người học đạo đời bây giờ lại chia ra "Thiền" và "Luật", tự nói "Thiền" không câu chấp, ăn uống tự do bụng lung không trên, ăn không ngày đêm. Đâu biết "Thiền" là tâm Phật, "Luật" là hạnh Phật. "Đại thừa", "Tiểu thừa" đồng học hết thầy. Nên trong LUẬT BỐN nói : "Đồng học một Thầy như nước và sữa hiệp nhau; song đã đồng học một "Giáo Pháp" của đức "Như Lai Đại Sư", đâu đặng chia phân

như thủy nhũ hiệp, khởi khả hộ tương để độ; hữu giới du nhưn chi y thực, phi y thực, tác nhưn hề tồn, "Thiên" vô "Luật", tác tăng an tại.

Cố ĐẠI LUẬT văn : "Tỳ ni tạng" giả; thị "Phật Pháp" thọ mạng, "Tỳ Ni tạng", trụ "Phật Pháp diệt trụ". Thị cố "Như Lai" thù tương "Niết Bàn", du truân truân hối chúc, sử y "Ba La Đề Mộc Xoa" vi sư; "Ca Diếp" phụng chi chung thân, nhật trung nhất thực. Tổ Tổ truyền trì, vị thường hữu hủy giáo diệt Luật giả, cầu năng kiến quá "Như Lai", hạnh siêu "Ca Diếp", nhất nhậm hủy chi diệt chi, như hoặc vị nhiên, tốc nghi tri cải, khởi hữu ngộ "Phật Tổ" chi tâm, nhi hủy "Phật Tổ" chi hạnh; Du đọc "Khổng Tử" chi thơ, nhi phi "Khổng Tử" chi lễ thế nho thượng bất khản vi, hướng Thích Tử học xuất thế chi đạo, nhi nhấn phi "Thích Tôn" chi giáo hồ !

"Ngạ Quỷ" văn oản bát thỉnh, tác yết trung hỏa khởi, cố ngộ thực, thượng nghi tịch tịnh hướng quá ngộ hồ ?

Yết, hầu dã, do nhưn xan tham, cố đọa ngạ quỷ đạo trung, yết tiểu như châm, phúc đại như cổ, thường vi cơ khát sở bức. Nhược văn oản bát chi thỉnh, tác hầu trung phát diễm, nhi tự thiêu nhiên. Ngộ tiên tuy phi Ngạ Quỷ thực thời, thượng nghi tịch tịch, vô linh văn thỉnh hỏa khởi, nhi thọ thiêu nhiên chi khổ. Hướng ngộ hậu, chánh đương quỷ thực chi thời, linh văn thỉnh kiến thực, tức nội ngoại thiêu nhiên. "Thích Tử" từ tâm, hà nhấn bỉ khổ, nhi tự an xan. Thị cố nhị thời chúc phạn, du thí thực, chú nguyện, linh bỉ hoạch an, hướng phi thời hám thực, sử kỳ sanh khổ; đại quai "Bồ Tát" chi tâm, phi "Thích Tử" chi từ hạnh dã.

"Thiền" và "Luật". Như nước và sữa hiệp nhau, dầu nên chề bai cùng nhau. Huống chi "Giới Luật" cũng như món áo cơm của người; không cơm ăn không áo mặc thì người phải chết. "Thiền" mà không "Luật" ông Thầy đâu còn.

Cho nên trong Đại Luật nói : "Tạng Tỳ Ni" đó là mạng sống của "Phật Pháp". "Tạng Tỳ Ni" còn, là "Phật Pháp" còn. Cho nên đức "Như Lai" khi sắp nhập "Niết bàn", còn khăng khăng thiết tha, những lời trăng trối trong giờ phút cuối cùng, muốn cho các hàng Đệ tử phải giữ theo giới "Ba La Đề Mộc Xoa" làm Thầy, cho nên đệ tử lớn là ngài "Ca Diếp" vưng đó trọn đời, giữa ngày một bữa ăn. Tổ tổ truyền giữ, chưa từng có vị nào chề "Pháp" bỏ "Luật". Dầu mình đặng sở kiến hơn đức Như Lai, hạnh tu hơn Ngài "Ca Diếp" mặc dầu chề "Pháp" bỏ "Luật", còn như chưa được vậy, mau phải biết chừa, dầu nở tỏ tâm của "Phật Tử", mà chề hạnh của "Phật Tử". Cũng như người đọc sách "Khổng Tử" mà chề việc lễ của đức "Khổng Tử". Kể thế Nho còn chẳng chịu làm, huống trang "Thích Tử" học đạo xuất thế, mà nở chề lời dạy của đức "Thích Tôn" hay sao ?!

Loài "Ngạ Quỷ" nghe tiếng chén bát, thời trong cổ nổi lửa; cho nên ăn giờ ngộ, còn phải vắng lặng, huống quá giờ ngộ ư ?!

Trong cổ nổi lửa là gì ? Bởi người đời trước xan tham nên nay dọa trong loài Ngạ quỷ, cổ nhỏ như kim, bụng to như cái trống thường bị đói khát ép ngặt. Nếu nghe tiếng chén bát, thời trong cổ nổi lửa, đốt cháy thân mình. Trước giờ ngộ, tuy không phải giờ Ngạ quỷ ăn, nhưng còn phải vắng lặng, chớ để nó nghe tiếng, lửa cháy mà chịu cái khổ thiêu đốt. Huống chi sau giờ ngộ, chính nhằm giờ quỷ ăn, cho nó nghe tiếng thấy đồ ăn thời trong tâm ngoài thân đốt cháy. Con nhà họ Thích tâm từ, nở nào nó khổ mà mình ăn đành. Cho nên hai thời cháo cơm, còn thí thực, chú nguyện cho nó đặng yên; huống ăn uống phi thời, khiến kia sanh khổ. Rất trái tâm vị Bồ tát, chẳng phải hạnh từ của trang Thích Tử.

Tích hữu "Cao Tăng", văn lân phòng tăng, ngộ hậu cử thoán, bất giác thế khắp bi "Phật Pháp" chi suy tàn dã.

"Thoán" âm "Thoán", tấn hỏa viết : "Thoán". Khí thượng viết "Xuy" vị, cử hỏa chữ thực dã.

Tích "Pháp Huệ Thiên Sư", trụ Nghiệp tự, văn lân phòng "Tỳ kheo", ngộ hậu cử thoán, tự niệm khứ "Thánh" thời diêu, nhưn đa bất thủ "Giới Luật" nhưn thương "Phật Pháp" chi suy tàn, bất giác lệ hạ triêm khâm. Kim nhưn ký vô cổ "Hiên" hộ "Pháp" chi tâm, nhi phản sanh hủy báng an nhiên vô quý khả hồ !

Tống "Huy Tông" hoặc vu Đạo Sĩ "Lâm Linh Tố" yêu ngôn : cái Phật vi Đạo, Pháp Sư "Vĩnh Đạo" thượng số trần gián."Đế" đại nộ, thân Vĩnh phú "Khai phong" ngục "Thung Lăng" Thú, Vị sư viết : "Đạo nhưn" sơ thực thả bất quá trung, thậm phi tự toàn kế, nghi nhưn huân huyết. Sư chân nhiên viết : "tử tắc tử nhi""Phật" cấm bất khả phạm dã" Hựu Đường Pháp Sư""Ngộ Ân" tự "Tu Kỹ" thời xưng "Nghĩa Hồ" bình thời nhất thực, bất ly y bát, bất súc tài hóa, thần chúc thân thị minh tướng, mỗi "Bố Tát". Đại chúng vân tập, tìm nhiên lệ hạ. Cái tư đại tập, hữu : "Vô giới Tỳ kheo mãn Diêm Phù" chi ngôn dã.

Kim nhưn, thể nhược đa bệnh, dục sắc sắc thực giả, hoặc bất năng tri thủ giới, cố cố nhưn xưng văn thực vi dược thạch, thủ liệu bịnh chi ý dã, tất dã tri vi "Phật" chế, sanh đại, tâm quý, niệm ngạ quỷ khổ, thường hành bi tế, bất đa thực, bất mỹ thực, bất an ý thực, thứ cơ khả nhĩ.

Xưa có vị "Cao Tăng", nghe ông Thầy gần liêu, sau giờ Ngọ nổi lửa, thoát vậ sa nước mắt thương "Phật Pháp" rất suy tàn.

Nhúm lửa gọi chữ "Thoán". Hơi xông lên gọi chữ "Xuy" cũng đồng một nghĩa nhúm lửa nấu đồ ăn.

Xưa ông "Pháp Huệ Thiên Sư" ở chùa áp "Nghiep", nghe ông "Tỳ kheo" gần liêu, sau giờ Ngọ nổi lửa nấu đồ ăn. Tự nghĩ : "Cách Phật lâu đời, nhiều người không giữ giới luật, nhưn thương "Phật pháp" suy đồi bụi ngùi rơi lụy ướt "bôi" (áo). Người đời bây giờ đã không tâm hộ "Pháp" như các vị "Cổ Hiền" mà trở sanh tâm hủy báng, đành lòng không hổ hay sao ?"

Đời Nhà Tống vua "Huy Tông", nghe lầm lời yêu nghiệt của đạo sĩ, người "Lâm Linh Tổ" cãi đạo Phật theo Đạo Sĩ. Pháp sư "Vĩnh Đạo" đứng đơn tố bày và can gián. "Vua" nổi giận bắt "Vĩnh" giam trong ngục ở huyện "Khai Phong", Quan Thái Thú đất Thung Lăng bảo pháp sư rằng : "Người tu ăn chay và quá "Nhất ngộ" không ăn, rất không được kể bảo toàn. Vậy thì nay Sư nên ăn đồ huân Huyết. Sư nghẹn ngùi và nói : "Chết thời chết chớ giới cấm của Phật, không nên phạm vậy." Lại đời Đường ngài pháp sư "Ngộ An" tên "Tu Kỹ" đời kêu pháp sư "Nghĩa Hồ" thường ngày ăn một bữa, chẳng lia y bát, chẳng chứa của cải, thời cháo mơi, ra coi mặt trời mọc mới ăn, mỗi khi Bồ tát Đại chúng vân tập tủi lòng rơi lụy. Bởi ngài nhớ trong kinh ĐẠI TẬP có câu : "Vô giới Tỳ kheo, mãn Diêm Phù Đề". Nghĩa là : "Tỳ kheo không giữ giới, chạt nứt cõi Diêm Phù Đề".

Người đời bây giờ vóc yếu nhiều bệnh muốn ăn hoài hoài, hoặc giữ không nổi giới này. Cho nên bực cổ nhưn nói bữa ăn chiều cũng như vị "Dược thạch" (thuốc hay, lấy cái ý lành bệnh). Tuy vậy, nhưng biết trái lời Phật dạy sanh tâm rất hổ thẹn và thương khổ "Ngạ quỷ", thường thực hành việc bi tế, chẳng ăn nhiều, chẳng ăn ngon, chẳng đành lòng ăn, họa may mới được.

"Sắc giả" (tần) đã "Dược thạch" giả, cổ châm chích trị bệnh dụng thạch, kim tắc dụng thiết, dĩ tồn kỳ bốn, cổ vân : "dược thạch". Hựu ngũ thạch năng trị bệnh, diệp danh "dược thạch". Cổ nhưn xưng vân thực, vi "dược thạch" giả; nãi "cổ đức" quán cơ, nhất thời quyền nghi dã.

Ký vân : "Tất tri vi "Phật" minh chế, tắc bất khả chấp quyền mê thiết, dĩ vi thường đồ quy tắc, y pháp bất y nhưn phương vi chánh kiến "Phật tử". Dĩ tất tri vi "Phật" chế, cổ sanh đại tầm quý, do tầm quý cố, bất an ý thực, niệm nọa quỷ khổ, cổ thường hành bi tế. Dĩ bi tế cố, ư thực, tâm bất an ý sanh mỹ, nhi giảm phần thí tha, cổ bất đa thực dã. Như hữu trọng bệnh, phi cốc bất trị y giáo linh thực, thính ư bình xử dữ chi, ta dĩ tức tu đoạn tuyệt; huống liệu bệnh, tự hữu thang, cao, hoàn, tán. "Như Lai" thính phục ngũ quả bất tương, đường mật tô du, túc dĩ đủ tật, hà dụng hám tức, thiên vi "Phật giáo", tự chiêu tội lụy. Cổ "Thiên Thai" vân : "Bệnh cố hủy giới, như phá phù nang, tích nung huyết xú thân, phá thanh tịnh pháp thân".

XỬ XỬ Kinh vân : "Phật ngôn : "Trung hậu bất thực hữu ngũ phước : Nhất, thiếu dâm. Nhị, thiếu thù. Tam, đắc nhất tâm. Tứ, thiếu hạ phong. Ngũ, đắc thân an ổn; diệp bất tác bệnh; ký vân an ổn, phục bất tác bệnh, tắc hữu bệnh chánh nghi giới chi". Cổ vân : "Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Cổ ĐẠI LUẬT trung : "Tỳ khéo hữu bệnh, tức linh đoạn thực, dĩ ta vi độ, danh vi "Thiên y"; hữu bệnh vô bệnh, thường đương quan sát tử thân, vi "Sanh" "Lão" "Bệnh" "Tử" chi bốn, chúng khổ chi nguyên, thâm tự khắc trách, chế kỳ tình dục, hà dĩ tung bỉ ái căn, tự tăng khổ bốn ?

"Ăn hoài hoài" cũng như : thường thường ăn. "Dược Thạch" là gì ? Tức thuốc đá. Sao gọi là thuốc đá ? Hồi xưa, lấy thứ đá mài thành kim, chích trị bệnh, cũng như bây giờ dùng sắt làm kim để tiêm thuốc, còn giữ gốc xưa cho nên gọi là "Dược thạch" (thuốc đá). Lại năm thứ đá⁽⁵²⁾ có thể trị lạnh bệnh cũng kêu là thuốc đá. Tại sao Cổ Nhơn nói bữa ăn chiều là thuốc đá ? Chính vị "Cổ Đức" xem cơ người đời, một khi quyền cho vậy.

Đã nói rằng : "Vấn biết trái lời minh chế của đức "Phật", thời không nên chấp phép quyền, bỏ phép thiệt, lấy làm phép tắc thường hoài. Y pháp chẳng y người, mới phải là vị "Phật tử chánh kiến". Vì ắt biết trái pháp Phật nên sanh tâm rất hổ thẹn. Do vì hổ thẹn, nên chẳng nỡ đành ăn, do vì thương khổ "Nga quỉ", nên thường làm việc bi tế. Do vì bi tế nên khi ăn tâm chẳng nỡ đành sanh ngon, mà giảm phần cho nó, nên chẳng ăn nhiều vậy. Bằng có bệnh nặng, không cơm chẳng trị đặng, thầy thuốc dạy phải ăn, cho ở trong chỗ khuất mà ăn, lạnh rồi thời phải đoạn tuyệt, hưởng trị bệnh sẵn có thuốc cao, thuốc hoàn, thuốc tán. Như đức "Như Lai" cho ăn năm thứ trái⁽⁵³⁾, uống tám thứ nước⁽⁵⁴⁾, đường mật và vị tô du, đủ dùng lạnh bệnh, nào dùng ăn nhai, mịch trái lời "Phật" dạy, lại mang việc tội lỗi. Cho nên Ngài "Thiên Thai" nói : "Có bệnh quyết phá giới, như phá trái nổi, tiếc thân máu mủ hôi thúi, mà phá pháp thân thanh tịnh".

Kinh XỬ XỬ nói : "Phật dạy sau nhật trung không ăn có năm việc phước : Một, ít dâm. Hai, ít ngủ. Ba, dặng nhất tâm. Bốn, ít hạ phong. Năm, thân được yên ổn khỏi sanh bệnh. Đã nói thân yên ổn, và khỏi sanh bệnh, thì lúc có bệnh, chính phải răn dè". Người xưa nói : "Họa từ miệng ra, bệnh từ miệng vào". Cho nên trong ĐẠI LUẬT: "Thầy Tỳ kheo có bệnh tức phải nghỉ ăn, lấy lạnh làm chùng, kêu là "thuốc Trời". Có bệnh không bệnh thường phải quán xét thân này là gốc "sanh", "già", "bệnh", "chết" nguồn các khổ, rất phải trách móc, ngăn tình dục, cơ sao buông ái căn kia, lại thêm gốc khổ cho mình !?

Cố PHÁP UYỂN vân : "Duy vô thường khổ, không chi bi, niệm sanh, lão, b, nh, tử, chi hoạn, trường dạ bi đảo huyền chi khổ, phiêu luân hảm trụ chi nịch tư chi thống thương, diệp thâm khả cụ, nhi bất cụ lụy kiếp chi ương, dẫn ưu nhất thân chi mạng; sở dĩ bảo thực trường miên, hà dị đôn khuyển, phá trai dạ thực, quỷ đạo vô thù, thị cố thí chủ thất ứng thời chi phước. Chúng Tăng tổn lương điền chi chưởng, tỉ kiến "Biên phương" đạo tục, văn LUẬT khai thực quả trấp tương, toại tức thực càn tảo trấp, hoặc sanh lê, bồ đào, thạch lựu, bất đảo trấp ẩm, tinh tử tổng thực, tuy hữu đảo trấp, phi trùng sử thanh, thủ trực nung trấp, tinh tế nhi thực. Hoặc hữu văn khai thực "Xá lâu già tương" dĩ hoạn nhiệt bệnh, toại thủ ngẫu căn sanh thực, hoặc hữu thủ phạm trấp ẩm, hoặc vô cơ khát, phi thời thực tô, du, mật, thạch mật, đẳng; hoặc dụng hạnh nhơn, tiến, tác trừ thang, như thử lạm giả phi nhất bất khả cụ thuật.

Như hoặc bất nhiên, đắc tội di trọng.

"Di", "đại" dã, thậm dã. Như hoặc bất nhiên giả vị vô bệnh nhi thác bệnh, khinh bệnh nhi thác trọng, phục bất sanh đại tâm quý đẳng nhi hủy Phật cấm giới, đắc tội phi khinh, cố viết : "Di trọng". Cận thế "A Su", bất am Luật giáo, vị hữu thất sự nhơn duyên, phi thời đắc thực, viết; bệnh thời, tác y thời, thí y thời, đạo hành thời, thừa thuyên thời, đại chúng tập thời, sa môn thí thực thời. Nguyên thử thất sự, xuất "biệt chúng thực" giới, khai kỳ ngộ tiên, hữu thử thất duyên, đắc biệt chúng thực, phi vị ngộ hậu; thả dữ "phi thời thực" giới, huýnh bất tương can. Luật hữu minh văn, hà bất kiểm khán ? Nhị bá ngũ thập giới tương, thượng tự bất tri, nhi xưng vi "Tỳ kheo" giả; ninh bất quý tai ? Tự ngộ, ngộ nhơn, quá phi, tiêu hi.

Trong bộ PHÁP UYỂN nói : "Nghĩ cái thảm vô thường, khổ, không lo cái hại Sanh, Già, Bệnh, Chết, nhiều đêm thương cái khổ treo ngược, trôi lăn, dấm đuối, dọa sa, nhớ đến càng đau cũng rất ghê và đáng sợ, mà không sợ cái hại nhiều kiếp chỉ lo cái mạng một thân này. Thế nên mới ăn no, ngủ đả, khác nào heo chó, phá giới, ăn đêm, thua gì loại quý, cho nên người thí chủ mất phước cũng phải thôi. Chúng Tăng tổn giống ruộng tốt. Gần đây tôi từng thấy chốn "Biên Phương" kẻ đạo, người tục, nghe trong "Luật" mở cho uống nước trái cây, liền bèn ăn trái táo khô mà uống nước, hoặc ăn lê tươi, trái nho và lựu chẳng đậm lấy nước mà uống, ăn luôn cả hạt, tuy có đậm nước chẳng lóng cho trong, uống nước cạn cẩu và ăn vừa xác. Hoặc nghe "Luật" cho ăn trái "Xà lâu dà tương", để trị bệnh nhiệt, rồi lấy nõ sen ăn sống; hoặc có người uống nước cơm; hoặc khi không đói khát, phi thời ăn sữa, mật, đường phèn v.v... hoặc lấy trái Hạnh nhơn, sắc nước cho đặc mà uống. Người quấy như đây chẳng phải một, không thể biên đủ.

Như hoặc chẳng được vậy thời mắc tội rất nặng.

Tội "to lớn" gọi (*tội rất nặng*). Nhưng hoặc chẳng dặng vậy là gì ? Không bệnh mà giả bệnh, bệnh nhẹ mà giả nặng để ăn, lại chẳng sanh tâm rất hổ thẹn v.v... mà hủy cấm giới của Phật, mắc tội chẳng phải nhẹ cho nên nói là "đi trọng" (*rất nặng*). Đời bây giờ những ông Thầy thất học, không thuộc Kinh Luật, nói có bảy việc nhơn duyên được ăn phi thời. Bảy việc nhơn duyên là gì ?

Một, khi bệnh. Hai, khi đóng y. Ba, khi cúng y. Bốn, khi đi đường. Năm, khi đi ghe. Sáu, khi đại chúng nhóm. Bảy khi Sa môn thí cho ăn. Nguyên bảy việc đây, rút trong giới "Biệt chúng thực", nghĩa là : Luật khai cho trước giờ ngọ, có bảy duyên đây được ăn riêng chúng, chẳng phải nói sau giờ ngọ. Vả chẳng, giới "Biệt chúng thực" đối với giới "Phi thời thực" đây cách xa, không giống nhau. Trong văn Luật có nói rõ sao chẳng xét coi ? Hai trăm năm mươi giới tướng mình còn chẳng biết, mà xưng là "Tỳ kheo" đó. Sao chẳng hổ ư ! Minh làm còn khá, lại làm cho người khác, tội chẳng phải nhỏ vậy.

Tích "Phó Đại Sĩ", thị "Di Lạc Bồ Tát" hóa thân, mỗi hành thanh trai, cảnh nhứt bất thực, giảm xan di thí bần nổi. Kim giả nhị thời bảo thực, du bất tri quý, cố vi "Phật chế", bất quan "Tổ Đức", bất niệm tha pháp, yên đắc danh vi "hảo tâm xuất gia".

Hoặc viết : "Vĩnh Gia" vân : "Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết, hề tại tóa tóa hành trì ? - Đáp viết : "Tư minh "thật tế lý địa" bất thọ nhứt trần, trí ư "Chơn Như Phật tánh" thượng bất lập, hướng kỳ tha tiểu tiết hồ ? Như vân : "dâm phòng tử tử" vô phi "thanh tịnh đạo tràng" cầu chấp. "Sự" ngôn chi, tắc nhập "Địa ngục" như tiền. "Ca Diếp" kiết tập, du bất xả vi tế chi giới, hà vân bất câu ? Nhược kỳ thượng thượng căn nhơn, đắc sự sự vô ngại, tắc vạn sự môn trung, bất xả nhứt pháp, hựu hữu hà tiểu tiết nhi kiến câu da ?

- Hoặc viết : "Hữu nhị Tỳ kheo phạm dâm, sát, Ba Ly, tăng tội kiết, Duy Ma, đốn trừ nghi, thử phục vân hà ?".

- Đáp viết : "Tư minh vô tâm phạm dã; bỉ nhị "Tỳ kheo" cộng trụ sơn am, nhất ngoại xuất du hành, nhất tại am tọa thiên thù thực. "Tiêu Nữ" nhập am, thâm phạm tịnh giới, tự tâm bất duyệt. Bỉ ngoại xuất giả huờn, cu trần thượng sự, bỉ tức sân trực "Tiêu Nữ". Nữ bố đọa khanh nhĩ tử; Nhị tâm cu hoài ưu não, nhứt do vô tâm phạm "dâm", nhứt do vô tâm phạm "Sát". Dĩ sơ Như Lai kiết giới, vị chế "Vô tâm phạm", cố "Ba Ly", cứ sự kiết tội; cầu kỳ hữu tâm, tiện hoạch "A Tỳ". Nghiệp hí Túng đắc "Yết ma", cần miễn "Địa Ngục", hiện sanh ninh hoạch chứng ngộ. Nhược dĩ dâm, sát vi tiểu tiết, bất tri cánh dĩ hà vi đại tai ?!

Xưa Ngài "Phó Đại Sĩ" là "Di Lạc Bồ tát" hóa thân mỗi ngày tu thanh trai, trọn ngày không ăn, giảm phần ăn để thí cho kẻ nghèo đói. Người đời bấy giờ, hai bữa ăn no, còn không biết trên, quyết trái lời "Phật" dạy, chẳng xem vị "Tổ Đức", chẳng thương người thiếu ngặt, đầu dạng kêu là "Hào tâm xuất gia".

Có người nói : Ông "Vĩnh Gia" nói như vậy : "Bực đại ngộ, không chấp đến việc nhỏ, cần gì giữ làm những giới tẩn mẩn ? Đáp : "Đó là nói chỗ "Lý thật tề" chẳng dính một mảy trần, đến chỗ "Chơn như Phật tánh" còn chẳng lập, huống chi việc nhỏ kia ư ? Như nói : Phòng dâm, quán rượu cũng là "Thanh tịnh đạo tràng". Bằng chấp "Sự" nói, thời vào "Địa ngục" mau như tên bắn. Kia ông "Ca Diếp" kiết tập còn chẳng dám bỏ những giới tẩn mẩn, sao nói chẳng chấp ? Nếu như người thượng thượng căn, được mọi sự không ngăn ngại, thời muôn việc trong nhà Phật không bỏ một việc, lại có việc nhỏ nào mà còn chấp ư !?

- Hỏi : "Có hai ông "Tỳ kheo" một ông phạm giới "Dâm", một ông phạm giới "Sát", ông "Ba Ly" buộc thêm tội, ông "Duy Ma" liền dứt nghi. Việc đây như thế nào ?"

- Đáp : Đó là nói về vô tâm mà phạm vậy; bởi hai ông Tỳ kheo kia ở chung am trong núi. Một ông ra ngoài đi dạo; một ông ở trong am ngồi thiền ngủ quên. Con gái ông Tiều vào am lén phạm tịnh giới. Ông "Tỳ kheo" trong tâm chẳng vui. Bấy giờ ông ra ngoài kia lúc trở về, nghe đủ công chuyện như trên đã thuật, ông buồn và giận, liền đuổi "Tiều Nữ". Nữ sợ chạy sa hầm mà chết. Hai ông trong tâm đều lo, buồn, rầu. Vì sao ? Bởi một ông vô tâm mà phạm giới "Dâm". Một ông vô tâm mà phạm giới "Sát". Vì ban đầu đức Phật Như Lai kiết giới chưa lập giới "vô tâm bất phạm". Cho nên Ngài "Ba Ly" kiết tội theo sự tướng "Giới thân" cũng không có lỗi. Nếu thiệt hai ông kia cố tâm mà phạm "Dâm" phạm "Sát", bèn đọa tới "Địa Ngục A Tỳ". Dù được pháp "Yết Ma Sát Hối" họa may khỏi tội "Địa Ngục", nhưng đương đời đầu dạng chứng ngộ. Nếu cứ nói "Dâm", "Sát" là việc nhỏ, chẳng biết lại lấy việc chi làm lớn ư ?"

- Hoặc viết : "Đông Thí" suy tội tánh, liền bất khả đắc, tức vãng Đông phương đốn thành "Chánh Giác" hà ngôn bất hoạch chứng ngộ ?

- Đáp viết : "Đông Thí", nãi tái lai Bồ tát thị hiện, tử hậu thế sám hối giả, đạt tội tánh không, diệt nghiệp căn bản; thiết phi tái lai, hề năng thành "Phật" chi tốc. Cổ vân : "Đa kiếp tăng vi "Nhẫn nhục" Tiên, minh phi nhất sanh dã; như hoặc bất thiên, thỉnh tự suy khán chư Phật vô lượng thần thông diệu dụng, như kim bá vô nhất năng, hà do đốn thành "Chánh Giác" sự, lý, tánh, tướng, xúc mục mang nhiên, như hà bất câu tiểu tiết; tham sân mãn phúc, ngã nhưn điền hung, vị năng văn báng như ẩm cam lồ, hà tùng đốn nhập bất tư nghị, khởi bất văn "thừa" "giới" cu cấp, như điều lường dục, cao tường tiêu hớn, phò điều vạn lý, đắc vô khoái tai ? Thoảng nhất vọng sanh tà giải, tức lạc khoát đạt không, bất nhưn quả, tác tại tâm, ương tại thân hĩ; như hoặc bất tín, dương quán hạ văn.

"Y khả bất giới dư ?"

ĐẠI LUẬT vân : "Sa môn Thích Tử", ninh tự phá phúc, bất ưng dạ thực".

SA DI NI GIỚI kinh vân : Nhược "Quốc vương", "Trưởng Giả", quá nhật trung thí, diệc bất đắc thực chung tử bất phạm dã".

ĐẠI THỪA LIÊN HOA TẶNG kinh vân : "Thọ Phật cấm giới, bất hộ tương lai, các ngôn : "Ngã thị y "Đại thừa" pháp; du như minh dạ, các tự thuyết ngôn : "Ngã đắc "Phật Pháp", thọ "Thiết Tương Địa Ngục", tùng Địa Ngục xuất, ám á lung manh, bất kiến Chánh Pháp".

HỢU XÁ LỢI PHẤT VẤN kinh vân : "Phật cáo Xá Lợi Phất ; Phi thời thực giả, thị phá giới nhưn, thị

- Hỏi : "Ông "Đổng Thích" xét tánh tội vốn không phải có, liền qua phương Đổng trọn thành "Chánh Giác", sao nói không đặng chứng ngộ".

- Đáp : "Chú có biết ông "Đổng Thích" không ? Ông "Đổng Thích" chính là ông "Bồ tát" tái lai thị hiện, khiến cho đời sau, các người Sám Hối, rõ tánh tội vốn không diệt căn bốn nghiệp. Nếu không phải "Bồ tát" tái lai, đâu đặng thành Phật rất mau. Cho nên Kinh nói : "Nhiều kiếp từng làm ông Tiên "Nhấn Nhục", rõ chẳng phải một đời vậy". Như chú không công nhận, xin chú nghiệm xét ba điều : 1.- Các đức Phật có vô lượng thân thông diệu dụng, chú nay trăm phần không được một, do đâu mau thành "Chánh Giác" Sự, Lý, Tánh, Tướng ngó tới là mang nhiên, làm sao chẳng cầu, chẳng chấp việc nhỏ. 2.- Lòng tham sân đầy bụng, nhờn, ngã chật hông, chưa đặng nghe người chê, như uống nước cam lồ, từ đâu mau vào bực "Bất tư nghị". 3.- Đâu chẳng nghe KINH GIÁO Giới Luật⁽⁵⁵⁾ đều cần như chim hai cánh, bay liệng trời xanh gió Phò Diêu ở dưới muôn dặm, đâu không khoái ư ? Tóm lại, thoảng như chú một phen, quấy sanh tâm tà giải, liền mắc vào cái chấp không trống rỗng, chê nhờn quá; đời nay tâm chú gây tội, đời sau thân chú chịu khổ. Bằng chú không tin lời tôi, xin xem văn sau đủ rõ.

"Than ôi ! Khá chẳng răn dè ư ?"

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Sa môn Thích Tử" thà mổ bụng mình, chớ nên ăn dèm".

Kinh SA DI NI GIỚI nói : "Hoặc vị "Quốc Vương", bực "Trưởng giả" quá nhật trung, cúng đồ ăn cho ta, cũng không nên ăn, dù chết chớ không phạm vậy".

Kinh ĐẠI THỪA LIÊN HOA TẠNG nói : "Thọ giới cấm "Phật" không giữ đến sau, cứ nói : "Ta đây y pháp Đại thừa", khác nào kẻ đi đêm, lại nói rằng : "Ta đặng pháp Phật chước lấy "Địa Ngục Thiết Tương", từ Địa Ngục ra, cầm, ngọng, đui, điếc, chẳng thấy chánh pháp".

Lại trong kinh XÁ LỢI PHÁT VẤN, Phật bảo ông, Xá Lợi Phát rằng : "Những người ăn phi thời là người phá giới,

phạm đạo nhờn, thị lại bệnh nhờn, hoại thiện quả cố, phi ngã đệ tử", đạo ngã pháp lợi, đạo danh, đạo thực, nhất đoàn, nhất toát, phiền diêm, phiền thổ, tử đạo, "Tiêu Trường Địa ngục", thôn nhiệt thiết hoàn, từng "Địa Ngục" xuất sanh trư cầu trung, thực chư bất tịnh, cập sanh ác diểu, nhờn quá kỳ thanh, hậu sanh ngã quý, huồn ư tự trung, tại thanh xí nội, háam thực phẩn uest, tịnh bá thiên vạn tuế, cánh sanh nhờn trung bản cùng hạ tiện, nhờn sở yểm ố, sở hữu ngôn ngữ nhờn bất tín dụng. Bất như đạo nhất nhờn vật, kỳ tội thượng khinh cát đoạt đa nhờn, lương hựu, phước điền, đoạn tuyệt "xuất thế" đạo cố. Thị đại kiếp tặc thị tức ngã quý, vi tội khốt trạch kỳ thời thực giả, thị tức phước điền, thị tức xuất gia, thị tức "Thiên" "Nhơn" lương hữu, thị tức "Thiên Nhơn" "Đạo, Sư". Như Phật sở thuyết, linh nhờn mao cốt tung nhiên. Hà vị nhất xan chi thực, di lụy chí thử, kỳ hữu trí giả, khả bất thâm giới dư !!!?

THẬP VIẾT : BẤT TRÓC TRÌ SANH TƯỢNG,
KIM NGÂN BỬU VẬT.

"Thân" ly lợi dục, cố viết : "Bất tróc sanh tượng".

Giả viết : "Sanh", tức kim dã. "Tượng", tợ dã. "Tợ" kim giả, ngân dã, vị kim sắc sanh bốn tự huỳnh, ngân khả nhiệm huỳnh, tợ kim dã.

Thử "Hô", "Hớn" song cử dã. "Hớn" ngôn : "Kim ngân". "Hô" ngôn : "Sanh tượng".

ĐẠI LUẬT vân : "Sanh Sắc", "tợ sắc" thị dã, "Sanh tặc" giả, vị kim sanh bốn tự huỳnh sắc, bất khả biến cái dã. "Tợ sắc" giả, vị ngân khả nhiệm biến vi huỳnh sắc; như dĩ "Thạch Huỳnh" chữ ngân, linh tợ kim dã. Hô ngôn dã, lương do dịch nhờn, từng "Thiên Trước" lai, lộ kinh "Hô" Địa, truyền bỉ

là người phạm tội ăn trộm, là người bệnh lát, vì hư quá lành, chẳng phải đệ tử ta. Trộm pháp ta mà cầu lợi, trộm danh, trộm đồ ăn, một vốc, một nắm, chút muối, chút giấm, chết đọa "Địa Ngục Tiêu Trường", nuốt hoàn sắt nóng, từ trong "Địa Ngục" ra, sanh trong loài heo chó, ăn những đồ bất tịnh, kịp sanh làm chim ác, tiếng kêu ai cũng ghét, sau sanh trong loài "Ngạ Quỷ", lết về trong chùa ở trong nhà xí, ăn uống đồ nhơ nhớp cả trăm nghìn muôn năm; lại sanh trong loài người bần cùng hạ tiện, người hay chán ghét, dẫu nói lời chi không ai tin dụng. Chẳng bằng trộm vật của một người, tội còn nhẹ hơn. Vì sao ? Bởi phá giới ăn "phi thời" cướp giựt của nhiều người, ruộng phước tốt đẹp, đoạn mất đạo "xuất thế" vậy. Ấy là thằng giặc rất to. Ấy là chú "Ngạ Quỷ" bự, là nhà chứa tội. Còn người ăn "phải thời" như thế nào ? Kẻ ăn "phải thời", tức là ruộng phước, tức là người xuất gia, tức là bạn lành cõi "Nhơn" cõi "Thiên", tức là vị Đạo sư cõi Nhơn Thiên. Như Phật ngài nói khiến người dụng lòng dừng óc, dứt thần kinh. Vì sao trong một bữa ăn mang hại đến đời, những người có trí, há chẳng răn dè lắm ư !!!?

ĐIỀU THỨ MƯỜI : "KHÔNG ĐƯỢC CẦM GIỮ ĐỒ SANH TƯỢNG, VÀNG BẠC VẬT BÁU".

"Thân" không dục lợi, cho nên nói : "Không cầm nắm sanh tượng".

Giải rằng : Chữ "Sanh" là (*vàng thật*). Chữ "Tượng" là (*vàng giả*). Vàng giả là (*bạc*) vậy. Vì bạc nhuộm vàng, cho nên giống vàng chớ không phải bản chất nó sẵn màu vàng vậy.

"Vàng" đây, nói theo tiếng nước "Hồ" và nước "Hán" (Tàu) có hai tên : 1.- Tiếng nước Hán nói : "Kim ngân". 2.- Tiếng nước Hồ nói : "Sanh tượng". Trong ĐẠI LUẬT nói có hai nghĩa : Một, "Sanh sắc". Hai, "Tợ sắc". "Sanh sắc" là gì ? "Chất vàng thật", nghĩa là : Chất vàng sẵn có sắc vàng, không bao giờ biến đổi vậy. "Tợ sắc" là gì ? "Chất vàng giả". (Nghĩa là ; lấy bạc nhuộm màu vàng, trở thành sắc vàng). Như lấy vị "Thạch Huỳnh" nấu chung với bạc làm cho bạc

"Hô" ngữ, dịch vi "Hoa" ngôn; nhược chuẩn "Thiên Trước Phạm Âm", hô kim, vi "Tô Phật La", hồ ngân, vi "A Lộ Ba", tuy dắc tư danh, nhiên diệc vị tường kỳ nghĩa, hoặc hữu danh vô nghĩa, ngũ bát phiên trung chi nhất; như thử phương kim, ngân, diệc hữu danh vô nghĩa, cứ thượng thế, vị "ngân" vi "cần hồng", vị "thủy ngân", vi "được ngân", chi thiếu biệt nhĩ.

"Bửu" giả, (thất bửu chi loại dã).

Nhất "Kim". Nhị "ngân". Tam "Tì Lưu Ly". Tứ "Pha lê", tức (thủy ngân). Ngũ "Xa cừ". Lục "Mã Náo" Thất "Xích trân châu", kỳ dư : "san hô" "hổ phách", "nhật châu", "nguyệt châu", "ma ni châu" đẳng, giai bửu chi loại dã.

Kinh vân : "Nãi chí bất dắc tập lộng binh trượng".

Giai trưởng tham tâm, phòng phế đạo nghiệp; cố "Phật" tại thế thời, tăng giai khát thực; bất lập yên toán, y phục phòng thất, tất nhậm ngoại duyên, trí kim ngân ư vô dụng chi địa, tróc trì thượng cấm, thanh khả tri hi.

Kim, ngân, thất bửu giai tăng trưởng nhưn tham ái chi tâm, cố phòng phế tu hành đạo nghiệp, "tham" vi "quỉ súc" chi căn, "ái" vi sanh tử chi bản. "Như Lai" xuất thế, nguyên vị đoạn tuyệt chúng sanh, sanh tử căn bản, cố linh viễn ly thế lợi; y thực phòng xá ký nhậm tha thí, cố trí kim ngân ư vô dụng chi địa. Hậu nhưn bệnh "Tỳ kheo", nãi thỉnh

giống vàng vậy. Tại sao có tiếng nước "Hồ" ? Vì bởi người dịch Kinh, từ nước "Thiên Trúc" về "Trung Hoa", con đường đi ngang qua địa giới nước "Hồ", nên đem tiếng nước "Hồ" dịch làm tiếng nói "Trung Hoa". Còn nước "Thiên Trúc" kêu vàng bạc là gì ? Theo tiếng Phạm, âm của nước "Thiên Trúc" kêu vàng là "Tô Phạt La", kêu bạc là "A Lộ Ba". Tên như vậy, nghĩa là sao ? Tuy được tên như vậy nhưng cũng chưa rõ nghĩa của nó. Vì có tên mà không nghĩa, như thứ vàng bạc ở phương đây, có tên mà không nghĩa. Cứ theo đời trước, kêu bạc có ba tên. Một, "Cần Hống", Hai "Thủy ngân", Ba "Dược ngân". Chất tuy đồng nhưng tên có hơi khác. (*Nay nói vàng bạc là một tên trong năm tên không dịch nghĩa*).

"Vật báu" (là : bảy thứ báu vậy).

Bảy thứ báu là gì ? 1.- "Vàng". 2.- "Bạc". 3.- "Ngọc Tỳ Lưu Ly". 4.- "Ngọc Pha Lê" tức (là : ngọc Thủy Tinh). 5.- Ngọc "Xa-Cừ". 6.- Ngọc "Mã Nảo". 7.- Ngọc "Xích trần châu". Còn bao nhiêu ngọc báu như là : "San Hồ", "Hổ Phách", "Nhật Châu", "Nguyệt Châu", "Ma ni châu" v.v... đều là các thứ ngọc báu vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Nhấn đến không dặng tập dượt đồ binh trượng".

Đều thêm lớn lòng tham, hư hại đạo nghiệp. Cho nên đức "Phật" khi còn tại thế, ông Thầy đều đi khát thực không sắm lò bếp ; áo cơm phòng nhà đều nhờ thí chủ duyên ngoài ủng hộ ; đã nhờ duyên ngoài ủng hộ, dù có cầm nắm vàng bạc, cũng thành chỗ vô dụng. Cầm nắm còn cấm, khá biết chỗ thanh nhã thế nào.

Vàng, bạc, bảy báu, đều thêm lớn tâm tham ái của người, cho nên hư hại đạo nghiệp tu hành ; "Tham" là căn "Ngạ Quỷ". "Ái là gốc "Sanh tử". Đức "Như Lai" ra đời, vốn vì đoạn tuyệt nguồn gốc sanh tử của chúng sanh, nên dạy xa lìa lợi đời, áo, cơm, phòng, nhà, đã nhờ người thí chủ, cho nên chứa để vàng bạc cũng thành chỗ vô dụng. Sau như ông "Tỳ kheo" có bệnh, "Phật" mới cho sắm lò, bếp

lập yên thoán phòng thất. Kim thời phòng xá tất bị, thực dụng thường trụ du hiêm bất xứng kỳ hoà, bất trị thị hà tâm tai !

"Phật" ký bất thính tróc trì tắc kỳ bất tham thiếu dục chi thanh tiết, khả tự tri hi. Dư Luật, hoặc ngôn, bất thọ súc, hoặc ngôn . Bất tróc trì, dĩ tróc trì, thị xúc chi tiệm nhơn, diệp nhiêm ô tịnh đức, cố "Phật" chế đoạn.

Sử kim bất cố, thế nho thượng nhiên, "Thích Tử" xứng bản, súc tài hề dụng ?

Bỉ ký bất cố, ngã hà xứng bản. Y thực tất nhậm ngoại duyên, cố viết súc tài hề dụng. Thế nho giả. Hán Bắc Hải "Quản Ninh" dã, "Ninh" thiếu thời, dữ "Hoa Hâm" vi hữu, đồng tịch độc thơ, tăng dữ "Hâm" cộng sử thể, kiến địa hữu kim, huy sử bất cố, dữ ngổa thạch vô dị "Hâm" tróc nhi trích chi. Thời nhơn dĩ thị, tri kỳ ưu liệt hi. "Ninh" hậu thích "Liêu Đông" tam thập thất niên "Ngụy" chủ "Phi" trưng chi, nãi phù hải "Tây" qui dĩ vi "Thái-trung Đại Phu" bất thọ, kỳ danh hạnh cao khiết nhược thử ; hựu năng nhơn sự, đạo nhơn ư thiện, nhơn giai phục kỳ hóa, niên bát thập hựu tứ tốt.

"Hâm" vi "Thượng Thơ Lịnh", hành nghịch bất đắc kỳ chung ; tiên "Tào Tháo" dục thí "Hiển Đế" hậu, "Phục Thị" cập nhị "Hoàng Tử", sử "Khích Lự" trì tiết sách, thân Hậu tử thụ. Hâm tức hoại hộ pháp bích ; tự khiên. Hậu xuất, phi phát đồ tiền khắp hành. Đế kiến bất năng cứu, toại tương. Hậu hạ bạo thất u tử, nhị "Hoàng Tử" giai đăm sát chi. Sở vị tri kỳ ưu liệt giả, thử dã.

Kim nhơn bất năng cu hành khát thực, hoặc nhập tông lâm, hoặc trụ am viện, hoặc xuất viễn phương, diệp vị miễn hữu kim ngân

phòng, nhà. Thế mà đời nay phòng, nhà, đều đủ, ăn dùng của thường trụ còn chê không vừa ý mình, chẳng biết cái tâm gì vậy ?

"Phật" đã không cho cầm nắm, thời sự thanh tiết không tham ít ham muốn kia khá tự biết. Nhiều bộ Luật, có bộ nói : không chứa đẽ, có bộ nói : không cầm nắm. Nhưng cầm nắm là cái nhờn đi lần tới sự chứa đẽ, cũng có thể làm nhiệm như cái đức trong sạch, nên "Phật" cấm tuyệt.

Cuộc đất dặng vàng chẳng đoái, kẻ thế nho còn vậy, huống "Thích Tử" xứng nghèo chứa của làm chi ?

Kìa đã chẳng đoái, ta sao xứng nghèo. Áo cơm, đều nhờ duyên ngoài, cho nên chứa của để làm chi. Kẻ thế Nho là ai ? Tức người "Quảng Ninh", ở quận "Bắc Hải" đời nhà "Hán" vậy. "Ninh" hồi còn nhỏ làm bạn với "Hoa Hâm" đi học một trường, có một bữa "Ninh" cùng "Hâm" cuốc đất trồng rau, thấy đất có vàng, "Ninh" vay cuộc không đoái coi như sành sỏi. "Hâm" cầm coi rồi quăng, thế mà người đời lấy đó biết chỗ hơn thua vậy. "Ninh" sau qua đất "Liêu Đông", 37 năm ; chúa nước "Ngụy" là "Tào Phi" phong cho "Ninh" làm chức "Thái trung Đại Phu". "Ninh" không chịu bèn qua biển về nước "Tây Thục". Ôi ! Nào danh nào hạnh cao khiết dường ấy !!! "Ninh" lại nhờn nơi sự, mà dạy người làm lành, ai cũng phục tùng lời nói, tám mươi bốn tuổi qua đời.

"Hâm" làm chức "Thượng Thư Lệnh", làm nghịch không dặng trọn trung. Nhắc lại, ngày trước người "Tào Tháo" muốn giết Hoàng Hậu là bà "Phục Thị" của vua "Hiến Đế" với hai ông "Hoàng Tử", "Tháo" sai người "Khích Lự" cầm cái lệnh bài, thâu ngọc ấn Hoàng Hậu. "Hâm" liền phá cửa đỡ vách, vô kéo Hậu ra, xả tóc đi chân không, vừa đi, vừa khóc. Vua thấy không cứu dặng, "Hâm" bèn đem Hậu bỏ trong khám tới nhốt chết, hai ông "Hoàng Tử" cũng thuốc chết luôn. Chỗ gọi rằng : "Người đời biết chỗ hơn thua" là đây vậy.

Người đời nay, chẳng hay đều đi khát thực. Hoặc vào chốn "Tòng lâm" hoặc ở nơi "Am viện", hoặc ra phương xa, cũng chưa khỏi có hao phí việc tiền bạc

chi phí ; tất dã, tri vi "Phật" chế, sanh đại tâm quý, niệm tha bàn pháp, thường hành bố thí. Bất dinh cầu bất súc tích, bất phản mại, bất dĩ thất bửu, trang sức y khí đẳng vật, thứ cơ khả nhĩ.

Thử nhị "Đại Sư" quyền khai, phi "Phật bổn ý". Cổ viết : "tất dã, tri vi Phật chế ; dĩ tri vi chế, cố sanh đại tâm quý, niệm tha bàn pháp, cố thường hành Bố thí. Bất dinh cầu giả, vị bất chủng chủng kinh dinh cầu sách giả. Bất súc tích giả, vị hữu đàn việt bố thí, tức tương dĩ cúng Tam Bửu, tự hoạch thiện quả, phục linh thí phước chuyển tăng, bất khả súc chi sương nang, tích chi cao các.

Cổ Kinh văn : "Vô đắc tàng tích uest bửu, nhưn dữ bất thọ, thọ tắc bất lưu chuyển tế cùng pháp, thường vị nhưn, thuyết bất tham chi đức, thị dã. Bất phản mại giả vị bất tiện mại, quý mại, khuy tổn tịnh hạnh, trúng đắc tài lợi cúng tăng. "Phật" bất hứa thọ, hội tổ "Phật" tượng, bất thính lễ bái.

Nghiệp-Sớ văn : Đãn dĩ tà tâm, hữu thiệp tham nhiễm vị lợi mại "Pháp", lễ "Phật" đọc "Kinh" đoạn thực, đẳng sở hoạch tang hối, giai viết : "tà mạng vật". Bất dĩ thất bửu, trang sức y khí đẳng vật giả, vi phi "Thích Tử" sở nghi, cập tăng trưởng ái căn, thành hữu lậu nghiệp, cố dã.

"Như hoặc bất nhiên, đắc tội di trọng".

"Vị nhược bất sanh đại tâm quý đẳng, cố vi Phật chế, đắc tội phi tiểu dã".

"Y khả bất giới dư ?".

Tích "Mục Liên Tôn Giả", cọng sa di "Chuyên đầu" phi đáo "Tuyết Sơn", "A nậu đại trì" thượng tọa

Cố nhiên như vậy, nhưng phải biết trái lời "Phật" dạy, sanh tâm rất hổ thẹn, thương người nghèo ngặt, thường làm Bồ thí. Không lo tìm, không chứa để, không buôn bán và không dùng bày bấu, trang nghiêm y phục, khí cụ các vật v.v... họa may còn được được.

Đây là Ngài "Vân Thê Đại Sư" quyền cho chớ không phải bốn ý của đức "Phật". Cho nên nói "cố nhiên như vậy", nhưng phải biết trái lời "Phật" dạy ; vì biết trái lời "Phật" dạy, nên sanh tâm rất hổ thẹn. Vì thương người nghèo ngặt, nên thường làm việc Bồ thí. Không lo tìm là gì ? Không lập mưu này, kế nọ, toan lo tìm kiếm các món như vậy. Tại sao không chứa để ? Có người đàn việt cúng thí, thời ta đem dựng cho ngôi Tam Bảo, mình đã dâng quả lành, lại khiến người cúng kia được thêm phước. Chớ nên chứa để trong rương, trong túi, hay là để trên gác cao.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Chớ nên cất chứa báu như, người cho không thọ, thọ thời đừng để, đem giúp người nghèo ngặt, và thường vì người nói đức "Bất tham". Thế nào không buôn bán ?

Không mua rẻ bán mắc, kém hư hạnh tốt, dù dâng lời lái, đem cúng dường chúng Tăng. "Phật" chẳng cho thọ và lên cốt tượng "Phật" cũng chẳng cho lay.

Bộ NGHIỆP SỞ nói: Nếu đem tâm tà và tham nhiễm ham lợi bán "Pháp", lễ "Phật", tụng "Kinh", nhịn ăn các việc chỗ dặng của cải đều là "của bất chính" để nuôi mạng sống. Tại sao chẳng dùng bày bấu, trang sức y phục đồ đạc các vật ư ? Chẳng phải trang Thích Tử nên làm và thêm lớn gốc tham thành cái nghiệp luân hồi, cơ vậy.

"Như hoặc chẳng dặng vậy, mắc tội rất nặng".

"Bằng chẳng sanh tâm rất hổ thẹn đó, cho nên trái lời Phật dạy, mắc tội chẳng phải nhỏ vậy".

"Than ôi ! Khá chẳng răn chữa ư ?".

Xưa Ngài "Mục Liên Tôn Giả", cùng ông Sa di tên "Chuyên Dầu" bay đến non "Tuyết Sơn" trên mé ao "A Nậu

thiền : Thời Sa di kiến trì biên kim sa, tiện tác thị niệm ngã dương thanh thử sa, trước Phật tháo quán hạ. "Mục Liên" tụng thiền định khởi, thừa không nhi hườn. Thời Sa di vi "Phi nhơn" sở trì, bất năng phi hành, "Mục Liên" cố thị, linh xả kim sa, tức thừa không nhi khứ. Hựu nhất Tỳ kheo, tương nhất Sa di, qui khán thân lý, dò trung hữu phi nhơn, hóa tác long lai, hữu nhiều sa di, dĩ hoa tán thượng, tán ngôn : "Thiện tai, đại đắc thiện lợi". Bĩ đáo thân lý gia dĩ, dục hườn, thân lý tức di tiền dữ Sa di vi lộ lương, sa di trì chí trung đồ, "phi nhơn" phục hóa tác long lai, tả nhiều Sa di, dĩ thổ bụn thượng, thuyết ngôn : "Nhữ thất thiện lợi, xuất gia tu đạo, nhi tróc tiên hành". Sa di tiện đề Tỳ kheo hồi thị, tri kỳ trì tiên, tiện linh xả khí, "phi nhơn" phục như tiên cúng dường. Do thị quan chi, vi hại phi tiểu. Cố "Phật" dụ chi, vi "đại độc xà", táng thân bại đức, vô bất do chi, khả bất giới dư !!!

KẾT LUẬN : Như thượng thập giới, tiền tứ, thị "Tánh Tội", vị kỳ tánh bốn tự thị tội, bất do Phật chế, cố hữu, vô luận tại gia xuất gia tác chi, tức đọa tam đồ cố danh "Tánh Tội", diệc danh "căn bốn giới". Dĩ phạm chi, như thọ đoạn căn, bất phục hườn cánh sanh trưởng . Hậu lục thị giá tội, do Phật giá cấm, bất thính hủy phạm, cố danh giá tội. Thiết hữu vi phạm, bất đắc phú tàng, tức tu tham sanh tầm quý, hưởng sự phát lồ. Hối quá đoạn hậu tác tâm, hườn đắc thanh tịnh.

Cổ LUẬN vân : thị trung, tứ thị thiết ác, tửu thị chúng ác môn, dư giả, thị bất phóng dật đạo nhơn duyên, dĩ năng thành tự phạm hạnh, xuất thế đạo cố.

Đại Tri" ngồi "Thiên Định". Bấy giờ ông Sa di thấy bên ao cát vàng lại nghĩ như vậy : "Ta nên túm cát này, về rải chỗ Phật tắm rửa". "Mục Liên" từ trong Thiên Định ra, cỡi hư không bay về. Khi đó Sa di bị thần "Phi Nhơn" ngăn cản, bay đi không được, "Mục Liên" ngoái ngó thấy, bảo bỏ cát vàng, liền cỡi hư không mà đi. Lại có một Thầy "Tỳ kheo" đem một Sa di về viếng bà con, nửa đường có thần "Phi Nhơn" hóa làm rồng đến, đi nhiều bên hữu Sa di, dùng các thứ hoa thơm rải lên cúng dường, và khen rằng : "Hay thay ! Rất được lợi lành". Thầy trò đến nhà bà con xong, lúc sắp về, bà con lại lấy tiền cho Sa di làm lương đi đường. Sa di cầm tiền, đến nửa đường "Phi Nhơn" lại hóa làm Rồng đi nhiều bên tả Sa di và lấy đất bụi tung lên mặt, nói rằng : "Người mất lợi lành, người xuất gia tu hành, mà sao lại cầm tiền đi đường". Sa di bèn khóc rống. Tỳ kheo ngoái thấy, biết kia cầm tiền, liền bảo bỏ đi, "Phi Nhơn" lại cúng dường như trước. Do đây xem đó, mắc hại chẳng phải nhỏ. Cho nên đức "Phật" dụ vàng bạc là con "Đại Độc Xà" hại thân, hư đức cũng tại nó mà ra. Chẳng khá răn ư !

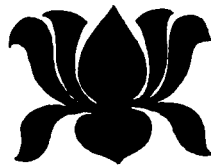
KẾT LUẬN : Mười giới như trên. Bốn giới trước thuộc về "Tánh Tội". Sao kêu là "Tánh Tội" ? Trong bản tánh sẵn có tội, không đợi Phật cấm mới có, không luận kẻ tại gia, người xuất gia, gây ra thời đọa ba đường cho nên gọi là "Tánh Tội", cũng kêu là "Giới Căn Bản". Vì phạm giới này, như cây kia đứt rễ, không còn sống lại nữa. Sáu giới sau "Ngăn tội". Vì sao gọi là "Ngăn tội" ? Bởi do đức Phật ngăn cấm, không cho hủy phạm, cho nên kêu là "Ngăn tội". Dầu có trái phạm chớ nên che giấu, liền phải rất sanh tâm tầm quý, tới trước ba Thầy tỏ bày xưng tội quyết lòng không dám làm nữa, lại đặng thanh tịnh.

Cho nên trong "LUẬN" nói : "Trong mười giới đây : Bốn giới trước, là "Thật ác". Giới "Rượu" cái cửa các việc ác. Năm giới sau, là nhưn duyên kèm chế không buông lung, vì hay thành tựu hạnh tốt của đạo ra khỏi đời vậy.

Cố Kinh vân : "Thị giới năng vi "Tỳ kheo" giới, "Bồ tát" giới, nãi chí "Vô thượng Bồ đề" nhi tác căn bản".

Phật cáo : Chư Tỳ kheo, ngã nhược bất trì giới, đương đọa tam ác đạo trung, thượng bất đắc vi hạ tiện nhưn thân. Huống năng thành thực chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cụ nhất thiết chướng trí. Cố tri ninh xả thân mạng, toái như vi trần, bất khả hủy phạm cấm giới, truy đọa tam đồ, vĩnh thất Bồ đề chủng tử dã.

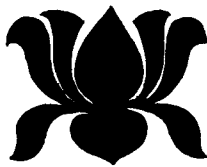
SA DI LUẬT NGHI,
YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ
QUYỂN THƯỢNG CHUNG



Cho nên trong Kinh THẬP GIỚI nói : "Mười giới đây có thể làm thêm thang đi lần lên giới "Tỳ kheo", và giới "Bồ tát" nhấn đến đạo quả "Vô thượng Bồ Đề". Cội gốc cũng từ đây".

Phật bảo : "Này các "Tỳ kheo", nếu ta không giữ giới, sẽ đọa trong ba đường ác, còn chẳng đặng làm thân người hạ tiện. Huống chi giáo hóa thành thực chúng sinh, và gây nên cõi nước Thanh Tịnh của Phật, đủ tất cả các Trí". Cho nên biết : Thà bỏ cái thân mạng, nát như mảy trần, chớ nên hủy phạm giới cấm mà sa đọa trong ba đường, hăng mất hạt giống "Bồ đề" của đức Phật vậy.

BỘ SA DI LUẬT NGHI
YẾU LƯỢC, TẶNG CHÚ
HẾT QUYỂN THƯỢNG



CHÚ THÍCH

QUYỂN THƯỢNG

- (1) **Đệ tử** : Kẻ học sau Thầy gọi chữ "Đệ". Sự hiểu biết nhờ Thầy sanh ra nên gọi là "Tử".
- (2) **Chữ Giới** : Tức Tam Tự tịnh giới như : 1) Nhiếp Luật Nghi Giới (nguyện dứt tất cả việc ác). 2) Nhiếp Thiện Pháp Giới (nguyện làm tất cả việc lành). 3) Nhiêu Ích Hữu Tình Giới (nguyện độ tất cả chúng sanh). Chữ Giới tiếng Phạm ngữ "Ba La Đề Mộc Xoa". Tiếng Hán gọi "Biệt giải thoát". Nghĩa là : Giữ được Giới này đức Như Lai hộ trì người tu được giải thoát sanh tử phiền não mà chứng đạo giác ngộ Niết bàn vậy.
- (3) **Bồ Tát** : Tiếng Phạn nói cho đủ là "Bồ Đề Tát Đỏa". Bồ Đề Hán dịch là "Đạo", cũng dịch là "Giác". Tát Đỏa tiếng Hán dịch "Chúng sanh". Nghĩa là : "Đem đạo giác ngộ đức Phật mà giáo hóa Chúng sanh vậy. Bồ tát dịch là "Giác hữu tình" là giác ngộ cho chúng hữu tình hay là chúng hữu tình được giác ngộ.
- (4) **Chữ Tự** (*chùa*) : Hồi xưa cái Dinh của các Quan làm việc Tổ Ma Đằng, Tổ Pháp Lan ở nước Ấn Độ chở kinh, tượng Phật qua Trung Quốc, Vua Hán Minh Đế thỉnh ở Dinh ấy, dịch kinh, hóa Đạo, nên sau lấy Dinh ấy đặt hiệu Chùa như : Hồng Lô Tự và tạo lập Chùa thứ hai hiệu Bạch Mã Tự, Trung Quốc có Chùa bắt đầu từ đây, nhưng chỗ nào Chúng Tăng ở đều kêu là "Tự". Chính tiếng Phạn gọi "Tăng Già Lam" tiếng Hán dịch Chúng Viên (*vuờn mát, Chúng Tăng ở*).
- (5) **Vân Thê** : Tên hòn núi, núi này có năm sắc mây lành, phủ trùm trên đỉnh núi, người đời đặt đó là núi "Vân Thê".
- (6) **Tổ Châu Hoàng** : Tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, con nhà họ Trầm 17 tuổi thi đậu đầu, 31 tuổi song thân từ trần, thấy cuộc đời biến đổi vô thường, bỏ tục xuất gia, theo học với Ngài Đồng Thiên Lý Hòa Thượng, sau xin qua chùa Chiêu

Khánh thọ giới cụ túc với Ngài Vô Trần Ngọc Luật sau khi khắp cùng tham học với các bậc Tri thức lúc trở về rừng Vô Lâm làng Phạm, khát thực nhìn thấy hòn núi Vân Thê, nước non mát mẻ và vắng vẻ, bèn cất am ở đó lần thành một Đại Tông Lâm, chuyên tu tịnh nghiệp đạo đức khắp đồn, Tăng Tục đều theo học đạo. Quốc Vương, Hoàng hậu cúng dường y, bát, tuổi thọ 81, Giới Lạp 50. Ngài sanh giờ Mẹo ngày 22 tháng giêng năm Ất Mùi. Ngài thị tịch giờ Ngọ, ngày mùng 4 tháng 7 năm Ất Mão.

Quý vị Sa Di học Luật này muốn kỷ niệm ngày vía của Ngài cũng như ngày vía vị Bồ tát công đức vô lượng.

- (7) **Tỳ Kheo** : Có ba nghĩa : 1) "*Khất Sĩ*" đi xin cơm ăn để sống thân làm đạo, và xin Chánh pháp của đức Phật để cho được minh tâm kiến tánh (*có nghĩa là đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nghe Pháp, hết phiền não, gọi là xin (dùng) phiền não*). 2) "*Phá ác*" dùng trí huệ khám phá phiền não khỏi mắc trần dục và ái ân. 3) *Bố ma*, phát tâm thọ 250 giới Phật đầy đủ oai nghi bỏ ma quân khiếp sợ vậy.
- (8) **Bồ Đề** : Tiếng Hán dịch Giác đạo, phát giác đạo tâm (*tâm được tỏ ngộ*) gọi "Bồ Đề".
- (9) **Hoàng Tán** : Tức Ngài Tại Tham Thiền sư con nhà họ Châu. Lúc sanh Ngài cặp mắt hai tròng lóng lánh như sao băng, văn học ở đời siêu quần xuất chúng, lúc đi tu suốt thông ba Tạng, diễn dịch kinh Luật rất nhiều. Ngày 22 tháng năm, năm Bính dần, Ngài bảo Thị giả trải tọa cụ Ngài ngồi, Đại chúng cầu Ngài ở lại đời cho lâu, Ngài nói nay 75 tuổi sanh tử như mộng, cần nên giải thoát, nói rồi vui vẻ thị tịch tuổi đời 75, tuổi Đạo 53, (*biên đây cho biết ngày vía kỷ niệm Ngài*).
- (10) **Năm Chúng xuất gia** : 1) Tỳ kheo. 2) Tỳ kheo Ni. 3) Thức xoa ma na. 4) Sa di. 5) Sa di Ni.
- (11) **Ngũ dục** : (*năm món ưa thèm*) 1) Ưa sắc đẹp. 2) Ưa tiếng hay. 3) Ưa ngửi mùi thơm, 4) Ưa vị quý. 5) Ưa đụng cạ vật êm. Hay ưa năm món này : 1- Cửa cải. 2- Sắc đẹp. 3- Danh khen. 4- Ăn sang. 5- Ngủ kỹ.

- (12) **Tam Đờ** : (*ba đường*) 1) Tham sân dọa vào đường Địa ngục (*đường dao cắt*). 2) Bỏ sên dọa vào đường Nga quỷ (*đường lửa đốt*). 3) Si mê dọa vào đường Súc sinh (*đường máu huyết*).
- (13) **Lục Thú** : Cũng như Lục Đạo (*6 đường*). 1) Đường cõi Trời. 2) Đường cõi Người. 3) Đường cõi A Tu La. 4) Đường cõi Địa ngục. 5) Đường cõi Nga quỷ. 6) Đường cõi Súc sinh.
- (14) **Lục Độ** : (*6 phép độ*) 1) Bồ thí độ xan tham. 2) Trì Giới độ phá giới. 3) Nhẫn nhục độ giận hờn. 4) Tinh tấn độ biếng lười. 5) Thiền định độ hôn ám. 6) Trí tuệ độ ngu si.
- (15) **Tứ Sanh** : (*4 loài*) 1) Loài đẻ trứng. 2) Loài đẻ con. 3) Loài sanh nơi ướt. 4) Loài hóa sanh.
- (16) **Tiểu Thừa** : Tức bực Thanh Văn và bực Duyên Giác, bực này mới được phần tự lợi, chưa được lợi tha và độ chúng sanh như các bực Đại thừa Bồ tát.
- (17) **Đại Bồ Đề** : Ngôi chánh đẳng, chánh giác bực cực quả, chỉ cho đức Phật là bực Đại giác.
- (18) **Bửu Sở** : Chỗ đức Phật chúng quả Đại giác ở, nên gọi "Bửu Sở" (*chỗ báu*).
- (19) **Hóa thành** : Đức Phật phương tiện lập ra pháp quyền để giáo hóa chúng sanh bực Nhị thừa còn tối đốt.
- (20) **Ba Thừa** : 1) Thừa Thịnh Văn. 2) Thừa Duyên Giác. 3) Thừa Bồ tát.
- (21) **Tam Giới** : (*ba cõi*) 1) Cõi Dục giới. 2) Cõi Sắc giới. 3) Cõi Vô sắc giới.
- (22) **Vô Vi** : Là quả Niết bàn thường vắng lặng, không còn những pháp Hữu vi (*có tạo*). Như các món thiền não tham, sân v.v...
- (23) **Khai, Giá, Trì, Phạm** : Nghĩa là : Khai là mở cho. Giá là ngăn cấm. Trì là giữ gìn. Phạm là hủy phạm giới cấm của Phật.
- (24) **Danh, Chúng, Tánh, Tướng** : Danh là tên của Giới luật (*ngũ thiên thất tự*). Chúng là 250 giới của Tỳ kheo. Tánh là giới của tâm. Tướng là giới của thân.

- (25) **Tam Minh** : 1) Túc mạng minh. 2) Thiên nhãn minh. 3) Vô lậu minh.
- (26) **Sáu phép Thần thông** : 1) Thiên nhãn thông. 2) Thiên nhĩ thông. 3) Tha tâm thông. 4) Túc mệnh thông. 5) Thần túc thông. 6) Lậu tận thông.
- (27) **Bốn chúng đệ tử của Phật**. 1) Tỳ kheo. 2) Tỳ kheo Ni. 3) Ưu bà tặc. 4) Ưu bà di.
- (28) **Tam bảo** : Là Phật, Pháp, Tăng vậy.
- (29) **Tứ quả** : (4 quả) 1) Quả Tu Đà Hoàn. 2) Quả Tư Đà Hàm. 3) Quả A Na Hàm. 4) Quả A La Hán (*vô sanh*).
- (30) **Lục hiệp** : (*sáu phía*) Đông, Tây, Nam, Bắc và Thượng, Hạ.
- (31) **Thập phương** : (*10 hướng*) Đông, Tây, Nam, Bắc, Thượng, Hạ và bốn hiệp hướng (*đông nam, vân vân*).
- (32) **Ba đời** : Túc đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai.
- (33) **Cửu giới** : (*chín cõi*) 1) Cõi Địa ngục, 2) Cõi Ngạ quỷ, 3) Cõi Súc sanh, 4) Cõi A Tu La, 5) Cõi Người, 6) Cõi Trời, 7) Cõi Thanh văn, 8) Cõi Duyên giác, 9) Cõi Bồ tát.
- (34) **Nhị trí** : 1) Căn bốn trí. 2) Hậu đắc trí.
- (35) **Tứ cơ** : (4 cơ) 1) Cơ Nhơn thiên, 2) Cơ Nhị thừa, 3) Cơ Bồ tát, 4) Cơ Phật.
- (36) **Nhị Sư** : (2 thầy) 1) Thầy Hòa Thượng, 2) Thầy A Xà Lê.
- (37) **Lục căn** : 1) Nhãn căn, 2) Nhĩ căn, 3) Tỷ căn, 4) Thập căn, 5) Thân căn, 6) Ý căn.
- (38) **Lục thức** : 1) Nhãn thức, 2) Nhĩ thức, 3) Tỷ thức, 4) Thiệt thức, 5) Thân thức, 6) Ý thức.
- (39) **Phấn trâu tha đàn** : Con trâu trắng ăn cỏ thơm nơi non Tuyết sơn, phần nó rất thơm, trong khi lập đàn cúng kiến lấy phần ấy tô thoa. Ví dụ như bây giờ lấy dầu thơm rưới vậy.
- (40) **Năm tội nghịch** : 1) Giết cha, 2) Giết mẹ, 3) Giết vị A La Hán, 4) Phá hòa hợp Tăng, 5) Làm thân Phật ra máu.
- (41) **Tứ trọng** : (4 tội nặng) 1) Tội sát sanh, 2) Tội ăn trộm, 3) Tội dâm dục, 4) Tội vọng ngữ.

- (42) **Gái dâm cõi cổ** : Dời Tây Quốc có vị Tiên nhơn tu trong núi, chúng đặng 5 phép Thần thông, ông dùng chú thật ếm trời không mưa tới 12 năm, nhơn dân đồ thán. Vị Quốc Vương trong nước biết mới lập kế truyền rao, ai làm vị Tiên nhơn mất thần thông được thưởng 1.000 lượng vàng. Khi ấy có nàng dâm nữ phụng mạng nhà Vua, vào núi lân la làm cho Tiên nhơn xiêu lòng mất thần thông. Bấy giờ trời mưa tràn ngập, Dâm nữ cõi cổ Tiên nhơn về đền ra mắt Quốc Vương và lãnh của thưởng.
- (43) **Đốt mình Thiên miếu** : Công chúa nước Tề với anh Trần Tử, hồi nhỏ chơi chung với nhau một chiếc vòng bằng ngọc, lúc lớn khôn, nhà Vua không cho anh vào trong cung nữa. Nhưng tánh quen thường nhớ Công chúa, nói với bà mẹ anh nói giùm, Công chúa biết Trần Tử này nhớ lắm. Công chúa trả lời ngày đó, tháng đó bảo Trần Tử đến nơi Thiên miếu thì sẽ có Công chúa đến. Nhưng khi Trần Tử đến trước nằm ngủ quên, đến lúc Công chúa đến cầm chiếc vòng để trên ngực anh rồi đi mất. Bấy giờ anh thức dậy lửa dâm dục lừng lẩy bỏng đốt cháy thân anh và cháy luôn miếu ông Thần, vô can mà bị thiệt hại (*hay là lửa nghiệp tự đốt thân tại miếu Thần*).
- (44) **Ngũ thể** : (*năm vóc*) tức là hai tay, hai chơn và một cái đầu.
- (45) **Thất Thánh tài** : (*bảy của Thánh*) 1) Cửa Chánh Tín, 2) Cửa Tinh Tấn, 3) Cửa Giữ Giới, 4) Biết Tàm quý, 5) Ưa nghe Phật Pháp và dứt bỏ phiền não, 6) Cửa Thiền Định, 7) Cửa Trí Huệ.
- (46) **Mười món y** : (*10 thứ áo*) 1) Áo Câu xá, 2) Áo Kiếp bối, 3) Áo Khâm bạc la, 4) Áo Sơ ma, 5) Áo Xoa ma, 6) Áo Xá nâu, 7) Áo Ma y, 8) Áo Sí y, 9) Áo La y, 10) Áo Thân la Bát Ni.
- (47) **Cháu Huyền tôn** : Tức là cháu năm đời.
- (48) **Hổ khẩu** : "miệng cọp" tức là chỗ chết (*đường sanh tử*).
- (49) **Mười hiệu** : 1) Hiệu Như Lai, 2) Hiệu Ứng cúng, 3) Chánh biến tri, 4) Minh hạnh túc, 5) Thiện thế thế gian giải, 6) Vô thượng sĩ, 7) Điều ngự tượng phu, 8) Thiên nhơn sư, 9) Hiệu Phật, 10) Thế tôn.

- (50) **Đầu đà** : (*dịch*) **phủ cạo**. Tức là **cạo phủ** trần lao phiền não. Tu Đầu đà có 12 hạnh : 1) Ở chỗ vắng vẻ, 2) Thường đi khất thực. 3) Khất thực bình đẳng, không lựa giàu nghèo, 4) Lấy cơm ăn rồi thuyết pháp thí chủ nghe, 5) Ăn có độ lượng, 6) Trước, sau giờ Ngọ không ăn, 7) Mặc y Phấn tảo, 8) Mặc ba y, 9) Ở trong gò má, 10) Ở dưới gốc cây, 11) Ngồi chỗ trống, 12) Không nằm.
- (51) **Tứ Thánh chủng** : (*4 món Thánh*) 1) Ẩm thực, 2) Y phục, 3) Ngọa cụ, 4) Y dược (nhờ đó được tu thành Thánh).
- (52) **Năm Thứ Đá Trị Bệnh** : 1) Đá Bạch anh, 2) Đá Tử anh, 3) Đá Thạch cao, 4) Đá Chung nhu, 5) Đá Thạch Chi.
- (53) **Năm Thứ Trái** : 1) Trái Ha tử, 2) Trái Bệ ích (*giống trái Đào*) (*phương này không có*), 3) Trái Dur cam, 4) Trái Tất bát. 5) Trái Hồ tiêu.
- (54) **Tám Thứ Nước** : 1) Nước trái Lê, 2) Nước trái Diêm Phù, 3) Nước trái Thanh-Táo, 4) Nước cây mía, 5) Nước trái Sanh, 6) Nước ngó sen, 7) Nước trái Bà Lâu Sư (*phương này không có*), 8) Nước trái Nho. Tám thứ nước ép lấy nước lọc lược lông trong mà uống.
- (55) **Thừa Giới Điều Gấp** : Thừa là Tạng Kinh, Giới là Tạng Luật, nghĩa là Kinh, Luật đều cần. Kinh là tâm Phật, Luật là hạnh Phật, tâm hạnh liên quan cũng như Thân và Tâm không rời.

CÔNG ĐỨC QUÍ VỊ BIÊN TẬP

- 1.- Tịnh Ý 2.- Tịnh Tâm 3.- Tịnh Ngữ
4.- Tịnh Chánh 5.- Tịnh Hạnh